

-The-
NHỮNG
QUYỀN NĂNG
TIỀM ẨN CỦA
CON NGƯỜI

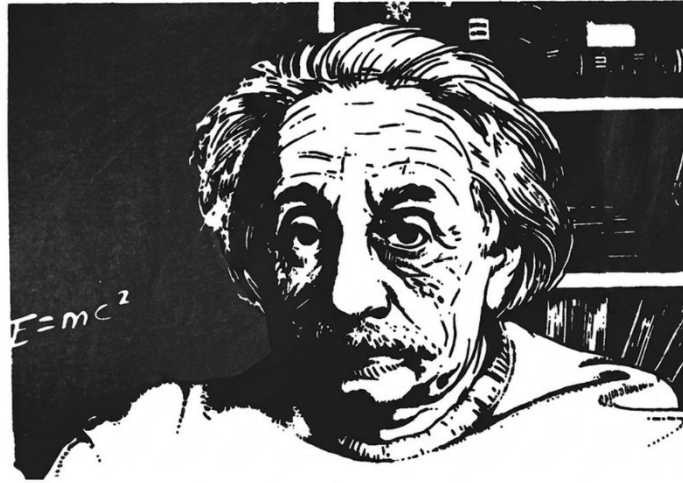


Douglas M. Baker

—*Các*—
QUYỀN NĂNG
TIỀM ẨN TRONG
CON NGƯỜI

bởi
DOUGLAS M BAKER





Cảm xúc đẹp đẽ nhất và sâu sắc nhất mà chúng ta có thể trải nghiệm là cảm giác về sự thần bí. Ai mà cảm xúc này xa lạ với họ, người không còn biết ngạc nhiên và đứng sững sờ trong sự kính úy, thì coi như đã chết.

Albert Einstein (1879-1955)

Chapter 1-Chương 1 The Inner Reality—Thực Tại Nội Tại

In every age, there have stood out like giants, those leaders of humanity who have discovered or have been taught about regions of the human mind and consciousness which remain hidden or veiled to the masses. These great ones have discovered truths about the real nature of man and in their progress towards initiation into even higher understanding and spirituality, they have left behind them records of their efforts and discoveries.

In them, the great silent areas of the brain, the frontal cortex, are fully functioning. They have developed awareness of regions of inner space which are undreamed of in our own limited consciousness.

The evidence of their own faculties, purified and prepared through long years of effort and discipline have provided for us, their younger brothers a secret teaching in symbol and analogy which is to be found underlying or esoteric in every great religion from the dawn of time.

The Invisible Universe—Vũ Trụ Vô Hình

For thousands of years, one initiate after another, one great hierophant succeeded by other great hierophants, has explored and re-explored the invisible universe, the worlds of the inter-planetary regions, during long periods when his conscious soul, united to the spiritual soul and to the ALL, free and almost omnipotent, left his body. Not only initiates of the Great Brotherhood of the Himalayas have given and still give out these teachings, but there are buddhist arhats who teach them, and they are to be found in the secret writings of Samkara, of Gautama Buddha, of Zoroaster.

Trong mọi thời đại, nổi bật như những người khổng lồ là các vị lãnh đạo nhân loại, những người đã khám phá, hoặc đã được truyền dạy, về những miền của thể trí và tâm thức con người vốn vẫn ẩn kín hay bị che màn đối với đám đông. Các vị vĩ đại ấy đã khám phá những chân lý về bản tính chân thực của con người, và trong hành trình tiến đến điểm đạo—vào sự thấu hiểu và tinh thần cao hơn—Các Ngài đã để lại sau lưng những ghi chép về nỗ lực và phát hiện của mình.

Ở nơi Các Ngài, những vùng im lặng vĩ đại của bộ não, vùng vỏ trán, vận hành trọn vẹn. Các Ngài đã phát triển được sự nhận biết về những vùng không gian nội tại mà trong tâm thức giới hạn của chúng ta, ta chưa từng dám mơ tưởng.

Bằng chính các năng lực của mình—được thanh lọc và chuẩn bị qua nhiều năm nỗ lực và kỷ luật—Các Ngài đã cung cấp cho chúng ta, những người huynh đệ trẻ hơn của Các Ngài, một giáo huấn bí ẩn qua biểu tượng và tương đồng, vốn nằm ở tầng cơ sở, hay nội môn, trong mọi tôn giáo vĩ đại từ buổi bình minh của thời gian.

Trong hàng ngàn năm, hết một vị điểm đạo đồ này đến vị khác, hết một vị đại tế sư này đến vị đại tế sư khác, đã khảo sát rồi tái khảo sát vũ trụ vô hình—các thế giới của các miền liên-hành tinh—trong những giai đoạn dài khi linh hồn có ý thức của vị ấy, hợp nhất với linh hồn tinh thần và với TOÀN THỂ, tự do và gần như toàn năng, rời khỏi thể xác. Không chỉ những điểm đạo đồ của Huynh đệ Đoàn Chánh đạo ở dãy Himalaya đã truyền trao và vẫn đang truyền trao các giáo huấn này, mà còn có các A-la-hán Phật giáo giảng dạy chúng; và người ta cũng tìm thấy chúng trong các trước tác bí mật của Samkara, của

Together they form the Secret Doctrine, or wisdom of the ages. Traces of it are found in the Veda of the Brahmins, the Zend Avesta of the Zoroastrians, the Kabbalah of the Jews and the Sufism of Islam.

The mysteries of life as well as of death, of the visible and invisible worlds, have been fathomed and observed by these initiate adepts in all epochs and in all nations. Initiates have studied these during the solemn moments of union of their divine monad with the universal Spirit, and they have recorded their experiences. Thus, by comparing and checking the observations of one with those of another, they have been able to ascertain that the vision of adepts who lived 10,000 years ago are invariably corroborated and verified by those of modern adepts, to whom the writings of the former never do become known until later. A definite science based on these personal observations and experiences has thus been established.

Spiritual Unity—Hợp Nhất Tinh Thần

It is this science of the Inner Reality which is going to inspire continuously those who are to bring about the spiritual unity of the nations and the brotherhood of man. It is this science which separates no man from another because of his religion, his colour, his class or his sex, that will provide the spiritual regeneration of the planet, as it has done in many other difficult epochs. It acts as a conscience to the intelligentsia of this planet, to the few who recognize materialism for what it is, materialism with all its sickening paraphernalia, its wars, its hydrogen bombs, its prisons and its ghettos, its profit for the few at the expense of the many, its stimulation of the emotions with advertising and pornography, its worship

Đức Phật Gautama, của Zoroaster. Tất cả hợp thành Giáo Lý Bí Nhiệm, hay minh triết của muôn đời. Dấu vết của nó được tìm thấy trong Veda của người Bà-la-môn, Zend Avesta của người thờ Zoroaster, Kabbalah của người Do Thái và Huyền học Sufi của Hồi giáo.

Những bí nhiệm của sự sống cũng như của cái chết, của các thế giới hữu hình và vô hình, đã được thăm dò và quán sát bởi các bậc điểm đạo tinh thông qua mọi thời và ở mọi dân tộc. Các điểm đạo đồ đã khảo cứu chúng trong những khoảnh khắc trang nghiêm của sự hợp nhất giữa chân thần thiêng liêng của họ với Thần Linh phổ quát, và đã ghi chép những kinh nghiệm của mình. Như thế, bằng cách so sánh và đối chiếu quan sát của người này với người khác, họ đã có thể xác quyết rằng những khai thị của các điểm đạo đồ sống cách đây 10.000 năm luôn được những vị hiện đại chứng thực và kiểm chứng—những vị mà trước đó chưa hề biết đến các trước tác của người xưa. Nhờ vậy đã hình thành nên một khoa học xác định, đặt nền trên chính những quan sát và kinh nghiệm cá nhân ấy.

Chính khoa học về Thực Tại Nội Tại này sẽ liên tục truyền cảm hứng cho những ai sẽ kiến tạo nên sự hợp nhất tinh thần của các quốc gia và tình huynh đệ của nhân loại. Chính khoa học này—vốn không tách biệt người này khỏi người kia vì tôn giáo, màu da, giai cấp hay giới tính—sẽ mang lại sự tái sinh tinh thần của hành tinh, như nó đã từng làm trong nhiều thời kỳ khó khăn khác. Nó hành xử như lương tâm đối với giới trí thức của hành tinh, đối với số ít người nhận ra chủ nghĩa duy vật đúng như bản chất của nó—chủ nghĩa duy vật với tất cả bộ đồ phụ tùng gây lợm giọng: chiến tranh, bom khinh khí, nhà tù và các khu ổ chuột, lợi nhuận cho số ít trên lưng số đông, sự kích thích cảm xúc bằng quảng cáo và văn hóa phẩm đồi trụy, sự

of the pragmatic, its love of results irrespective of effort.

It is like the Hound of Heaven, ever at the heels of those who desire to know or those who awaken from the deep sleep of materialism in which the masses of mankind are now indulging.

With all our so-called advancement, our age of science, our high standard of living that would have made old Henry VIII green with envy, our gadgets, our fashions, our psychedelic drugs ... for all this we still cannot answer three fundamental questions which obsess mankind:

- Where do we come from?
- Why are we here on earth?
- Where do we go to from here?

With the help of the tenets of the Ancient Wisdom I have drawn up the occult proposition as to the true nature of man, a being with latent powers quite capable of resolving his own problems were he to give due consideration to his inner being. From that wide being there is no escape:

I fled Him, down the nights and down the days;

I fled Him, down the arches of the years;

I fled Him, down the labyrinthine ways

Of mine own mind, and in the midst of tears

I hid from Him, and under running laughter,

Up vistaed hopes, I sped;

And, shot, shot precipitated

sùng bái cái thực dụng, sự yêu chuộng kết quả bất chấp nỗ lực.

Nó giống như Con Chó Săn của Trời, luôn bám sát gót chân những ai khát khao biết, hay những ai bừng tỉnh khỏi cơn ngủ mê của chủ nghĩa duy vật—trong đó hiện nay đám đông nhân loại đang đắm chìm.

Với tất cả cái gọi là tiến bộ của chúng ta—thời đại khoa học, mức sống cao đủ làm cho ông vua Henry VIII thời xưa phải xanh mặt vì ghen tị, các tiện nghi, thời trang, thuốc hướng thần ảo giác...—mặc cho tất cả những thứ ấy, chúng ta vẫn không thể trả lời ba câu hỏi căn bản ám ảnh nhân loại:

- Chúng ta từ đâu đến?
- Vì sao chúng ta hiện hữu trên trần thế?
- Từ đây, chúng ta sẽ đi về đâu?

Với sự trợ giúp của những tín điều của Minh Triết Ngàn Đời, tôi đã phác thảo luận đề huyền môn về bản tính chân thực của con người—một hữu thể với các quyền năng tiềm ẩn, hoàn toàn có khả năng tự giải quyết các vấn đề của mình nếu y chịu lưu tâm đúng mức đến hữu thể nội tại. Khỏi Hữu thể bao la ấy, không thể chạy trốn:

Ta trốn Ngài qua những đêm và qua những ngày;

Ta trốn Ngài suốt vòm cung của những năm tháng;

Ta trốn Ngài trong những lối mê cung

Của chính tâm trí ta, và giữa lệ tuôn rơi

Ta ẩn mình khỏi Ngài, dưới những tràng cười rộn rã,

Theo đuổi những hy vọng mở lối thênh thang, ta lao đi;

Và, bị bắn, bị bắn, rồi rơi nhào

Adown Titanic glooms of chasmed fears,

*From those strong Feet that followed,
followed after.*

But with unhurrying chase,

And unperturbed pace,

Deliberate speed, majestic instancy,

They beat—and a voice beat

More instant than the Feet –

'All things betray thee, who betrayest Me'.

—From *The Hound of Heaven* by Francis Thompson.

Mankind, in the mass escapes the Hound but to man on the Path of Return, to man who is short-circuiting his evolutionary arc, the Hound is ever present, goading him on to greater spirituality, through service to his fellowmen, through meditation and through focus of the mind.

The occult proposition is that for the mass of mankind, with its limited vision, the true nature of man is not seen but remains ever veiled. The ruffled surface of the lake is not the whole story of the lake. Man, as we have seen is a sevenfold being—yet even the intelligentsia of the world regard him as possessing but one outer, physical or material body.

Karma—Nghệp Quả

The occult law states that each man is responsible for the body he has and he, as a soul, is the cause of it. Structurally it is, as it were, a condensation of actions arising out of the past. Man reaps today what he has down in the past. More than this, man is the

*Xuống những u minh khổng lồ của vực thăm
sợ hãi,*

Xa đôi Chân mạnh mẽ cứ đuổi, đuổi theo sau.

Nhưng bằng một cuộc đuổi theo không vội vã,

Và một nhịp bước không xao động,

Tốc độ đỉnh đạc, cấp bách uy nghi,

Chúng đập—và một giọng nói vang lên

Khẩn cấp hơn cả những Bước Chân—

*“Mọi sự đều phản bội ngươi, kẻ đã phản bội
Ta.”*

—Trích từ *Con Chó Săn của Trời* của Francis Thompson.

Nhân loại, trong toàn khối, thoát khỏi Con Chó Săn; nhưng với con người trên Con Đường Trở Về—người đang rút ngắn cung tiến hóa của mình—Con Chó Săn luôn hiện diện, giục giã y hướng tới tinh thần cao hơn, qua phụng sự đồng loại, qua tham thiền, và qua sự tập trung của thể trí.

Lược đề huyền môn cho rằng, đối với đại đa số nhân loại với tầm nhìn hạn hẹp, bản tính chân thực của con người không được nhìn thấy mà luôn bị che màn. Mặt hồ gợn sóng không phải là toàn bộ câu chuyện về hồ nước. Con người—như chúng ta đã thấy—là một hữu thể thất phân; ấy thế mà ngay cả giới trí thức trên thế giới cũng chỉ xem y có một thể bên ngoài—thể hồng trần hay vật chất.

Định luật huyền môn khẳng định rằng mỗi người chịu trách nhiệm về thân xác mình có, và y—với tư cách linh hồn—là nguyên nhân của nó. Về cấu trúc, nó, như thế, là sự cô đặc của các hành vi phát sinh từ quá khứ. Con người gặt hôm nay những gì y đã gieo trong

maker of his own future through causes initiated in the past. Or as St Paul so aptly says:

Be not deceived; God is not mocked; for whatever a man soweth, that shall he also reap. (Gal. 6:7)

And by past actions, we don't just mean the immediate past of last week's gluttony—or this week's abstinence—but of causes arising from the past which may go back into many previous lives. Our bodies, both outer and inner, are receptacles of good or bad energies arising from past actions. They are the product of the laws of cause and effect which the occultist calls karma.

The esoteric wisdom of all great religions teach its existence. In Islam, the concept of fate is indicative of the principle of karma. In both Hinduism and Buddhist teachings it figures prominently as the Law of Karma to which even a solar or galactic Logos are subject. In the Bible it is represented in the powerful Hebrew philosophy of 'an eye for an eye'. It is referred to in the Upanishads as the 'mighty secret'.

Edgar Cayce—Edgar Cayce

There is a whole branch of fringe medicine based on this occult law—that psychological and physiological imbalance can be traced in many instances to ancient causes. The case files of Edgar Cayce, the famous American healer bear testimony to the Law of Karma and show how knowledge of the real and underlying cause of a disease or condition in terms of karma can lead to the dissolution of the most stubborn or chronic conditions. This explains why some people fall victims in an epidemic whilst others escape, and why on many occasions the strongest

quá khứ. Hơn thế nữa, con người là kẻ tự tạo tương lai của chính mình qua các nhân do y khởi lập trong quá khứ. Như Thánh Phao-lô đã nói thật đích đáng:

Chớ tự lừa dối; Thượng đế không để cho bị nhạo báng; vì người gieo giống nào, sẽ gặt giống ấy. (Ga-la-ti 6:7)

Và nói về những hành động quá khứ, chúng ta không chỉ muốn nói đến quá khứ gần—như việc ăn uống vô độ của tuần trước, hay kiêng khem của tuần này—mà là những nhân khởi sinh từ quá khứ có thể kéo dài qua nhiều kiếp trước. Các thể của chúng ta—cả ngoài lẫn trong—là những bình chứa các năng lượng tốt hoặc xấu phát sinh từ các hành động trong quá khứ. Chúng là sản phẩm của định luật nhân quả mà nhà huyền bí học gọi là nghiệp quả.

Minh triết nội môn của mọi tôn giáo vĩ đại đều dạy về sự hiện hữu của nó. Trong Hồi giáo, khái niệm định mệnh biểu trưng cho nguyên lý của nghiệp quả. Trong cả Ấn giáo và Phật giáo, nó nổi bật như Định luật Nghiệp Quả mà ngay cả một Thái dương Thượng đế hay một Thượng đế Ngân Hà cũng lệ thuộc. Trong Kinh Thánh, nó được biểu đạt bằng triết học Do Thái đầy uy lực về “mắt đền mắt”. Trong Áo Nghĩa Thư (Upanishad), nó được gọi là “bí mật hùng vĩ”.

Có hẳn một nhánh y học cận biên đặt nền trên định luật huyền môn này—rằng mất quân bình tâm lý và sinh lý học, trong nhiều trường hợp, có thể truy nguyên về những nguyên nhân xa xưa. Hồ sơ các ca bệnh của Edgar Cayce, vị lương y Hoa Kỳ nổi tiếng, là minh chứng cho Định luật Nghiệp Quả, và cho thấy cách hiểu biết về nguyên nhân thật sự và căn rễ của một bệnh chứng—xét theo nghiệp quả—có thể dẫn đến sự tan rã của những tình trạng ngoan cố hay mạn tính nhất. Điều này giải thích vì sao có người mắc nạn trong một trận dịch trong khi người

physical specimens go down in condition of stress when their 'weaker' brethren survive. Cayce says of karma:

In all cases we find, whether they be of beauty or of deformity, whether they be retributive, persistive or rewarding, a single factor in common. In all of them the attitudes and actions of the soul in the past have led to the characteristics manifested by the body to which the soul has now been magnetically attracted ... the body is far more than a mere vaguely appropriate vehicle of consciousness. It is a vehicle to be sure ... an instrument of locomotion in a very real sense. But it is not a separate thing, distinct from and essentially unrelated to its indwelling person in the way that a taxicab, say, is distinct from and unrelated to the passenger that takes it for hire on a journey through town. It is a vehicle rather, that is itself the direct product and creation of the worm that spun it. At the same time the body is also an infinitely subtle, intimate and accurate mirror. It mirrors both the present and the past, in its movements and ever-changing expressions, are reflected contemporary attitudes, ethics and conduct of the ever present soul and of the soul's long-ago past.

This forms the true basis for psychosomatic medicine.

khác lại thoát, và vì sao nhiều khi những thân thể cường tráng nhất lại gục ngã trong điều kiện căng thẳng, còn những người “yếu” hơn lại sống sót. Cayce nói về nghiệp quả:

Trong mọi trường hợp, dù là đẹp đẽ hay dị dạng, dù là báo ứng, kéo dài hay thưởng báo, chúng ta đều thấy một yếu tố chung duy nhất. Trong tất cả, những thái độ và hành vi của linh hồn trong quá khứ đã dẫn đến các đặc điểm được phô lộ bởi thân thể mà linh hồn hiện nay đã bị hút đến một cách từ tính... thân thể còn hơn xa một vận cụ mơ hồ tương xứng của tâm thức. Quả là một vận cụ... một khí cụ vận động theo nghĩa rất thực. Nhưng nó không phải là một vật thể tách rời, biệt lập và về bản chất không liên hệ gì với chủ thể cư ngụ bên trong—theo cách mà, thí dụ, một chiếc taxi tách biệt và chẳng liên quan gì đến hành khách thuê nó cho một chuyến đi trong thành phố. Đúng hơn, nó là một vận cụ tự thân là sản phẩm trực tiếp và là sáng tạo của chính “con tằm đã se nên nó”. Đồng thời, thân thể cũng là một tấm gương vô cùng tinh vi, mật thiết và chính xác. Nó phản chiếu cả hiện tại lẫn quá khứ; trong những chuyển động và biểu hiện không ngừng biến dịch của nó, được phản chiếu những thái độ, đạo lý và hạnh kiểm đương thời của linh hồn luôn hiện diện—cũng như quá khứ xa xưa của linh hồn.

Đây là nền tảng chân thực cho y học tâm-thể.

Chapter 2-Chương 2

Heart Transplantation—Cấy Ghép Tim

It is small wonder then that orthodox medical science cannot cope with a long list of diseases still afflicting man today, such as:

- Psychological depression of the endogenous type;

Không có gì đáng ngạc nhiên khi y học chính thống không thể đối phó với một danh sách dài các bệnh vẫn còn đang dày vò con người ngày nay, như:

- Trầm cảm tâm lý loại nội sinh;

- Schizophrenia, notwithstanding shock treatment;
- Rheumatoid Arthritis, 3 million sufferers in England alone;
- Cancer, despite hundreds of millions spent on research year after year;
- Hypertension;
- Arterio-sclerosis;
- Coronary-artery disease; *etc.*

If we ignore the delphic Oracle of Man, Know Thy *SELF*, if we take no heed of man's inner nature and subtle vehicles, we are merely dealing with effects and not with causes. To ignore that inner unit of motivating energy the soul, is to make us like the early rural inhabitants who viewed with awe the advent of the steam engine, many of them often believing that the locomotive contained a horse inside its iron walls, little knowing the secret of its motivation by means of energy derived from a change of state in water into its more ethereal or 'inner' nature, steam.

- Tâm phân liệt, bất kể liệu pháp sốc;
- Viêm khớp dạng thấp—riêng ở Anh đã có 3 triệu người mắc;
- Ung thư—dù năm này qua năm khác tiêu tốn hàng trăm triệu cho nghiên cứu;
- Tăng huyết áp;
- Xơ cứng động mạch;
- Bệnh động mạch vành; v.v.

Nếu chúng ta phớt lờ lời sấm truyền ở Đền Delphi về Con Người: “Hỡi Người, Hãy Biết **CHÍNH MÌNH**”, nếu chúng ta chẳng đoái hoài đến bản tính nội tại và các vận cụ vi tế của con người, thì ta chỉ đang xử lý các quả chứ không phải các nhân. Phớt lờ đơn vị nội tại của năng lượng thúc đẩy—linh hồn—là khiến chúng ta giống như cư dân nông thôn thuở trước, những người khi kinh ngạc nhìn thấy đầu máy hơi nước, đã tin rằng có một con ngựa ở bên trong khối sắt ấy, mà chẳng hề biết bí mật vận động của nó là nhờ năng lượng phát sinh từ sự chuyển trạng thái của nước sang bản chất “nội” hơn của nó—hơi nước.

Gigantic Life-forces—Những Mạnh Lực Sự Sống Khổng Lồ

Today we accept that a quantity of uranium no bigger than a fist will light up and drive a large city for many years, or take astronauts to the planets and back, but we do not accept that there can be an inner force directing the flow of inspiration, consciousness and character that emanate from the human brain. Instead science attempts to explain human consciousness in terms of blood sugar and neuro-hormonal control heredity and learning. It thinks that a heart will work a body, any old heart will do, given some understanding of tissue tying and immunology, little knowing that each human heart and its heart chakra are the

Ngày nay chúng ta chấp nhận rằng một lượng uranium không lớn hơn nắm tay có thể thắp sáng và vận hành một thành phố lớn trong nhiều năm, hoặc đưa các phi hành gia đến các hành tinh rồi trở về; nhưng chúng ta lại không chấp nhận rằng có thể có một nội lực đang điều phối dòng chảy của cảm hứng, tâm thức và tính cách tỏa xuất từ bộ não con người. Thay vào đó, khoa học cố giải thích tâm thức con người bằng đường huyết, sự điều hòa nội tiết—thần kinh, di truyền và học tập. Người ta cho rằng một trái tim sẽ vận hành một cơ thể—tim nào cũng được—miễn có chút hiểu biết về cấy ghép mô và miễn dịch học; họ chẳng hề biết rằng mỗi

bridgehead for gigantic 'life-forces' that stream into the body from the sun through the sinu-atrial node. And for this and many other very good occult reasons the heart must be regarded as it always has been by the esoteric wisdom of all ages, as a very special organ which cannot be trifled with lightly.

The problem of heart transplantation is essentially one of energy the energy from *within*. Energy from within is constant, but most marked during the natural and refreshing act of sleep. Any attempt to draw on the energy consciously, by undergoing tremendous disciplines involving such feats as meditation, one-pointed concentration and selfless—acts of service, produce a shortening of the path of evolution for the person concerned. Any other interference with the natural processes of drawing on this energy is hazardous and bound to produce the most appalling toll.

Anatomically speaking, the heart is an ordinary enough organ, a mere pump made out of unusual muscle, capable of contracting at sufficient strength to pump the blood under pressure through the arteries to every tissue in the body. In theory, it should have been even easier to transplant the heart than a liver or kidney, wherein toxic substances abound and compatibility between donor and recipient might be a very difficult problem to overcome. The surgery is more difficult in the case of the heart, but this has not been the obstacle.

The real truth of the matter lies deeper. It lies in the little known esoteric anatomy of the heart as the basic organ of the body's vital force. It is the primary energiser of the body and no mere pump! It is the advanced power station through which the planetary Lord expresses His life. It is the meeting point for forces of mind, emotions and body (vagus nerve, sympathetic nerves and sinus node or

quả tim con người, cùng luân xa tim của nó, là đầu cầu cho những “mãnh lực sự sống” khổng lồ tuôn vào thể xác từ mặt trời qua nút xoang-nhĩ. Và vì thế, cùng nhiều lý do huyền môn rất xác đáng khác, tim phải được xem—như minh triết nội môn muôn đời vẫn xem—là một cơ quan rất đặc biệt, không thể tùy tiện đùa bỡn.

Vấn đề của cấy ghép tim, về thực chất, là vấn đề của năng lượng—năng lượng từ *bên trong*. Năng lượng từ bên trong là hằng hữu, nhưng biểu lộ rõ nhất trong hành động tự nhiên giúp phục hồi là giấc ngủ. Mọi nỗ lực cố ý rút năng lượng ấy ra—bằng cách chịu đựng các kỷ luật khắc nghiệt như tham thiền, tập trung nhất tâm, và các hành động phụng sự vô ngã—đều đưa đến việc rút ngắn con đường tiến hóa cho đương sự. Mọi can thiệp khác vào các tiến trình tự nhiên của việc tiếp dẫn năng lượng này đều nguy hiểm và ắt gây nên một tổn thất khủng khiếp.

Nói về giải phẫu, tim là một cơ quan đủ bình thường—chỉ là một cái bơm làm bằng loại cơ đặc biệt—có khả năng co bóp đủ mạnh để bơm máu dưới áp lực qua các động mạch đến mọi mô trong cơ thể. Về lý thuyết, lẽ ra việc cấy ghép tim còn dễ hơn gan hay thận—nơi tràn đầy các chất độc và tính tương hợp giữa người cho và người nhận có thể là một vấn nạn rất khó vượt qua. Phẫu thuật tim tuy khó hơn, nhưng đó không phải là chướng ngại chủ yếu.

Sự thật nằm sâu hơn. Nó nằm trong giải phẫu nội môn ít được biết đến của trái tim—với tư cách là cơ quan căn bản của sinh lực cơ thể. Nó là trạm năng lượng chủ đạo của thân thể—chứ không phải chỉ là một cái bơm! Nó là nhà máy điện tiên tiến, qua đó Đức Chúa Tể Hành tinh biểu lộ Sự Sống của Ngài. Nó là điểm hội tụ cho các mãnh lực của trí, cảm xúc và thân (dây thần kinh phế vị, hệ giao

Air, Water and Land). It is the point through which the soul begins to grasp its vehicle whilst the latter is in its embryonic stage of development. It is the point of attachment and detachment of a thread of etheric and subtler material withdrawn at death. It is strongly linked to the action of the thymus gland as an outward expression of the heart chakra. The etheric energies that pour into it express the ray qualities of the subtler bodies and of high planetary beings.

Self and Not-self—Tự-ngã và Phi-ngã

The problem of rejection and acceptance of body organs is basically one of Self and Not-self. The body contains, mainly in the blood system elements which reject any sort of foreign material introduced into the body, that which, at a physical level is recognised as the not-self. By choosing tissues which are alike, transplants can be made in most organs. But this success is purely at a physical level. Sometimes rejection of the not-self begins higher up at an emotional or mental level, and then after some period of apparent surgical success, the physical tissues obey the dictates of mental or emotional impulses which are rejecting at an inward level, and the grafted organ is finally rejected, usually at a time when the body is at a low level of vitality anyway ... during a cold, a bout of infection etc.

When we talk of the Self, we mean ultimately the soul, the eternal and undying I within, the possessor of the body, the point of consciousness which directs the bodily kingdom, that migrates in sleep and departs in death. In forming the antakarana with the soul, in strengthening the soul's grip on our outward sheaths, we learn to discriminate between the real, which is the eternal, and the unreal which is the unending part of us, the material and false.

This discrimination, which leads to *rejection*

cảm và nút xoang—hay Khí, Nước và Đất). Nó là điểm mà qua đó linh hồn bắt đầu nắm lấy vận cụ của mình khi vận cụ ấy còn ở giai đoạn phôi thai. Nó là điểm bám và tháo của một sợi dây bằng chất liệu dĩ thái và vi tế hơn—được thu hồi lúc chết. Nó gắn bó chặt chẽ với hoạt động của tuyến ức như một biểu lộ ngoại hiện của luân xa tim. Các năng lượng dĩ thái đổ vào tim biểu lộ các phẩm tính cung của những thể vi tế và của các Đấng Hành tinh cao cả.

Vấn đề đào thải và tiếp nhận cơ quan cấy ghép, căn bản là vấn đề giữa Tự-ngã và Phi-ngã. Cơ thể—chủ yếu là trong hệ máu—chứa đựng các thành phần loại bỏ bất cứ chất lạ nào được đưa vào—tức cái mà ở bình diện vật chất được nhận ra là phi-ngã. Bằng cách chọn các mô tương đồng, có thể ghép hầu hết các cơ quan. Nhưng thành công này thuần túy ở bình diện vật chất. Đôi khi sự đào thải cái phi-ngã khởi sự ở tầng cao hơn—tầng cảm xúc hay trí tuệ—và khi ấy, sau một thời gian tưởng như phẫu thuật đã thành công, các mô vật chất vâng theo mệnh lệnh của các xung lực trí hay cảm xúc đang đào thải ở nội tại; cuối cùng, cơ quan ghép sẽ bị loại bỏ—thường là vào lúc cơ thể đang ở mức sinh lực thấp... như trong một cơn cảm, một đợt nhiễm trùng, v.v.

Khi chúng ta nói về Tự-ngã, rốt ráo là chúng ta nói về linh hồn—cái Ta vĩnh cửu bất diệt bên trong—đấng sở hữu thân xác, điểm tâm thức điều khiển vương quốc thân thể, kẻ du hành trong giấc ngủ và lìa đi trong cái chết. Trong việc hình thành antahkarana với linh hồn, trong việc tăng cường sự nắm giữ của linh hồn đối với các lớp vỏ bên ngoài của chúng ta, chúng ta học cách phân biệt giữa cái thực—tức vĩnh hằng—và cái không thực—tức phần không bền vững nơi ta, phần vật chất và giả tạm.

Sự phân biệt này—dẫn đến sự *loại bỏ* cái

of the unreal, lies at the root of *rejection* of organ implants, for discrimination exists within us at all levels. We learn to reject first at the emotional level but already, since long before actual birth, we have been rejecting at a physical level in embryo and subsequently. Rejection of Not-self starts early in the cells and molecules, far below our awareness, and is almost reflex in action. For centuries the surgeons have been dealing with these problems of rejection ... assisting the patient in his fight between Self and Not-self. Not-self, in this respect, is the germ and virus and their products.

But now attention has shifted to the battle going on at a higher level, and this time the surgeons are fighting to get the self to *accept* a piece, a whole organ of Not-self ... *A far more difficult task.*

We are experiencing more and more autoimmune diseases in which the body fights off or rejects even parts which it is elaborating itself (Hashimoto's disease) ... we are becoming more and more sensitive to invasion of our bodily kingdoms.

This is going on at all levels. Eventually, our surgeons and doctors will be giving much attention to the fight against schizophrenia ... where there is rejection of personality at a mental and emotional level.

White Cells—Bạch Cầu

Heart transplants have made the public more aware of this action rejection of tissue or invasion by the body. The body fights off transplants as if they were foreign bodies or groups of germs. The white cells of the blood are mainly concerned with this task. Drugs are therefore given to reduce the activity of these cells. If insufficient of the particular drug is given, the white cells produce massive rejection of the transplanted organ. If too much of the drug is given the white

không thực—nằm ở cội nguồn của sự đào thải các cơ quan cấy ghép; bởi phân biệt hiện hữu trong ta ở mọi tầng. Ta học cách loại bỏ trước hết ở tầng cảm xúc; nhưng đã từ rất lâu trước lúc chào đời, ta đã loại bỏ ở tầng vật chất—trong bào thai và về sau. Sự đào thải Phi-ngã khởi sớm trong các tế bào và phân tử—xa dưới ngưỡng nhận biết của ta—và gần như là phản xạ. Suốt bao thế kỷ, các phẫu thuật gia đã đối diện các vấn đề đào thải này... hỗ trợ bệnh nhân trong cuộc chiến giữa Tự-ngã và Phi-ngã. Ở nghĩa này, Phi-ngã là vi trùng, siêu vi và các sản phẩm của chúng.

Nhưng nay sự chú ý đã chuyển lên cuộc chiến đang diễn ra ở bình diện cao hơn, và lần này, các phẫu thuật gia lại đang chiến đấu để buộc Tự-ngã *chấp nhận* một phần—một cơ quan trọn vẹn—của Phi-ngã... *Một nhiệm vụ khó gấp bội.*

Chúng ta ngày càng gặp nhiều bệnh tự miễn, trong đó cơ thể chống lại hoặc đào thải ngay cả những phần mà chính nó đang tạo tác (bệnh Hashimoto)... chúng ta đang trở nên nhạy cảm hơn bao giờ hết trước sự xâm nhập vào vương quốc thân thể của mình.

Điều này diễn ra ở mọi tầng. Rồi ra, các phẫu thuật gia và bác sĩ sẽ phải dành nhiều quan tâm cho trận chiến chống tâm phân liệt... nơi có sự đào thải của phàm ngã ở tầng trí và cảm xúc.

Các ca ghép tim đã khiến công chúng ý thức rõ hơn về hành động đào thải mô, hay sự xâm nhập bị cơ thể chống lại. Cơ thể xua đuổi cơ quan cấy ghép như thể đó là vật lạ hoặc một nhóm vi trùng. Bạch cầu trong máu chủ yếu đảm nhận nhiệm vụ này. Vì vậy, người ta dùng thuốc để giảm hoạt tính của những tế bào ấy. Nếu dùng không đủ liều thuốc chuyên biệt, bạch cầu sẽ tạo ra sự đào thải ồ ạt với cơ quan ghép. Nếu dùng quá liều, bạch cầu có thể bị ức chế quá mức, và cơ thể trở

cells may be depressed too far and the body becomes the target of any invading organism and without enough white cells to defend itself, the body succumbs to massive, overwhelming infection. This is the outward story.

But there are inner factors at play which escape the attention of the surgeons and these are linked to the heart's esoteric functions. Before considering them let us first look at the white cells of the blood on which so much depends. More than half of them are what we call 'poly-rnorphs'. They have strange nuclei which change their shape almost as fast as the cells change their outline. By changing their shapes they engulf foreign particles, including germs. They have traditionally been correlated with the astral nature of man and the astral plane of the emotions, partly because of their amoeboid characteristics, their ever-changing shape, their elusive nature and ghost-like forms.

The other white cell is the lymphocyte. Lymphocytes do not change shape; their work is to produce minute antibodies which counteract foreign, Not-self particles, including the organ transplants of donors! These cells are produced by the thymus gland, a strange organ lying beneath the breastbone close to the heart, with which it has very strong esoteric links. Lymphocytes go to populate the lymph nodes of the body and the spleen. The thymus gland is an endocrine organ and therefore, of especial esoteric significance because each endocrine organ in the body is closely related to an etheric chakra. The thymus normally atrophies around about adolescence. In some people it persists ... to produce 'thymic types' which very frequently are either criminal psychopaths or highly developed 'soul' types.

thành mục tiêu của bất kỳ tác nhân xâm nhập nào; thiếu bạch cầu để tự vệ, cơ thể sẽ gục ngã trước một tình trạng nhiễm trùng tràn lan, áp đảo. Đó là câu chuyện ở mặt ngoài.

Nhưng có các yếu tố nội tại đang vận hành—thoát khỏi sự chú ý của các phẫu thuật gia—và chúng gắn liền với các chức năng nội môn của trái tim. Trước khi xét đến chúng, hãy trước hết quan sát bạch cầu—yếu tố mà quá nhiều điều tùy thuộc. Hơn một nửa là cái mà ta gọi là “đa nhân”. Chúng có nhân kỳ lạ—thay đổi hình dạng gần như nhanh ngang với sự đổi hình của chính tế bào. Bằng cách biến đổi hình dạng, chúng nuốt chửng các hạt lạ—kể cả vi trùng. Từ lâu, người ta tương quan chúng với bản tính cảm dục của con người và với cõi cảm dục—một phần vì đặc tính kiểu a-míp, hình dạng luôn biến dịch, bản chất khó nắm bắt và đáng hình như bóng ma của chúng.

Loại bạch cầu khác là lympho. Lympho không đổi hình; công việc của chúng là sản xuất các kháng thể cực nhỏ để trung hòa các hạt lạ—Phi-ngã—kể cả các cơ quan ghép của người hiến! Những tế bào này do tuyến ức sinh sản—một cơ quan kỳ lạ nằm dưới xương ức, gần tim, có liên hệ nội môn rất mạnh với tim. Lympho đi đến cư trú các hạch bạch huyết trong cơ thể và lách. Tuyến ức là một tuyến nội tiết, vì thế có ý nghĩa nội môn đặc biệt—bởi mỗi tuyến nội tiết đều liên hệ mật thiết với một luân xa dĩ thái. Tuyến ức thường thoái hóa vào khoảng tuổi dậy thì. Ở vài người, nó tồn lưu... tạo nên “dạng tuyến ức”—rất thường hoặc là những kẻ loạn thần phạm pháp, hoặc là những “dạng linh hồn” phát triển cao.

Atom's and Molecules—Nguyên tử và Phân tử

Now it is a very well-known scientific fact that we are constantly replacing the tissues of our bodies right down to the very atoms and molecules which make up our cells. What is not generally known is that even atoms and molecules are alive and possess a consciousness of their own, highly or lowly developed according to the consciousness of the one of which they are a part, the one in whom they live and move and have their being. Therefore, according to the esoteric development of the soul, the I, or possessor of the body, atoms of carbon, oxygen, hydrogen and trace elements, will be attracted into the body tissues. According to our consciousness we accept or reject the more enlightened atoms or less enlightened and tend to reject all else. The highest atoms in esoteric development are found in the plant kingdom, less so in animals and even less so in minerals.

We can therefore supply our bodies with atoms (food) of the highest order or of lesser orders and these living beings are incorporated into us, thus permitting the organism as a whole a larger or lesser awareness and esoteric development. All this takes place under the guidance of the heart chakra. The heart chakra energises, amongst other organs, the thymus gland, which, as we have seen, is able to produce lymphocytes which initiate the main reaction to transplanted organs.

Although figures as yet do not show it, I venture to prophesy that those most likely to accept a heart-transplant will be the least developed on the scale of esoteric evolution, other immunological problems aside, for these, the younger souls in incarnation, have the lowest powers, on all levels, of discriminating between Self and Not-self. They are most likely to accept transplants of Not-self.

The factors producing rejection of a transplant, just when it seems that the body

Nay có một sự kiện khoa học rất quen thuộc: chúng ta liên tục thay mới các mô cơ thể—xuống tận mức các nguyên tử và phân tử cấu thành tế bào của mình. Điều chưa được biết rộng rãi là ngay cả nguyên tử và phân tử cũng có sự sống và có tâm thức riêng—cao hay thấp tùy theo tâm thức của Đấng mà chúng là một phần—Đấng trong đó chúng sống, chuyển động và hiện hữu. Vì thế, tùy theo sự phát triển nội môn của linh hồn—cái Ta, hay chủ thể sở hữu thân xác—các nguyên tử carbon, oxy, hydro và các nguyên tố vi lượng sẽ được hấp dẫn vào mô thân thể. Tùy theo tâm thức, chúng ta chấp nhận hay đào thải những nguyên tử “giác ngộ” hơn hay kém, và có khuynh hướng loại trừ mọi thứ khác. Những nguyên tử có phát triển nội môn cao nhất được tìm trong giới thực vật; thấp hơn ở động vật; và thấp hơn nữa ở khoáng vật.

Do đó, chúng ta có thể cung cấp cho thân thể mình những nguyên tử (thực phẩm) bậc cao nhất, hoặc của các bậc thấp hơn; và những sinh linh sống ấy được dung nạp vào ta, cho phép toàn thể cơ thể có một tâm nhận biết và phát triển nội môn lớn hơn hoặc nhỏ hơn. Tất cả diễn ra dưới sự hướng dẫn của luân xa tim. Luân xa tim tiếp sinh lực—trong số các cơ quan khác—cho tuyến ức; như ta đã thấy, nó có thể sản sinh các lympho, vốn khởi phát phản ứng chủ yếu đối với cơ quan cấy ghép.

Dù số liệu còn chưa cho thấy, tôi mạo muội tiên đoán rằng những người có khả năng chấp nhận cấy ghép tim nhiều nhất sẽ là những người kém phát triển hơn trên thang bậc tiến hóa huyền môn—bỏ qua các vấn đề miễn dịch học khác—bởi những linh hồn trẻ đang lâm phạm này có năng lực phân biệt giữa Tự-ngã và Phi-ngã thấp nhất ở mọi tầng. Họ có nhiều khả năng chấp nhận sự cấy ghép của Phi-ngã.

Các yếu tố tạo ra sự đào thải một mảnh ghép—đúng vào lúc tưởng như cơ thể đang tiếp

is accepting the graft, stem basically from the astral body acting as it does preponderantly through the blood stream and the white cells. And I would say that heart transplants at this stage should be regarded as palliative measures rather than as permanent cures.

I would also say that the measure of success so far gained has, in the main part, been the result of the surgical technique of retaining a large amount of the recipient's right atrium, which holds the all-important sinus node. Esoterically speaking, the sinus node is the most important anatomical portion of the heart, and for very good reasons (see diagram). Heart muscle has extraordinary powers not shared by ordinary muscle. It is possible to remove cardiac muscle and place it in a special solution of ions and salts, whereupon it will continue its contractions for a long time.

'The cardiac fibre has the power of originating within itself the impulse that makes it contract. This is one of the first properties to appear in the course of (embryonic) development. As soon as the heart is formed in the embryo ... it contracts rhythmically and this rhythmic beat persists even after it has been separated from the organism.'

—*Human Physiology by Houssay.*

The part of the heart which beats the fastest and initiates the contraction of all other fibres is called the sinus node (see diagram). From this strange tissue, waves of electrical excitation pass to all parts of the heart and it imposes its rhythm on all, so that it is known as the 'pacemaker'. It is through this very 'sacred' piece of tissue that waves of etheric impulses descend into the purely physical atoms. The sinus node of the heart of every organism is linked by an etheric 'umbilicus' to the etheric body of mother earth.

nhận nó—cơ bản phát nguyên từ thể cảm dục (thể vía), vốn hành xử chủ đạo qua dòng máu và bạch cầu. Và tôi muốn nói rằng việc ghép tim ở giai đoạn này nên được xem là biện pháp xoa dịu hơn là chữa trị vĩnh viễn.

Tôi cũng muốn nói rằng phần lớn mức độ thành công đạt được đến nay là nhờ kỹ thuật phẫu thuật giữ lại một phần lớn tâm nhĩ phải của người nhận—nơi chứa nút xoang hệ trọng. Nói theo nội môn, nút xoang là phần giải phẫu quan trọng nhất của quả tim, và vì những lý do rất xác đáng (xem sơ đồ). Cơ tim có những năng lực phi thường mà cơ vân thông thường không có. Có thể lấy cơ tim ra và đặt vào một dung dịch đặc biệt gồm các ion và muối; khi đó, nó sẽ tiếp tục co bóp trong một thời gian dài.

"Các sợi cơ tim có khả năng khởi phát ngay trong chính chúng xung động làm chúng co lại. Đây là một trong những đặc tính đầu tiên xuất hiện trong (phôi) quá trình phát triển. Ngay khi tim được hình thành trong phôi... nó co bóp theo nhịp, và nhịp đập có tính chu kỳ này còn tiếp tục ngay cả sau khi tim đã được tách khỏi cơ thể."

—*Sinh lý học Con người, Houssay.*

Bộ phận của tim đập nhanh nhất và khởi phát co bóp cho tất cả các sợi cơ khác được gọi là nút xoang (xem sơ đồ). Từ khối mô kỳ lạ này, các làn sóng hưng phấn điện học truyền đến mọi phần của tim, và nó áp đặt nhịp của nó lên tất cả; vì thế, nó được gọi là "máy tạo nhịp". Chính qua mảnh mô "thiên thiêng" này mà các làn sóng xung lực dĩ thái giáng vào tận các nguyên tử vật chất thuần túy. Nút xoang của tim mọi sinh thể được nối bằng một "cuống rốn" dĩ thái với thể dĩ thái của Mẹ Đất.

Thus, the life force wells up within. the heart from the earliest stages of development in the embryo, right through life until withdrawn at death. At death, life is said to be withdrawn in two stages, according to ancient teachings. Consciousness leaves the head first and the diminished life forces pause for awhile in the region of the heart and its chakra. From here, life is finally withdrawn. If there is a rallying, the life-force retakes possession of the body and consciousness is re-asserted. This is one reason for the occult insistence on cremation.

Special Hazards—Hiểm Họa Đặc Thù

And so, whilst other organs which are transplanted carry the normal hazards, the heart transplant has special ones, esoterically speaking. The heart rate is decided by the sensitive tissue of the sinus node or any other cardiac muscle cells that will accept the task as receiving and transmitting station for planetary etheric energy. This station is related to forces welling from the centre of the earth and thence to the centre of the sun.

If you are very still you can sometimes feel the sun impulses modifying the action of the heart. They are slower than the heart and cannot be confused with pulse beats which are shorter and more abrupt. (Swedenborg describes them and I have felt them often). One day, they will be 'discovered' and measured accurately and about this time a new type of electrical force will be discovered, a third type, not negative, not positive, but without which negative and positive cannot exist.

Whilst the heart of the donor functions in the recipient there will be effects felt on the astral plane where the remainder of the donor's living self is temporarily in residence, and whilst this situation exists, it will be more difficult for the donor to free

Như vậy, sinh lực dâng trào từ trong tim ngay từ giai đoạn sớm nhất của sự phát triển trong bào thai, xuyên suốt đời sống cho đến khi được thu hồi lúc chết. Theo các giáo huấn cổ, lúc chết, Sự Sống được thu hồi theo hai giai đoạn. Tâm thức rời phần đầu trước; sinh lực suy giảm dừng lại một lúc ở vùng tim và luân xa tim. Từ đây, Sự Sống được thu hồi sau cùng. Nếu có lúc hồi tỉnh, sinh lực tái chiếm hữu thân thể và tâm thức được tái khẳng định. Đây là một lý do cho sự khuyến cáo huyền môn về hỏa táng.

Và như thế, trong khi các cơ quan khác được cấy ghép mang những nguy cơ thông thường, thì ghép tim—xét theo nội môn—có những nguy cơ đặc thù. Nhịp tim được quyết định bởi mô nhạy cảm của nút xoang, hay bởi bất kỳ tế bào cơ tim nào khác sẽ đảm nhận nhiệm vụ như một trạm tiếp nhận và truyền phát năng lượng dĩ thái hành tinh. Trạm này liên hệ với các mãnh lực dâng lên từ tâm Đất và từ đó hướng đến tâm Mặt Trời.

Nếu quý vị thật tĩnh, đôi khi có thể cảm được các xung lực mặt trời đang điều hợp hoạt động của tim. Chúng chậm hơn nhịp tim và không thể nhầm với mạch đập—vốn ngắn và gắt hơn. (Swedenborg đã mô tả chúng và tôi thường cảm nhận được). Một ngày nào đó, chúng sẽ được “phát hiện” và đo lường chính xác; và vào khoảng thời gian ấy, một loại lực điện mới sẽ được phát hiện—loại thứ ba—không âm, không dương, nhưng thiếu nó thì âm và dương không thể tồn tại.

Chừng nào trái tim của người hiến còn hoạt động trong người nhận, sẽ có những ảnh hưởng được cảm nhận trên cõi cảm dục—nơi phần còn lại của tự-ngã sống động nơi người hiến đang tạm lưu trú; và chừng nào tình huống này còn tồn tại, người hiến sẽ khó

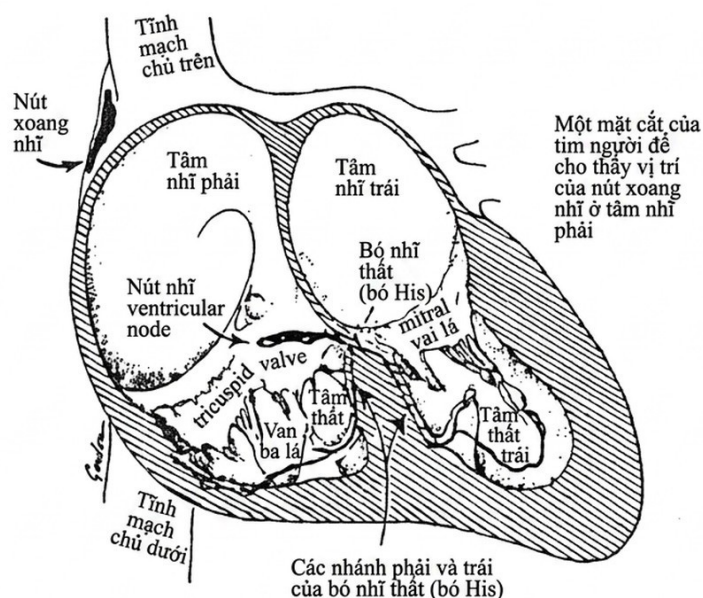
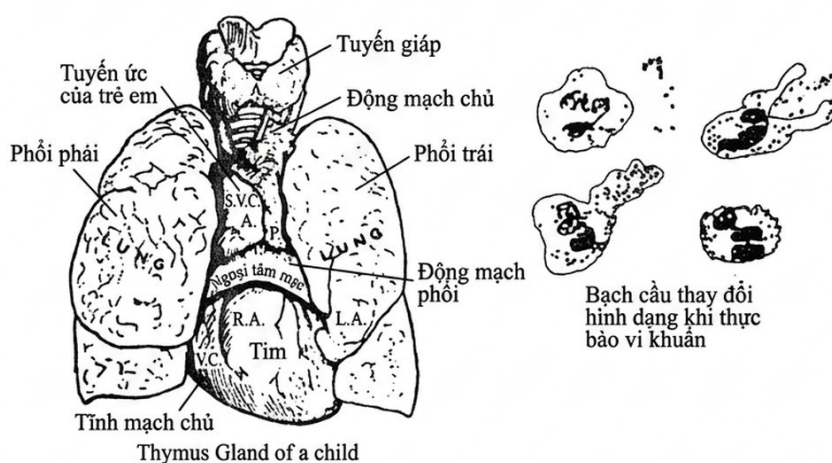
himself from the earthly terrain and to this extent, there may be some slight effect of overshadowing of the recipient by the donor's astral consciousness *but it would be very mild and confused*, spasmodic, and ever-weakening. The recipient, on the other hand, has a great gap in his etheric body to which he takes time to adjust. This weakness brings to his chest and lungs, in particular, the hazards of insufficient etheric vitalisation.

I venture a forecast that only when the atoms and molecules of the donated heart are all replaced by normal processes with atoms and molecules of an order and quality in harmony with the receiver and his bodies, will this threat of devitalisation and infection be overcome so that the rent in the etheric is thus repaired, the link with the donor finally broken (and the influences reaching the recipient via his blood from that astral quarter terminated), Until then doctors would have to maintain a strict vigil, applying constantly all their genius for immunological therapy. I have seen the fight put up by one of these dying heart recipients on the astral plane, and I don't ever want to see such a hopeless struggle again.

tách mình khỏi cõi trần hơn; ở mức độ nào đó, có thể xảy ra một chút hiệu ứng “phủ bóng” lên người nhận bởi tâm thức cảm dục của người hiến— *nhưng nó sẽ rất nhẹ và rối mờ*, lúc có lúc không và ngày càng yếu. Người nhận, ở phía khác, có một lỗ hổng lớn trong thể dĩ thái, mà y cần thời gian để thích nghi. Sự suy yếu này mang đến lồng ngực và phổi của y, đặc biệt, các hiểm họa do thiếu tiếp sinh lực dĩ thái đầy đủ.

Tôi mạo muội dự báo rằng chỉ khi nào các nguyên tử và phân tử của trái tim hiến tặng được thay thế toàn bộ—bằng các tiến trình bình thường—bằng những nguyên tử và phân tử có trật tự và phẩm tính hòa điệu với người nhận và các thể của y, thì mối đe dọa suy sinh lực và nhiễm trùng mới được vượt qua—để nhờ đó vết rách trong thể dĩ thái được hàn gắn, mối liên kết với người hiến được đoạn tuyệt sau cùng (và các ảnh hưởng đi theo đường máu đến người nhận từ phía cảm dục nơi người hiến cũng chấm dứt). Cho đến lúc ấy, các bác sĩ sẽ phải duy trì sự cảnh giới nghiêm ngặt, không ngừng vận dụng mọi tài năng của mình cho liệu pháp miễn dịch học. Tôi đã thấy cuộc chiến mà một người nhận tim hấp hối tiến hành trên cõi cảm dục, và tôi không bao giờ muốn chứng kiến một cuộc vật lộn vô vọng như thế nữa.

Ghép tim



Chapter 3-Chương 3

Etheric Matter—Chất Liệu Dĩ Thái

The material world which we see about us and which we have come to love so much, which we hear, which we feel, which we taste *ad nauseam*, is not just the gas, liquid and solid substance which we know so well.

Thế giới vật chất mà chúng ta thấy quanh mình—thế giới mà ta đã hết mực yêu chuộng, mà ta nghe, ta chạm, ta nếm đến phát ngán —không chỉ là chất khí, lỏng và rắn như ta vẫn quá quen.

Just as water penetrates sand in a handful of mud, and just as we know that the water, in

Cũng như nước thấm vào cát trong một nắm bùn, và cũng như chúng ta biết rằng bản

its turn, is inter-penetrated with gaseous air, so that fish are able to breathe oxygen from it, so too are these gases, liquid and solid states of matter interpenetrated by much subtler states of matter, of an ethereal nature but very tangible. This very fine aether or etheric matter permeates all space and it is truly said that nature abhors a vacuum. The occult truth is that there is no such thing as a vacuum. Even the space between the planets and the sun, or even that between the galaxies, contains etheric matter.

This fine material flows about in life-giving streams releasing its energy to plants, animals and man alike. It is more concentrated in the region of the planets and even more so in the bodies of living things, where it forms a coherent, underlying or inter-penetrating vehicle which is constantly transferring its energy to the grosser, visible structures or organs.

The densest part of this coherent etheric body is composed of charged particles which are known as ions, and these are easily measured in terms of their concentration with scientific instruments. But the subtler orders of etheric matter are electrons, positrons and the host of sub-atomic particles now being uncovered by chemists.

These are less easily detected because they are mainly neutral in charge and are constantly forming and decomposing. They are naturally more concentrated in regions of the body where metabolic changes are in progress. This etheric body underlying all living things does not survive death but slowly disintegrates and returns into the etheric body of the planet itself.

thân nước lại bị không khí thâm nhập—đến mức loài cá có thể hô hấp oxy trong đó—thì cũng vậy, các trạng thái vật chất khí, lỏng và rắn ấy bị thâm nhập bởi những trạng thái chất liệu tinh tế hơn nhiều—mang bản chất dĩ thái nhưng lại rất khả cảm. Loại ê-te vi tế này—tức chất liệu dĩ thái—thấm khắp không gian; và người ta quả có lý khi nói rằng tự nhiên ghét khoảng trống tuyệt đối. Chân lý huyền môn là: không có cái gọi là chân không. Ngay cả khoảng không giữa các hành tinh và Mặt Trời, hay giữa các thiên hà, cũng chứa chất liệu dĩ thái.

Chất liệu tinh vi này lưu chuyển trong những dòng suối tràn sinh khí, giải phóng năng lượng cho thực vật, động vật và con người như nhau. Nó tập trung nhiều hơn quanh các hành tinh, và còn hơn nữa trong các cơ thể sống—nơi nó tạo thành một vận cụ kết cấu, cơ bản và liên thẩm—liên tục chuyển giao năng lượng của mình cho các cấu trúc thô trước, hữu hình hay các cơ quan.

Phần đậm đặc nhất của thể dĩ thái có kết cấu mạch lạc này được cấu thành bởi các hạt mang điện—gọi là ion—và có thể đo được dễ dàng về nồng độ bằng các dụng cụ khoa học. Nhưng những cấp độ tinh tế hơn của chất liệu dĩ thái là electron, positron và cả một đoàn các hạt hạ nguyên tử mà hiện nay các nhà hóa học đang dần phát hiện.

Chúng khó bị phát hiện hơn vì phần lớn trung hòa điện tích và không ngừng tạo thành rồi phân rã. Chúng tự nhiên tập trung nhiều hơn ở những vùng cơ thể nơi đang diễn ra các biến đổi chuyển hóa. Thể dĩ thái—nền tảng của mọi sinh thể—không còn tồn tại sau khi chết mà dần tan rã, trở về nhập vào thể dĩ thái của chính hành tinh.

This subtle body and the even subtler ones associated with it are described later. But first what evidence is there, outside the esoteric teachings of all great religions, for its existence?

The evidence is meagre but it is accumulating as scientific expertise and instrumentation progresses and within the next generation its existence will be accepted, even if merely as an unproven hypothesis in scientific circles.

Dr Kilner

Let us consider now scientific corroboration of the existence of etheric matter. About 1920, Dr Walter Kilner, B.A., M.B. (Cantab) M. R. C. P., and Chief Electrician at St. Thomas's Hospital, London, published a book on research work which he had conducted into a subtle state of matter which he found cloaking and seemingly *interpenetrating* the human body.

He was one day studying the effects of certain physical forces on the human body when he found that by peering through certain types of blue screens, tinted with a dye, dicyanin, he could make out an outline of a sort of human atmosphere surrounding the body. Conducting tests on this atmosphere with heat, draughts of air, magnetism and electricity he found that this cloud of subtle substance was in no way dispersed by these physical forces. He discovered that the dye affected the rod cells of the eyes in such a way that they became sensitive to light emanating from the ultra-violet part of the electro-magnetic spectrum (see diagram).

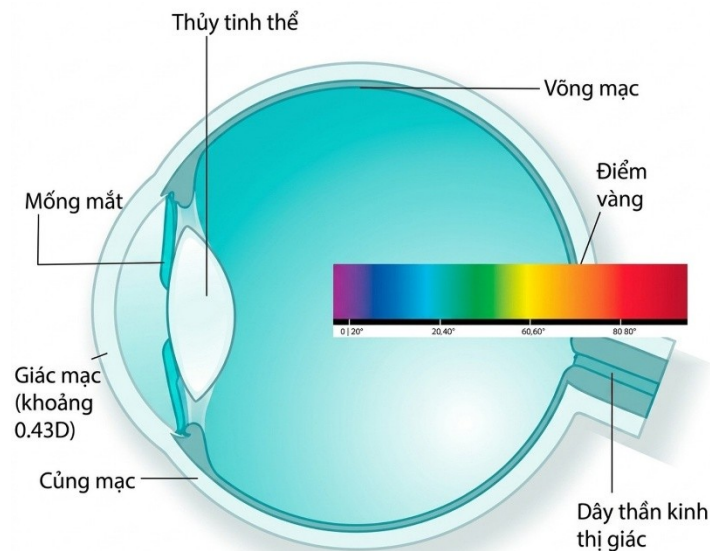
Thể tinh tế này và những thể còn tinh tế hơn liên hệ với nó sẽ được mô tả về sau. Nhưng trước hết, ngoài giáo huấn nội môn của mọi tôn giáo vĩ đại, có bằng chứng nào chứng tỏ sự hiện hữu của nó?

Bằng chứng còn mỏng, nhưng đang gia tăng cùng với sự tiến bộ của chuyên môn và kỹ cụ khoa học; và trong một thể hệ tới, sự hiện hữu của nó sẽ được thừa nhận—đầu chỉ như một giả thuyết chưa chứng minh trong các giới khoa học.

Bác sĩ Kilner

Giờ hãy xét đến sự chứng thực khoa học về sự hiện hữu của chất liệu dĩ thái. Khoảng năm 1920, Bác sĩ Walter Kilner, B.A., M.B. (Cantab), M.R.C.P., Trưởng bộ phận Điện học tại Bệnh viện St. Thomas, London, đã xuất bản một cuốn sách về công trình nghiên cứu mà ông thực hiện đối với một trạng thái chất liệu tinh tế—mà ông thấy bao phủ và dường như *liên thấm* với thân thể con người.

Một ngày nọ, khi đang khảo sát các tác động của những lực vật lý nhất định lên cơ thể người, ông phát hiện rằng bằng cách nhìn qua một số loại kính màu lam—được nhuộm bằng một phẩm nhuộm gọi là dicyanin—ông có thể thấy phác một đường viền của một dạng “khí quyển” con người bao quanh thân thể. Tiến hành các thử nghiệm trên “khí quyển” này với nhiệt, luồng gió, từ tính và điện, ông nhận thấy đám mây chất liệu tinh tế này không hề bị phân tán bởi các lực vật lý đó. Ông khám phá rằng phẩm nhuộm ấy tác động lên các tế bào que của mắt khiến chúng trở nên nhạy với ánh sáng phát xuất từ phần tử ngoại của phổ điện từ (xem sơ đồ).



Only one person in four hundred could not see the outline of the subtle atmosphere thus brought into view by the action of dicyanin on the eye.

The diagram shows the spectrum of colours lying on the light sensitive cells of the human retina. The middle part of the spectrum, i.e. the yellow, is seen clearest of all. Through the use of dicyanin screens, Dr Walter Kilner was able to sensitise the retina so that the violet and the ULTRA VIOLET part of the spectrum was then seen clearly. This enabled direct observation of the etheric body which vibrates to wavelengths in the ultra-violet part of the spectrum. Thus, with this device, one sees more of reality than without it. The use of certain coloured gels supplied by most large photographic companies, produces the same effect.

There were three distinct outlines or layers of this subtle matter. One extended some three inches beyond the surface of the body; another reached to some twelve inches from the skin; and a third radiated out to some two feet or more from the body.

Now Dr Kilner was no occultist. He knew nothing of etheric matter as taught by eastern mystieisrn and he conducted his

Chỉ một trong bốn trăm người là không thể thấy đường viền của “khí quyển” tinh tế vốn được đưa vào tầm nhìn nhờ tác dụng của dicyanin lên mắt.

Sơ đồ cho thấy quang phổ màu nằm trên các tế bào nhạy sáng của võng mạc người. Phần giữa của quang phổ—tức màu vàng—được thấy rõ nhất. Nhờ sử dụng các màn lọc dicyanin, Bác sĩ Walter Kilner có thể làm nhạy võng mạc để phần màu tím và phần TỬ NGOẠI của quang phổ được thấy rõ. Điều này cho phép quan sát trực tiếp thể dĩ thái—vốn rung động theo các bước sóng ở phần tử ngoại của quang phổ. Như vậy, với dụng cụ này, người ta thấy được nhiều thực tại hơn là khi không dùng nó. Việc dùng một số gel màu do hầu hết các hãng nhiếp ảnh lớn cung cấp cũng tạo hiệu ứng tương tự.

Có ba đường viền hay lớp chất liệu tinh tế phân biệt. Một lớp trải ra chừng ba inch vượt quá bề mặt thân thể; lớp thứ hai vươn đến chừng mười hai inch từ da; và lớp thứ ba tỏa ra chừng hai feet hoặc hơn từ thân thể.

Bác sĩ Kilner không hề là một nhà huyền môn. Ông chẳng biết gì về chất liệu dĩ thái theo giáo huấn của thần bí học phương

investigation and research work on scientific lines taking no heed of any factors which could not be investigated directly through scientific means.

Several factors became patent to him during his research work on hundreds of patients.

- The haze or aura varied from person to person.
- It varied in intensity, in colour and in size.
- The aura of women differed from that of men.
- Children's differed from adults.
- Pregnant's women's differed from others.
- Sick people varied in aura from the healthy. In sickness it was possible to discern a discoloration, and patching in the afflicted part.

He found that when the hands were placed opposite to each other with the fingers extended there would be a bridging of the gap between the auras of the hands, even up to a distance of eighteen inches. The aura he found, seemed to depend on the health and the mental capacities of the individual rather than on his righteousness.

Bomb Blast—Sóng Nổ

During the second world war, the phenomenon of bomb blast puzzled the scientists. Long before sound waves from the exploding shell or bomb were heard, the shock waves of blast, quite soundless, would rip windows out and shear off limbs. Even in atomic explosions, this preliminary phenomenon can be seen.

The explanation for it is quite simple. The

Đông; ông tiến hành khảo sát và nghiên cứu theo đường lối khoa học, không để tâm đến bất kỳ yếu tố nào không thể khảo cứu trực tiếp bằng phương tiện khoa học.

Trong quá trình nghiên cứu trên hàng trăm bệnh nhân, nhiều điều trở nên hiển nhiên với ông.

- Lớp sương mờ—hay hào quang—thay đổi từ người này sang người khác.
- Nó khác nhau về cường độ, màu sắc và kích thước.
- Hào quang của phụ nữ khác với nam giới.
- Trẻ em khác với người trưởng thành.
- Phụ nữ mang thai khác với người không mang thai.
- Người bệnh khác với người khỏe mạnh. Trong bệnh tật, có thể nhận ra sự đổi màu và loang lổ ở phần bị tổn thương.

Ông nhận ra rằng khi đặt hai bàn tay đối diện nhau với các ngón duỗi ra, sẽ có hiện tượng bắc cầu giữa hai hào quang của các bàn tay, thậm chí ở khoảng cách đến mười tám inch. Ông thấy rằng hào quang dường như lệ thuộc vào sức khỏe và năng lực tâm trí của cá nhân hơn là vào đức hạnh.

Trong Thế chiến thứ hai, hiện tượng sóng nổ gây bối rối cho các nhà khoa học. Lâu trước khi nghe thấy sóng âm từ quả đạn hay trái bom nổ, các sóng chấn động—hoàn toàn không có âm thanh—đã giật tung cửa kính và xé lìa chi thể. Ngay trong các vụ nổ nguyên tử, hiện tượng mở màn này cũng có thể thấy.

Lời giải thích đơn giản: sóng nổ là kết quả của

blast results from movement of the ether, or etheric particles which respond first to the explosion and then atomic and molecular particles follow. In natural phenomena there is always a pre-physical or etheric, movement before gas, liquids and solids respond.

Ted Serios—Ted Serios

Very recently, in America well-qualified observers have been baffled by the case of Ted Serios who 'thinks' pictures into cameras. Preparatory to producing a picture. Serios builds up a considerable tension as he stares into the camera lens, his eyes become bloodshot, veins stand out on his forehead and his limbs may even jerk.

When he feels himself 'hot' as he calls' it (likely to record a picture), his heart races violently. On these occasions a polaroid camera has produced images of buildings and famous people. He has been subjected to various tests during these sessions but nothing measurable has emerged. The electroencephalographs were normal, radiation counters showed nothing. No heat increase is 'detected. X-rays, ultraviolet rays, and even light meters show nothing. Whatever it is appears to be a very natural phenomenon in terms of energy production.

The truth is, that Serios is able to project mental matter which becomes clothed with etheric outline and this is able to fog a plate. Time will prove that this is the explanation. The same explanation would apply to hypnotism where mental images are projected into the aura of the hypnotized. Telepathy results from movement in mental matter.

In the dissecting rooms, where animal subjects are finally sacrificed, it has been noted that at the time of death a flow of electrons has been recorded leaving the dead body. What other particles are involved are

sự chuyển động của ê-te—hay các hạt dĩ thái—vốn đáp ứng trước hết với vụ nổ; rồi sau đó, các hạt nguyên tử và phân tử mới theo sau. Trong các hiện tượng tự nhiên, luôn có một chuyển động tiền-vật lý, hay dĩ thái, trước khi các chất khí, lỏng và rắn đáp ứng.

Rất gần đây ở Hoa Kỳ, những quan sát viên đủ tư cách đã bị làm cho bối rối bởi trường hợp Ted Serios—người “nghĩ” ra ảnh trong máy ảnh. Trước khi tạo ảnh, Serios tích lũy một căng thẳng đáng kể khi anh nhìn chăm chăm vào ống kính; mắt đỏ ngầu, gân cổ trán nổi lên, và tay chân có thể giật cục.

Khi cảm thấy mình đang “nóng” như cách anh gọi (có khả năng ghi ảnh), tim anh đập dữ dội. Vào những dịp như vậy, một máy ảnh Polaroid đã cho ra các hình ảnh công trình kiến trúc và những nhân vật nổi tiếng. Anh đã trải qua nhiều thử nghiệm trong các phiên này, nhưng không có gì đo đếm được xuất hiện. Điện não đồ bình thường, máy đếm bức xạ không báo hiệu, nhiệt lượng không tăng. Tia X, tia tử ngoại, thậm chí máy đo ánh sáng đều không cho thấy gì. Dù là gì đi nữa, hiện tượng này có vẻ là rất tự nhiên nếu xét theo phương diện sinh năng.

Sự thật là Serios có thể phóng chiếu chất liệu trí—chất liệu này được khoác lấy hình viên dĩ thái—và điều đó đủ để làm “bạc” bản phim. Thời gian sẽ chứng minh đây là lời giải. Giải thích tương tự áp dụng cho thôi miên—nơi các hình ảnh trí tuệ được phóng chiếu vào hào quang của người bị thôi miên. Giao cảm viễn cảm là kết quả của chuyển động trong chất liệu trí.

Trong các phòng mổ xẻ—nơi súc vật thí nghiệm cuối cùng bị hy sinh—người ta ghi nhận rằng vào thời điểm chết, có một dòng electron thoát ra khỏi thân xác. Những hạt nào khác dính dự phần thì chưa biết. Có lẽ có

not known. Probably there are many neutral particles escaping at the same time but which cannot be measured. This cloud of escaping electrons may well be substantiation of the occult proposition of disintegration of the etheric body after death.

George de la Warr—George de la Warr

The work of George de la Warr in his laboratories at Oxford is probably well known to many of you. Using a camera with plates specially prepared for him by a reputable photographic company, he has been able to photograph some aspects of the subtle bodies of living things.

His photographs were produced by some energy which was not light ... the photographic company established this quite clearly. Thoughts held in the subject's mind sometimes found outline on these plates. A germinating seed was once shown to have an etheric outline of the plant into which it would eventually grow, hovering above the seed. Many of these 10,000 photographs have been reproduced in the journal *Mind and Matter*. De la Warr had to stop his work because of lack of funds.

Esoteric journals of various types teem with instances of psychical phenomena, often bearing reports of some of the body experiences when the consciousness has resided in the subtle vehicles at some distance from the physical body, which would be then seen lying in repose.

The phenomena of hypnotism, fire-walking, materializations, etc., which many of you must have experienced bear no explanation except in terms of etheric matter and subtle vehicles.

Knowledge of man's inner bodies has always resided with the initiates of the human race.

nhiều hạt trung hòa thoát ra đồng thời—nhưng chưa đo lường được. Đám mây electron thoát ra này có lẽ là sự củng cố cho luận đề huyền môn về sự phân rã của thể dĩ thái sau khi chết.

Công trình của George de la Warr tại các phòng thí nghiệm của ông ở Oxford hẳn đã quen thuộc với nhiều người trong các bạn. Sử dụng một chiếc máy ảnh với các bản phim được chuẩn bị đặc biệt bởi một hãng nhiếp ảnh danh tiếng, ông có thể chụp được vài phương diện của các thể tinh tế nơi sinh vật sống.

Các tấm ảnh của ông được tạo bởi một loại năng lượng không phải ánh sáng... hãng nhiếp ảnh đã xác định điều này rất rõ. Những tư tưởng mà chủ thể giữ trong tâm đôi khi hiện hình viển trên các bản phim ấy. Một hạt giống đang nảy mầm đã từng cho thấy một hình viển dĩ thái của cây sẽ mọc lên từ nó—lơ lửng phía trên hạt. Nhiều trong số khoảng 10.000 tấm ảnh này đã được đăng trong tạp chí *Tâm trí và Vật chất*. De la Warr buộc phải ngừng công việc vì thiếu kinh phí.

Các tạp chí nội môn thuộc nhiều loại tràn ngập các dẫn chứng về hiện tượng tâm linh—thường kèm theo các tường trình về những kinh nghiệm ra ngoài thân xác—khi tâm thức cư ngụ trong các vận cụ tinh tế ở một khoảng cách nào đó với thân thể vật chất—khi ấy sẽ được thấy nằm yên.

Các hiện tượng thôi miên, đi trên lửa, hiện hình, v.v. mà nhiều bạn hẳn đã từng chứng kiến—không thể cắt nghĩa ngoài những thuật ngữ về chất liệu dĩ thái và các vận cụ tinh tế.

Tri thức về các thể nội tại của con người luôn được lưu giữ nơi các bậc điểm đạo của nhân

As the centuries unfold, the vast body of collected teachings on the subject which constitute the Ageless Wisdom provide us with more and more of the intimate details of our inner natures.

Man is apparently a sevenfold being with his innermost nature linked to spirit and his outermost anchored to matter. As H.P. Blavatsky says:

‘Father-Mother spin a web, whose upper end is fastened to Spirit ... and the lower one to its shadowy end Matter: and this web is the Universe; spun out of the two substances and made into one.’

It is as if the positive pole of spirit and the negative pole of matter lie at the extremes of the spectrum of life and form is produced when they are brought into proximity. The forms or vehicles closest to the positive are the most spiritual and those at the negative end are most material. But the flash of life and the forms it uses are all one, part of a unity, but for most of humanity the inner bodies remain hidden or unknown.

Pull Towards Spirit—Sức Hút Hưởng về Tinh Thần

With modifications this is true for all kingdoms of nature but in man there exists the strongest pull towards spirit which exists in any *form*. Man is the highest expression of spirit in *material form*. There are higher expressions of spirit but these are *formless*. Because the spiritual end persists and is ever immutable, immortal and eternal, we call it the real *self* or *inner reality*. Whereas the material or lower bodies of man are mutable, ever-changing, differentiated countlessly, mortal and non-enduring, and we call this part of man's nature the Not-self.

Life and death, waking and sleeping dreaming and focusing, are all but

loại. Qua các thế kỷ, khối giáo huấn đồ sộ được tích lũy về chủ đề này—hợp thành Minh Triết Ngàn Đời—đã cung cấp cho chúng ta ngày càng nhiều chi tiết thân mật hơn về bản tính nội tại của mình.

Con người, hiển nhiên, là một hữu thể thất phân—với bản thể thâm sâu nhất nối kết với tinh thần, và lớp ngoài cùng buộc neo nơi vật chất. Như H. P. Blavatsky nói:

“Cha-Mẹ giăng một tấm lưới, đầu trên buộc vào Tinh thần... và đầu dưới buộc vào phần bóng mờ—Vật chất: và tấm lưới ấy là Vũ trụ; se ra từ hai bản thể và làm thành một.”

Cứ như thể cực dương của tinh thần và cực âm của vật chất nằm ở hai đầu của quang phổ sự sống; và hình tượng được tạo thành khi chúng được đưa lại gần nhau. Những hình tượng hay vận cụ gần với cực dương hơn thì càng tinh thần; những cái ở phía cực âm thì càng vật chất. Nhưng tia chớp của Sự Sống và các vận cụ mà nó sử dụng đều là một—thuộc về một hợp nhất; dầu vậy, với đại đa số nhân loại, các thể nội tại vẫn ẩn kín hay không được biết.

Với những điều chỉnh thích đáng, điều này đúng cho mọi giới trong thiên nhiên; nhưng nơi con người, tồn tại sức hút hưởng về tinh thần mạnh nhất trong mọi *hình tượng*. Con người là biểu lộ cao nhất của tinh thần trong *hình tượng vật chất*. Có những biểu lộ cao hơn của tinh thần, nhưng chúng *vô tướng*. Bởi đầu mút tinh thần tồn tại và bất biến, bất tử, vĩnh cửu, chúng ta gọi đó là cái *Ta* chân thực—hay *thực tại nội tại*. Trong khi đó, các thể vật chất hay thấp của con người thì khả biến, luôn đổi thay, phân hóa vô kể, hữu tử và không bền; và chúng ta gọi phần ấy trong bản tính con người là Phi-ngã.

Sống và chết, thức và ngủ, mơ và tập trung, tất cả chỉ là những dao động của tâm thức

oscillations of consciousness in this united field of form.

'Man is thus living between two worlds, both of them created by, and consisting of, energy. But these energies are in different modes. At the spiritual, or atmic end of the field, it is free, it is "hot" with the heat of cosmic fire, it can be called "old heat"; it is Light, invisible because casting no shadows, and hence called "Dark Light". Sound, for the same reason, inaudible, hence called the 'Voice of the Silence'." Laurence J. Bendit.

The relationship of spirit to matter is often described well by analogy to a wheel. The hub of a wheel is stationary or inert. It holds the power to drive all. This is spirit. The rim of the wheel is active, ever-changing its point of stress, cyclic and far-flung. This is material form. The spokes are channels which convey the power of the hub, conveying changes in tempo and in power, imposing rhythm and periodicity, a sort of quality to everything.

From this very ancient concept arises the teachings of a trinity behind form. The hindu trinity is Siva, Vishnu and Brahma or Tamas, Sattvas and Rajas ... Inertia, Rhythm and Activity. The more western trinities are well known to us ... Father, Son and Holy Ghost: Spirit, Soul and Form: Will and Power, Love-Wisdom, Active Intelligence.

trong trường hợp nhất của hình tướng này.

“Con người như thế sống giữa hai thế giới, cả hai đều được tạo bởi, và gồm bởi, năng lượng. Nhưng các năng lượng này ở trong những trạng thái khác nhau. Ở đầu mút tinh thần, hay atma, nó tự do, nó “nóng” với nhiệt của Lửa vũ trụ, có thể gọi là ‘nhiệt xưa’; nó là Ánh sáng, vô hình vì không tạo bóng, bởi vậy được gọi là ‘Ánh sáng Tối’. Âm thanh, vì cùng lý do, là không thể nghe, nên được gọi là ‘Tiếng Nói của Im Lặng’.” Laurence J. Bendit.

Mối tương quan của chân thần với vật chất thường được mô tả rất hay qua phép so sánh với một bánh xe. Trục bánh xe bất động hay trơ. Nó giữ quyền năng để vận hành tất cả. Đó là chân thần. Vành bánh xe thì hoạt động, luôn thay đổi điểm chịu lực, chu kỳ và tỏa rộng. Đó là hình tướng vật chất. Các nan hoa là những kênh dẫn truyền quyền năng của trục, truyền các biến thiên về nhịp độ và cường lực, áp đặt tiết điệu và định kỳ, một loại phẩm tính cho mọi sự.

Từ quan niệm rất cổ xưa này nảy sinh giáo huấn về một bộ ba ở hậu cảnh của hình tướng. Bộ ba Ấn giáo là Shiva, Vishnu và Brahma hay Tamas, Sattva và Rajas... Trì trệ, Nhịp điệu và Hoạt động. Những bộ ba thiên về Tây phương thì chúng ta đều biết... Cha, Con và Chúa Thánh Thần; Chân thần, Linh hồn và Hình tướng; Ý chí và Quyền lực, Bác Ái – Minh Triết, Trí tuệ Hoạt động.

We all dabble so freely in the obvious, the tangible and the measurable and with equal facility we ignore our inner natures, that which is hidden, subtle and immeasurable. It was only the necessity of war that forced the nuclear scientists to test the hypothesis of the power lying within the nucleus of the atom. It may well be that only some extreme human crisis of unmanageable proportions will force a scientific examination into the hypothesis of that energy unit which we call the soul in man.

Chúng ta đều mãi miết đùa chơi với cái hiển nhiên, cái sờ nắm được và cái đo lường được, và cũng với sự dễ dàng tương tự, chúng ta phớt lờ bản tánh bên trong của mình, cái vốn ẩn vi, vi tế và không thể đo lường. Chỉ có sự cấp bách của chiến tranh mới buộc các nhà khoa học hạt nhân kiểm nghiệm giả thuyết về quyền năng nằm trong hạt nhân nguyên tử. Rất có thể chỉ một khủng hoảng nhân loại cực độ vượt tầm kiểm soát mới buộc khoa học khảo sát giả thuyết về đơn vị năng lượng mà chúng ta gọi là linh hồn nơi con người.

Newton and Einstein—Newton và Einstein

Isaac Newton, who dominated his century of science, just as Einstein has dominated our century of science, never hesitated to investigate the hidden latent or less obvious. Like Kepler, he was an astrologer and believed till his dying day that the heavens influence our lives in subtle ways Newton was ever aware of Man's limitations and of what still needed to be investigated. He once said:

'I seem to have been only like a boy playing on the seashore and diverting myself in now-and-then finding a smooth pebble or prettier shell than ordinary whilst all the time, the ocean of Truth lay all undiscovered before me.'

No better analogy would describe the immense power and true nature of the soul. Mystical nonsense? This is what Einstein had to say:

'The most beautiful and most profound emotion we can experience is the sensation of the mystical. He to whom this emotion is a stranger, who can no longer wonder and stand wrapped in awe, is as good as dead.'

Or, as the great mystics say ... is but asleep!

Isaac Newton, người đã chi phối thế kỷ của khoa học thời mình, cũng như Einstein đã chi phối thế kỷ khoa học của chúng ta, chưa từng do dự khi khảo sát cái ẩn tàng, tiềm phục hay ít hiển nhiên. Như Kepler, Ông là một nhà chiêm tinh và tin cho đến phút lâm chung rằng cõi trời ảnh hưởng đời sống chúng ta bằng những cách vi tế. Newton luôn ý thức về những giới hạn của Con người và về những gì còn cần được khảo cứu. Ông từng nói:

"Tôi dường như chỉ là một cậu bé chơi đùa trên bờ biển, tự tiêu khiển bằng việc thỉnh thoảng tìm được một hòn sỏi nhẵn hay một vỏ sò đẹp hơn thường lệ, còn trong suốt thời gian ấy, đại dương của Chân lý vẫn nằm hoàn toàn chưa được khám phá trước mặt tôi."

Không có phép so sánh nào tả đúng hơn quyền năng bao la và bản tánh chân thật của linh hồn. Vớ vẩn huyền bí ư? Đây là điều Einstein nói:

"Cảm xúc đẹp đẽ nhất và sâu xa nhất mà chúng ta có thể trải nghiệm là cảm quan về cái huyền nhiệm. Ai xa lạ với cảm xúc này, không còn biết ngạc nhiên và đứng lặng trong kính sợ, thì cũng như đã chết."

Hay, như các nhà thần bí vĩ đại nói... chỉ là đang ngủ!

Most of mankind sleeps—most of them heavily, some fitfully. Only sixty, a precious sixty are wide awake. To them, the hierarchy of the planet, the soul is an absolute reality which they demonstrate in their consciousness and in their actions. For the masses, the awakening from that sleep is by the slow process of evolution through many weary lives. For the few it can come rapidly by the severest disciplines, suffering and sacrifice. To them it will come in progressively rapid stages called initiations, the initiations into the mysteries of the soul under the guidance of the sixty adepts from whom the techniques are learnt.

Thus, St Paul on the way to Damascus was initiated, blinded by the light supernal of the next Kingdom, the Kingdom of Soul. Thereafter he besought all men (who slept):

‘Awake thou that sleepest and arise from the dead, and Christ shall give thee light.’

This is the real meaning of the resurrection of the dead. Not that the tombs of the dead will open and corpses will come to life, but that we, the sleeping or dead (to the soul), or living dead shall awaken to the true nature of our inner being, to the existence of our inner vehicles and thence to an understanding of how to control them and so to *evolve* in consciousness which is, by definition, spirituality. The sum total of all these vehicles is the Temple of the Lord and it is to be found incomplete, within everyone of us.

Awareness of this inner nature to Reality is what is known as spiritual consciousness and symbols of it are found in the esoteric teachings of all great religions. In Christianity, Christ, the Christ within, was its symbol. As Paul says of that inner nature, veiled or esoteric, occult or mystical:

Đa số nhân loại ngủ—đa số ngủ say, vài người chập chờn. Chỉ sáu mươi, một con số quý giá sáu mươi là hoàn toàn tỉnh thức. Với các vị ấy, Huyền Giai Tinh Thần của hành tinh, linh hồn là một thực tại tuyệt đối được Các Ngài biểu hiện trong tâm thức và hành động. Với quần chúng, sự tỉnh thức khỏi giấc ngủ ấy đến bằng tiến trình chậm rãi của tiến hóa qua nhiều kiếp mỗi mòn. Với số ít, nó có thể đến nhanh chóng bằng những kỷ luật nghiêm khắc nhất, bằng đau khổ và hy sinh. Với họ, nó sẽ đến theo những giai đoạn ngày càng mau lẹ, gọi là các lần điểm đạo—điểm đạo vào các huyền nhiệm của linh hồn dưới sự hướng dẫn của sáu mươi vị chân sư, từ Các Ngài mà các kỹ thuật được học hỏi.

Thế nên, Thánh Phaolô trên đường đến Đamát đã được điểm đạo, bị lòa bởi ánh sáng siêu thượng của Giới tiếp theo, Giới Linh hồn. Sau đó, Ngài khấn khoản kêu gọi mọi người (đang ngủ):

“Hãy tỉnh dậy, hỡi kẻ ngủ mê, và chỗi dậy từ cõi chết, Đức Christ sẽ ban cho ngươi ánh sáng.”

Đây là ý nghĩa đích thực của sự phục sinh của kẻ chết. Không phải mồ mả của người chết sẽ mở ra và xác chết sống lại, mà là chúng ta—những kẻ đang ngủ hay chết (đối với linh hồn), hay những kẻ sống mà như đã chết—sẽ thức tỉnh với bản tánh chân thật của hữu thể nội tại của mình, với sự hiện hữu của các hiện thể bên trong, rồi từ đó đi đến sự thấu hiểu cách điều khiển chúng, hầu *tiến hóa* trong tâm thức—mà theo định nghĩa—là tinh thần. Tổng số của tất cả các hiện thể này là Đền Thờ của Chúa, và nó hiện còn chưa hoàn chỉnh, ở trong mỗi người chúng ta.

Nhận biết về bản tánh nội tại này của Thực Tại là điều được gọi là tâm thức tinh thần và các biểu tượng của nó được tìm thấy trong giáo huấn huyền môn của mọi tôn giáo lớn. Trong Ki-tô giáo, Đức Christ, tức Christ nội tại, là biểu tượng của nó. Như Phaolô nói về bản tánh bên trong ấy—được che phủ hay

‘Which is Christ within You, the hope of glory.’

The path to that inner glory is difficult, and the purpose of all religion should be to assist the neophyte on his way. Too often religion does anything but this. That it is a difficult way and that it is a path of free choice is made clear in the Sermon on the Mount:

Enter ye at the strait gate: for wide is the gate, and broad is the way, that leadeth to destruction, and many there be that go in thereat: because strait is the gate, and narrow is the way, which leadeth unto life, and few there be that find it.

In one of my war diaries, written when I was but eighteen, are the famous words:

It matters now how strait the gate

How charged with punishment the scroll

I am the master of my fate

I am the captain of my soul.

It took five long years of hard and bitter suffering in which my physical as well as my mental and emotional bodies were ripped to shreds, to discover that I was not the master of my fate and still less the captain of my soul! And it was only when I realised that my soul was the real captain of my personality that I had my first spiritual or mystical experience of any significance.

huyền môn, huyền bí hay thần bí:

“Ấy là Christ ở trong anh em, niềm hy vọng về vinh quang.”

Con đường đi đến vinh quang nội tại ấy thì khó khăn, và mục đích của mọi tôn giáo lẽ ra là trợ giúp người sơ cơ trên lộ trình. Nhưng quá thường, tôn giáo làm mọi điều trừ điều đó. Rằng đó là một lối đi khó và là một con đường của tự do chọn lựa đã được nói rõ trong Bài Giảng Trên Núi:

“Hãy vào cửa hẹp; vì cửa rộng và đường khoáng khoáng thì đưa đến sự hư mất, kẻ vào đó thì nhiều. Song cửa hẹp và đường chật thì đưa đến sự sống, kẻ kiếm được thì ít.”

Trong một cuốn nhật ký thời chiến của tôi, viết khi tôi mới mười tám tuổi, có những câu nổi tiếng:

Chẳng kể cửa hẹp đường bao,

Văn thư trừng phạt dày cao thế nào,

Ta làm chủ vận mạng ta,

Ta làm thuyền trưởng linh hồn ta.

Phải mất năm năm dài đằng đẳng của khổ cực đắng cay, trong đó cả thân xác lẫn thể trí và thể cảm của tôi bị xé nát, để khám phá rằng tôi không phải là chủ vận mệnh của mình và càng không phải là thuyền trưởng của linh hồn mình! Và chỉ khi tôi nhận ra rằng linh hồn tôi mới là vị thuyền trưởng đích thực của phàm ngã tôi, tôi mới có kinh nghiệm tinh thần hay thần bí đầu tiên nào có ý nghĩa.

Chapter 4-Chương 4

The Etheric Body—Thể Dĩ Thái

The etheric or vital body interpenetrates the family of physical shapes and extends as an aura for some distance beyond its periphery. An inner aura terminates an inch or so around the physical vehicle, varying a little in different parts. This body is the power supply of the system. It absorbs energy from the sun and spreads it over the nerves. It provides the 'electric current' which will give life to the telephone system of the body, which is useless without it. Food is primarily for the purpose of maintaining the chemical balance of the body and to provide heat.

Our main supply of vitality comes direct from the sun and is absorbed into the etheric body through a specialised etheric organ within it. Vitality or prana is taken into it and, after it has completed its vitalising activities, it is projected outward in straight lines from the pores of the skin. Mr. Leadbeater describes it as 'bluish-white' and as 'having the appearance of being striated'.

This phrase is interesting in view of the fact that, about ten years later, Dr Walter B. Kilner, of St Mary's Hospital, London, published a book entitled *The Human Aura* in which he described observations he had made of the aura—obviously the etheric body—for diagnostic purposes. Ability to see this body was induced by the use of slides made from dicyanin dyes in a solution of alcohol. Such a result is possible because, it will be realised, etheric substances are still of the physical world and, therefore, amenable to physical laws. In his book, it is interesting to note, Dr Kilner refers to what he calls the 'Inner Aura' (C. W. Leadbeater calls it 'the Health Aura') and says that it is 'striated'.

The Chakras—Các Luân Xa

Within the Etheric body itself, there are several force centres or etheric organs known as chakras. The existence of these

Thể dĩ thái hay thể sinh lực thâm nhập xuyên qua “gia đình” các hình dạng hồng trần và trải ra như một hào quang một khoảng nào đó vượt ra ngoài chu vi của nó. Một hào quang bên trong kết thúc cách thân hồng trần chừng một inch hay hơn, thay đổi đôi chút ở các phần khác nhau. Thể này là nguồn cung năng lực của toàn hệ. Nó hấp thu năng lượng từ mặt trời và phân phối khắp hệ thần kinh. Nó cung ứng “dòng điện” sẽ trao sự sống cho “hệ thống điện thoại” của thân thể, vốn vô dụng nếu thiếu nó. Thức ăn chủ yếu nhằm duy trì thăng bằng hoá học của thân thể và cung cấp nhiệt.

Nguồn sinh lực chính của chúng ta đến trực tiếp từ mặt trời và được hấp thu vào thể dĩ thái qua một cơ quan dĩ thái chuyên biệt bên trong nó. Sinh lực hay prana được thu nhận vào đó và, sau khi hoàn tất các hoạt động tiếp sinh lực, nó được phóng chiếu ra ngoài theo những đường thẳng từ các lỗ chân lông của da. Ông Leadbeater mô tả nó là “trắng xanh” và “có vẻ như có sọc”.

Cụm từ này thú vị nếu xét đến thực tế là khoảng mười năm sau đó, Bác sĩ Walter B. Kilner của Bệnh viện St. Mary, Luân Đôn, xuất bản một cuốn sách tựa đề *Hào Quang Con Người*, trong đó Ông mô tả các quan sát về hào quang—hiển nhiên là thể dĩ thái—nhằm mục đích chẩn đoán. Khả năng nhìn thấy thể này được gọi lên bằng cách sử dụng các kính lọc làm từ thuốc nhuộm dicyanin trong dung dịch cồn. Kết quả như vậy là khả dĩ vì—cần nhận ra—các chất liệu dĩ thái vẫn thuộc thể giới hồng trần và do đó, tuân phục các định luật vật lý. Thật đáng chú ý, trong sách của mình, Bác sĩ Kilner gọi cái mà Ông gọi là “Hào Quang Bên Trong” (C. W. Leadbeater gọi nó là “Hào Quang Sức Khỏe”) và nói rằng nó “có sọc”.

Bên trong chính Thể dĩ thái có nhiều trung tâm lực hay các cơ quan dĩ thái được gọi là luân xa. Sự hiện hữu của các luân xa này đã

chakras has been known for centuries and they are described in many occult books throughout the east, particularly in Hindu sacred writings. Six of them are indicated in the diagram. They arise in the etheric portion of nerve centres within the spine but terminate in circular depressions, somewhat like the flower of the convolvulus or morning-glory vine.

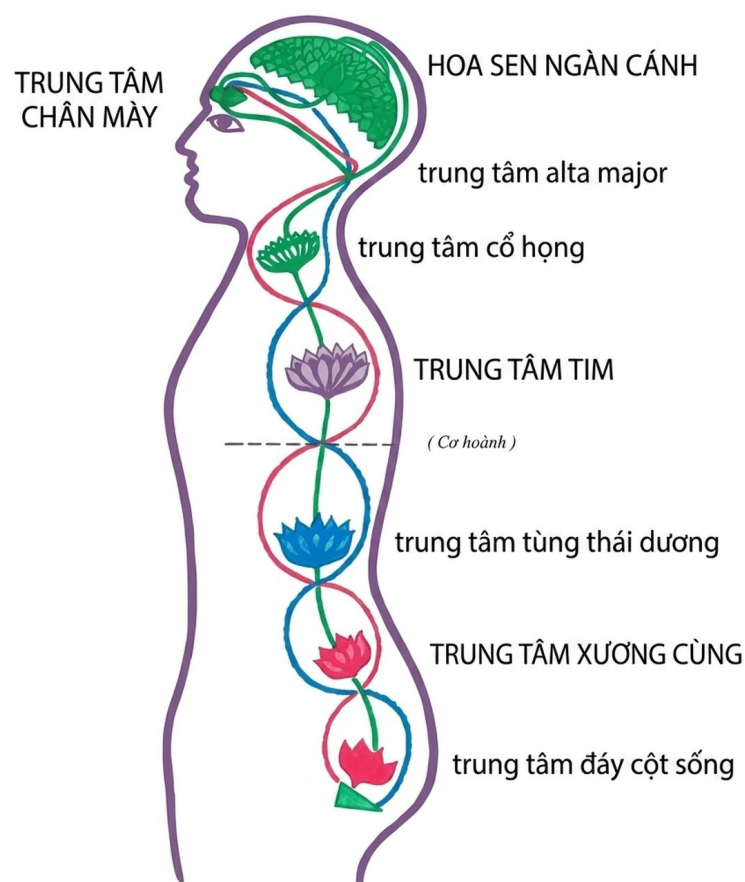
Each one is a centre of intense activity. Two of them deal particularly with the physical body. The others are primarily links with subtler bodies, bringing their forces to manifest in the dense material, as we shall shortly see. One centre, not indicated, is at the back of the body over the extreme lower end of the spine. It is specialised to absorb a force, known as 'kundalini', that emanates from the earth and gives life to the organs of the body. This force is at present unknown to science.

The second centre, situated over the spleen, is specialised to receive vitality or prana from the sun. In this centre prana is split up and distributed to various parts of the body, vitalising the many nerve centres and causing a flow of ethers over the physical nerves. The other centres, as we shall see, are links by means of which forces from the subtler bodies are expressed through the physical body.

được biết đến từ nhiều thế kỷ và chúng được mô tả trong nhiều sách huyền môn khắp phương Đông, đặc biệt trong các kinh điển Ấn Độ giáo. Sáu trong số chúng được chỉ ra trong sơ đồ. Chúng sinh khởi ở phần dĩ thái của các trung khu thần kinh trong cột sống nhưng kết ở những lõm tròn, phần nào giống bông hoa bìm bìm.

Mỗi luân xa là một trung tâm hoạt động mãnh liệt. Hai trong số chúng liên hệ đặc biệt với thể hồng trần. Những luân xa khác chủ yếu là các mối nối với các thể vi tế hơn, đưa các lực của chúng biểu hiện trong vật chất đậm đặc, như chúng ta sẽ sớm thấy. Một trung tâm, không được chỉ thị, ở phía lưng, trên điểm tận cùng thấp nhất của cột sống. Nó chuyên hấp thu một lực gọi là "kundalini" xuất phát từ đất và ban sự sống cho các cơ quan của thân thể. Lực này hiện chưa được khoa học biết đến.

Trung tâm thứ hai, nằm trên lá lách, chuyên tiếp nhận sinh lực hay prana từ mặt trời. Tại trung tâm này, prana được phân giải và phân phối đến các phần khác nhau của thân thể, tiếp sinh lực cho nhiều trung khu thần kinh và gây ra dòng chảy dĩ thái qua các thần kinh hồng trần. Các trung tâm khác, như ta sẽ thấy, là những mối nối nhờ đó các lực từ những thể vi tế hơn được biểu lộ qua thể hồng trần.



Kundalini—Kundalini

In addition to the food we eat, and the water we drink, the physical body absorbs forces from the etheric atmosphere which surrounds us. One of these forces comes from the earth and has been called 'kundalini', the other comes from the sun and is Prana or vitality. Neither of these has yet been recognised by science, though the latter seems to be suspected. Kundalini has a number of different levels of expressions, but the one we are considering now is the lowest and densest of them all. It affects the physical construction of the dense body, giving it health and functional vigour.

Those who dig in the earth, the farmers and gardeners, know the feeling of well-being that such an intimate contact with the soil can bring. This force is absorbed by the root

Ngoài thực phẩm ta ăn và nước ta uống, thể hồng trần còn hấp thu các lực từ bầu khí quyển dĩ thái bao quanh chúng ta. Một trong những lực này đến từ đất và được gọi là "kundalini", lực kia đến từ mặt trời và là Prana hay sinh lực. Cả hai hiện chưa được khoa học thừa nhận, dù lực sau dường như đã bị hoài nghi. Kundalini có nhiều cấp độ biểu hiện khác nhau, nhưng cái mà chúng ta đang xét bây giờ là cấp thấp nhất và đậm đặc nhất. Nó ảnh hưởng đến cấu trúc hồng trần của thể đậm đặc, trao cho nó sức khỏe và sinh lực chức năng.

Những ai đào xới đất—nông dân và người làm vườn—biết cảm giác an khang mà sự tiếp xúc mật thiết với đất có thể đem lại. Lực này được hấp thu bởi luân xa gốc, vốn nằm

chakra which is situated near to the lower end of the spine and opens out at the surface of the etheric body. After absorption and internal action, the kundalini rises up the spine and is distributed throughout the nerves of the body. It acts upon the blood stream and sex organs.

Prana—Prana

Prana comes to us direct from the sun. It is the active power in producing all vital phenomena. In physical world manifestation it clothes itself in a particularly bright little particle consisting of seven ultimate atoms. This has been called the 'vitality globule.' It is seen by many who do not realise what it is, for these little bridge particles are present in the atmosphere on any sunny day, darting hither and thither with great speed. They are most easily seen when facing away from the sun and looking into a blue sky, or above the clouds during aeroplane flight.

Prana in the form of the vitality globule, is absorbed by the spleen centre. Here, prana is specialised into seven different streams, each with one of the ray qualities of the Seven Rays. The streams comprise ultimate atoms which form the vitality globule. They lend colour to the etheric body and its chakras.

Lower and more primitive astral feelings are reflected through the navel or solar plexus chakra, while higher emotions such as love, devotion and sympathy or compassion find their expression through the heart centre. Each chakra has a different number of spokes, increasing in number from the root chakra with its basic four spokes and on to the crown chakra with 960 spokes.

• Root: 4 spokes

• Navel: 10 spokes

gân phần thấp nhất của cột sống và mở ra ở bề mặt của thể dĩ thái. Sau khi hấp thu và tác động bên trong, kundalini dâng lên theo cột sống và được phân phối khắp các thần kinh của thân thể. Nó tác động lên dòng máu và các cơ quan sinh dục.

Prana đến với chúng ta trực tiếp từ mặt trời. Nó là quyền năng hoạt động tạo nên mọi hiện tượng sinh lực. Trong biểu hiện nơi thể giới hồng trần, nó khoác lấy một hạt nhỏ đặc biệt sáng gồm bảy nguyên tử cùng tột. Cái này được gọi là “Sinh khí cầu”. Nhiều người nhìn thấy nó mà không biết mình đang thấy gì, vì các hạt cầu nổi nhỏ này có mặt trong bầu khí quyển vào bất cứ ngày nắng nào, lao đi lao lại rất nhanh. Chúng dễ thấy nhất khi quay lưng lại mặt trời và nhìn vào bầu trời xanh, hay ở trên mây trong các chuyến bay.

Prana dưới hình thức Sinh khí cầu được hấp thu bởi trung tâm lá lách. Tại đây, prana được chuyên biệt hoá thành bảy dòng khác nhau, mỗi dòng mang một phẩm tính cung của Bảy Cung. Các dòng này gồm những nguyên tử cùng tột cấu tạo nên Sinh khí cầu. Chúng đem màu sắc cho thể dĩ thái và các luân xa của nó.

Những cảm xúc cảm dục thấp và nguyên sơ hơn được phản chiếu qua luân xa rốn hay tùng thái dương, trong khi các cảm xúc cao như tình thương, sùng mộ và cảm thông hay từ bi biểu hiện qua trung tâm tim. Mỗi luân xa có một số nan hoa khác nhau, tăng dần từ luân xa gốc với bốn nan căn bản cho đến luân xa đỉnh với 960 nan.

• Gốc: 4 nan

• Rốn: 10 nan

- Heart: 12 spokes
- Throat: 16 spokes
- Brow: 96 spokes
- Crown: 960 spokes

The throat centre is enlivened through activity in service to man and is the main site of evolutionary endeavour for most of the West at this time. The brow centre of Ajna is aroused through one-pointed concentration and brings opening of the Third Eye:

If thine eye be single, thy whole body shall be full of light.

The Crown centre brings direct link with the monad and our spiritual centre. It is aroused and radiating in the highly developed of our mankind and is radiant in the adept of the fifth initiation. It was to be seen around the heads of the saints and the Christian Holy Family. this halo is known in the East as the Thousand Petalled Lotus.

The evolutionary process takes the energies from chakras lying below the diaphragm to corresponding higher centres above the diaphragm. Thus:

- Root chakra to the Crown chakra
- Navel chakra to the Heart chakra
- Sacral chakra to the Throat chakra
- Heart chakra to the Brow chakra

With the movement of these energies slowly upwards there comes development of the powers latent in man, the psychic faculties. The energy transfer is achieved in a shorter period through the disciplines of Yoga, the outward expression of the wisdom of the ages, modifications of which form the basis for all religions.

- Tim: 12 nan
- Họng: 16 nan
- Trán: 96 nan
- Đảnh: 960 nan

Trung tâm họng được sinh động nhờ hoạt động phụng sự nhân loại và là nơi nỗ lực tiến hóa chính yếu của đa số người phương Tây lúc này. Trung tâm trán (ajna) được khơi dậy qua sự tập trung nhất tâm và đem đến sự mở của Con Mắt Thứ Ba:

“Nếu mắt người chỉ là một, toàn thân người sẽ đầy đầy ánh sáng.”

Trung tâm Đảnh đem đến mối nối trực tiếp với chân thần và trung tâm tinh thần của chúng ta. Nó được khơi dậy và tỏa chiếu nơi những người rất phát triển của nhân loại chúng ta và rực rỡ nơi một chân sư của lần điểm đạo thứ năm. Nó từng được thấy quanh đầu các vị thánh và Thánh Gia Ki-tô. Vầng hào quang này ở phương Đông được gọi là Hoa Sen Ngàn Cánh.

Tiến trình tiến hóa chuyển các năng lượng từ những luân xa nằm dưới cơ hoành lên các trung tâm tương ứng cao hơn ở phía trên cơ hoành. Như vậy:

- Luân xa Gốc đến luân xa Đảnh
- Luân xa Rốn đến luân xa Tim
- Luân xa Xương cụt đến luân xa Họng
- Luân xa Tim đến luân xa Trán

Khi các năng lượng này chậm chậm chuyển dần lên trên, các năng lực tiềm ẩn nơi con người—các khả năng thông linh—được phát triển. Sự chuyển dịch năng lượng có thể đạt được trong một khoảng thời gian ngắn hơn thông qua các kỷ luật của Yoga (Du-già), sự biểu hiện đối ngoại của minh triết ngàn đời, những biến thể của nó là nền tảng cho mọi

The perennial wisdom or wisdom of all ages stems from man the universal principle. In some ages it remains veiled or goes into hiding; in others it comes out into the open, and expresses itself in the current language of the day. Hence its perennial nature. It supplies a common factor to men of all races, creeds, sex and caste and constantly reminds us of our true origin and of the powers latent within us because of that origin.

The powers latent in man imply not only that they should be brought out for the use of humanity as a whole, but the manifestation of the powers places a tremendous responsibility on those who begin to show them outwardly.

A Lesson in Detachment—Một Bài Học về Sự Tách Rời

Shakespeare's sonnet No. 94 provides the exact guidance for this problem for it was written by the master or adept who used the bard as an amanuensis. It was to him that the sonnets were all addressed. This particular sonnet supplies a lesson in detachment and a warning to those who develop the latent powers and misuse them.

It is obvious, often painfully obvious, that those with these powers manifesting frequently become our leaders in all fields of human endeavour or the creators of great works, like the artists, creative scientists, and philosophers. And it is among such men that impure motive can wreak such havoc, as the writer of *Mein Kampf* so dearly and devastatingly demonstrated for us. The last line of the sonnet tells us that: Lilies that fester smell far worse than weeds.

They that have power to hurt and will do none,

tôn giáo.

Minh triết thường hằng, hay minh triết của muôn đời, phát xuất từ nguyên khí phổ quát nơi con người. Có những thời đại nó còn che phủ hay ẩn mình; có những thời đại nó lộ diện và biểu đạt bằng ngôn ngữ đương thời. Do đó, bản chất thường hằng của nó. Nó cung ứng một mẫu số chung cho người mọi chủng tộc, tín ngưỡng, giới tính và giai cấp, và liên tục nhắc chúng ta về cội nguồn chân thật của mình và về các năng lực tiềm ẩn trong ta vì cội nguồn ấy.

Những năng lực tiềm ẩn nơi con người không chỉ hàm ý rằng chúng phải được khai mở để sử dụng cho toàn thể nhân loại, mà việc biểu lộ các năng lực ấy còn đặt một trách nhiệm ghê gớm lên những ai bắt đầu bộc lộ chúng ra bên ngoài.

Bài sonnet số 94 của Shakespeare cung cấp chỉ dẫn chính xác cho vấn đề này, vì nó được viết bởi vị thầy hay chân sư đã dùng thi hào làm người biên chép. Các sonnet đều được ông gửi dâng vị ấy. Bài sonnet đặc biệt này đem lại một bài học về sự tách rời và một lời cảnh báo cho những ai phát triển các năng lực tiềm ẩn rồi lạm dụng chúng.

Hiển nhiên—thường là hiển nhiên đến đau đớn—rằng những người có các năng lực này biểu hiện thường xuyên thường trở thành các nhà lãnh đạo của chúng ta trong mọi lĩnh vực nỗ lực của con người, hay là người sáng tạo các tác phẩm vĩ đại, như nghệ sĩ, nhà khoa học sáng tạo và triết gia. Và chính giữa những hạng người như vậy, động cơ không trong sạch có thể gây tàn hại đến mức nào, như tác giả của *Mein Kampf* đã phơi bày cho chúng ta một cách đắt giá và tàn khốc. Dòng cuối của bài sonnet cho biết: Những đóa huệ mục thối bốc mùi còn tệ hơn cỏ dại.

Kẻ có quyền năng làm hại mà chẳng hại ai,

That do not do the thing they most do show,
 Who, moving others, are themselves as stone,
 Unmov'd, cold, and to temptation slow;
 They rightly do inherit heaven's graces,
 And husband nature's riches from expense;
 They are the lords and owners of their faces,
 Others but stewards of their excellence.

The summer's flower is to the summer sweet
 I Though to itself it only live and die;
 But if that flower with base infection meet,
 The basest weed outbraves his dignity:
 For sweetest things turn sourest by their deeds;
 Lilies that fester smell far worse than weeds.

Chẳng làm điều họ phô bày nhiều nhất,
 Làm rung động người khác, mà mình như đá,
 Bất lay chuyển, lạnh lùng, chậm trước cám dỗ;
 Họ xứng đáng thừa hưởng ân đức trời,
 Và giữ gìn của báu thiên nhiên khỏi hao phí;
 Họ là chúa tể và chủ nhân gương mặt mình,
 Kẻ khác chỉ là người quản lý cho phẩm hảo
 của họ.
 Hoa mùa hạ là vị ngọt cho mùa hạ,
 Dầu chỉ sống và chết cho chính nó;
 Nhưng nếu bông hoa gặp phải ô uế hèn hạ,
 Thì cỏ dại hèn nhất cũng lấn át phẩm giá nó:
 Vì vật ngọt ngào hóa chua cay bởi hành vi của
 chúng;
 Hoa huệ khi thối rữa bốc mùi còn tệ hơn cỏ dại.

Chapter 5-Chương 5

The Nature of the Soul—Bản Chất của Linh Hồn

The soul is a unit of energy. It has no shape peculiar to itself but uses one or many forms in or through which to express itself. This energy (the soul) is extremely subtle and is capable of interpenetrating all other forms of energy and material substance known to man. It possesses, also, a cohesive property capable of holding all substances in association, animate or inanimate ... it will draw:

- positive to positive
- negative to negative
- positive to negative

Linh hồn là một đơn vị năng lượng. Nó không có hình dạng riêng biệt mà sử dụng một hay nhiều hình tướng để biểu đạt chính mình. Năng lượng này (linh hồn) cực kỳ vi tế và có khả năng thâm nhập xuyên qua mọi dạng năng lượng khác và mọi chất liệu vật chất mà con người biết. Nó cũng sở hữu một tính liên kết có khả năng giữ mọi chất liệu trong tương quan, hữu cơ hay vô tri... nó sẽ kết nối:

- dương với dương
- âm với âm
- dương với âm

- atom to element
- element to molecule
- protein molecule to cell
- cell to multi-cellular organism
- organism to species right up to the unit known as man.

In man, soul-energy holds all his bodies, subtle and gross in a loose union. Soul (energy) therefore interpenetrates and coheres all form as surely as water may interpenetrate and cohere sand particles or a handful of mud. The soul is not spirit but is an intermediate energy lying between spirit and matter and through which the one interacts with the other.

As soul-energy infuses the body, we recognize its presence not only by its ability to hold our cells together but in subtler ways as intuition, as the energy of will and that energy motivating abstract thought, three properties known in Eastern teachings as Buddhi, Atma and Manas, The soul is therefore a threefold energy unit which is depicted in the Temple of Mysteries as an upright triangle.

The highest form which a soul can infuse that has a gas/liquid/solid (physical) body, is a human personality. But the human personality is also a triple-energy-unit. It possesses a physical body, an emotional body, and a mental body. The sum total of these three energy units is the personality, a synthesis of all three. In the Temple of the Mysteries, this lower, triple-energy unit is symbolized by an inverted triangle.

Soul infuses the average man only very sparsely. In most, the soul is only one-twentieth manifest, with only sufficient of its energy to hold his cells together and to

- nguyên tử với nguyên tố
- nguyên tố với phân tử
- phân tử protein với tế bào
- tế bào với sinh thể đa bào
- sinh thể với loài, tiến thẳng lên đến đơn vị gọi là con người.

Nơi con người, năng lượng linh hồn kết nối tất cả các thể của y, vi tế và thô trước, trong một liên hợp lỏng. Linh hồn (năng lượng), do đó, thâm nhập và liên kết mọi hình tướng chắc chắn như nước có thể thấm vào và kết dính các hạt cát hay một nắm bùn. Linh hồn không phải là chân thần, mà là một năng lượng trung gian nằm giữa chân thần và vật chất, qua đó cái này tương tác với cái kia.

Khi năng lượng linh hồn thấm nhuần thể, chúng ta nhận ra sự hiện diện của nó không chỉ bởi khả năng kết dính các tế bào của chúng ta mà còn theo những cách vi tế hơn như trực giác, như năng lượng của ý chí và năng lượng thúc đẩy tư duy trừu tượng—ba thuộc tính được biết trong giáo lý phương Đông là Bồ đề, Atma và Manas. Linh hồn vì thế là một đơn vị năng lượng tam phân, được mô tả trong Đền Thờ Huyền Môn như một tam giác hướng lên.

Hình tướng cao nhất mà một linh hồn có thể thấm nhuần—có một thể khí/lỏng/rắn (hồng trần)—là một phàm ngã con người. Nhưng phàm ngã con người cũng là một đơn vị năng lượng tam phân. Nó sở hữu một thể hồng trần, một thể cảm dục và một thể trí. Tổng hòa của ba đơn vị năng lượng này là phàm ngã, một tổng hợp của cả ba. Trong Đền Thờ Huyền Môn, đơn vị năng lượng tam phân thấp này được biểu tượng bằng một tam giác hướng xuống.

Linh hồn thấm nhuần người trung bình rất ít ỏi. Ở đa số, linh hồn chỉ biểu lộ một phần hai mươi, chỉ đủ năng lượng để kết dính các tế bào của y và thúc đẩy toàn thể chúng liên

drive their totality continuously towards investigating (and identifying themselves with) all manifestations of the Earth Scheme. In this respect, the soul is the storehouse of all memories of such investigations, even after the deaths of the numerous lower triads in their many incarnations.

The soul survives all catastrophes and is man's haven in which he rests between lives. The soul is his temple; the personality his prison. As the lives go by, the soul learns increasingly to flood its lower triads. It reaches them by means of the Rainbow Bridge, a bridgehead of higher mental (manasic) substance. At first this is a tenuous thread but later, as the lower triad consciously builds its own bridgehead of higher manasic substance, the thread or antakarana becomes a gateway to a mighty flood from within.

The gateways opening the antakarana are progressively passed through in a process of what is known as initiations. In this way, the soul grasps the personality closely. This is symbolized in the Mysteries by the imposition of the upright triangle over the inverted triangle. This process brings man to the limit of his own kingdom and it has happened many times on the planet. The completely soul-infused personality is then depicted as two interlaced triangles.

This is the symbol of the Master or adept, of a Christ overshadowing a man, Jesus. There are about sixty living examples of adeptship on the planet, at this time. By very special techniques and under certain circumstances, a man may forgo many lives of learning by trial and error and instead strengthen his antakarana under the guidance of one who had already become completely soul-infused or adept.

tục hướng đến khảo sát (và đồng hóa với) mọi biểu hiện của Hệ hành tinh Địa Cầu. Về mặt này, linh hồn là kho lưu trữ mọi ký ức của những cuộc khảo sát như vậy, ngay cả sau những cái chết của vô số phàm ngã tam phân trong nhiều lần lâm phạm của chúng.

Linh hồn vượt qua mọi tai ương và là bến náu của con người nơi y nghỉ ngơi giữa các kiếp. Linh hồn là đền thờ của y; phàm ngã là nhà ngục của y. Khi các kiếp trôi qua, linh hồn học ngày càng nhiều cách tuôn tràn xuống các phàm ngã tam phân của mình. Nó vươn tới chúng nhờ Cây cầu vòng, một đầu cầu của chất liệu thượng trí (manasic). Ban đầu đây chỉ là một sợi chỉ mong manh, nhưng về sau, khi phàm ngã tam phân tự ý thức xây chính đầu cầu bằng chất liệu thượng trí, sợi chỉ hay antahkarana trở thành một cổng vào cho một dòng lũ hùng hậu từ nội tại.

Các cánh cổng mở ra antahkarana được lần lượt vượt qua trong một tiến trình gọi là các lần điểm đạo. Bằng cách này, linh hồn nắm bắt phàm ngã một cách gần gũi. Điều này được biểu tượng trong Huyền Môn bằng việc chống áp tam giác hướng lên lên trên tam giác hướng xuống. Tiến trình này đưa con người đến biên giới của chính giới mình, và điều ấy đã xảy ra nhiều lần trên hành tinh. Phàm ngã được linh hồn thấm nhuần hoàn toàn khi ấy được mô tả bằng hai tam giác đan xen.

Đó là biểu tượng của một Chân sư hay chân sư, của một Đức Christ phủ bóng một con người, Đức Jesus. Hiện thời có khoảng sáu mươi tám gương sống động về địa vị chân sư trên hành tinh. Bằng những kỹ thuật rất đặc biệt và trong những hoàn cảnh nhất định, một người có thể từ bỏ nhiều kiếp học hỏi bằng thử và sai, thay vào đó gia cố antahkarana dưới sự hướng dẫn của một vị đã trở nên hoàn toàn được linh hồn thấm nhuần—tức một chân sư.

This path is available to all who are prepared to crowd into a few lives the pain and suffering of many. The neophyte, thus under instruction, first registers the sudden inpouring of soul-energy in three ways:

- As light, a light vibrating at a greater frequency than the one known to the average personality, and travelling at speeds far greater than 186,000 miles per second. His lower triad has to develop special organs of perception for this feat. Physical eyes are not needed.
- As an expansion of consciousness which approaches omniscience.
- As a feeling of oneness with all life approaching omnipotence. The experiencing of these three is called illumination of cosmic consciousness.

Trample on the past

The icy hand of thought and deed long past

Constricts my heart at every step and slows

My feet to a hesitant halt. The shadows cast

By dead events blight many a budding rose.

For acts I left undone, what wasted sighs

For spite indulged, what gnaw of sad remorse;

My doubts spawn anxious fears as I analyse

And trace the stream of evil to its sources.

To break the iron gripe of yesterday

I trample on the past and turn my eyes

To morning sun whose glory will not stay,

But like a bird forever onward flies.

Con đường này sẵn có cho tất cả những ai sẵn lòng dồn nén vào vài kiếp nỗi đau và khổ của nhiều kiếp. Người sơ cơ, được chỉ dạy như thế, trước hết ghi nhận dòng tuôn tràn đột ngột của năng lượng linh hồn theo ba cách:

- Như ánh sáng, một ánh sáng rung động ở tần số lớn hơn cái mà phàm ngã trung bình biết đến, và di chuyển với tốc độ vượt xa 186.000 dặm mỗi giây. Phàm ngã tam phân của y phải phát triển các cơ quan tri giác chuyên biệt cho kỳ công này. Mắt hồng trần không cần thiết.
- Như một sự mở rộng tâm thức tiến gần đến toàn tri.
- Như một cảm thức hợp nhất với mọi sự sống tiến gần đến toàn năng. Kinh nghiệm ba điều này được gọi là sự khai sáng của tâm thức vũ trụ.

Dẫm đạp quá khứ

Bàn tay băng giá của tư tưởng và hành vi đã qua

Siết chặt tim tôi từng bước và làm

Chân tôi chùn lại. Bóng của những điều đã chết

Làm héo nhiều nụ hồng đang hé.

Vì những việc tôi không làm, ôi bao tiếng thở dài

Vì thù hằn nuông chiều, là nỗi gặm nhấm ăn năn;

Nghi hoặc để sợ hãi khi tôi phân tích

Và lần theo dòng ác đến tận nguồn.

Để bẻ gãy gọng kìm sắt của ngày hôm qua

Tôi dẫm đạp quá khứ và hướng mắt

Về mặt trời mai—vinh quang chẳng ở lại,

Nhưng như cánh chim bay mãi về đằng trước.

*By stepping on the countless selves I've slain,
I reach the heights and touch the stars again.*

*Bước trên vô số cái tôi đã giết,
Tôi tới đỉnh cao và lại chạm đến sao trời.*

Chapter 6-Chương 6

Super Gifted Children-Trẻ Em Siêu-năng Khiếu

The Meaning of Super-gifted—Ý Nghĩa của “Siêu-năng khiếu” In this age, wherein no democratic government may today lift a finger, except under the closest scrutiny of its free press and its paid opposition at home and the watchful eyes of a hundred nations abroad, democracy, as an institution becomes highly unstable and therefore weak unless there is inspired leadership at the very top. France's shaky governments since World War II up until De Gaulle, are an example of this, reaching the greatest heights under the inspired leadership of a man gifted in courage to a remarkable degree whilst plumbing the greatest depths of instability and corruption when gifted leadership is not present.

The survival of democracy depends in great measure therefore, upon our ability to bring forward into flower, those among us who are super-gifted. The urgency of this is emphasised at present by the incoming energies of the Sign of Aquarius which ever favours revolutionary change and the establishment of dictatorship in the place of enlightened and democratic leadership.

The necessity for recognising and assisting super-gifted children is so obvious that it is astonishing what little has been done in both our own age and in previous ones towards this end.

Historic examples

History has not always shown disregard for the super-gifted child. Twenty-four

Trong thời đại này, nơi không một chính quyền dân chủ nào hôm nay có thể nhấc ngón tay nếu không bị soi xét chặt chẽ bởi nền báo chí tự do của mình và phe đối lập được trả lương trong nước, cùng ánh mắt canh chừng của hàng trăm quốc gia ngoài nước, dân chủ như một định chế trở nên rất bất ổn và vì vậy yếu ớt, trừ khi có lãnh đạo được cảm hứng ở thượng tầng. Những chính phủ chao đảo của Pháp từ sau Thế chiến II cho đến thời De Gaulle là một ví dụ, đạt đến tột đỉnh dưới sự lãnh đạo đầy cảm hứng của một người được phú cho lòng can đảm ở mức khác thường, trong khi rơi xuống tận đáy của bất ổn và tham nhũng khi thiếu vắng lãnh đạo tài năng.

Sự sinh tồn của dân chủ vì thế tùy thuộc rất nhiều vào khả năng của chúng ta đưa vào trở bông những người ở giữa chúng ta là bậc siêu-năng khiếu. Sự cấp bách của điều này hiện được nhấn mạnh bởi các năng lượng đang nhập của Dấu hiệu Bảo Bình—vốn luôn ưu ái biến đổi cách mạng và thiết lập chuyên chế thay cho lãnh đạo sáng suốt và dân chủ.

Sự cần thiết nhận ra và trợ giúp trẻ siêu-năng khiếu là điều hiển nhiên đến nỗi thật đáng kinh ngạc là rất ít điều đã được làm—cả trong thời đại chúng ta lẫn những thời trước—cho mục đích này.

Các thí dụ lịch sử

Lịch sử không phải lúc nào cũng tỏ ra thờ ơ với trẻ siêu-năng khiếu. Hai mươi bốn thế kỷ

centuries ago Plato pleaded for identification of the specially gifted and for their training which would prepare them as 'guardians' of his famous 'Republic'. Ultimately he envisaged a world ruled by initiates, by highly integrated beings, who in their youth, had undergone the most careful preparation, education and rigorous tests to bring out their peculiar and particular gifts. He too realised the dangers implicit in democracy and the democratic processes.

In the days of earlier Greece when the Delphic religion had flourished, there had been some attempt at selecting and isolating certain children, gifted in a specialised way. Astrology was employed, amongst other techniques, to help in their selection. In the instance of Delphi, it was for the selection of children who had the inherent super-normal capacity for intuitive insight. Children born in Cancer, especially those with Cancer rising, and more especially girls, were set aside at the outset and brought up apart from other children. All their utterances from earliest childhood were noted, and they were never ridiculed or inhibited in this respect. It was from these children, super-gifted with intuition, that a selection was made to assist with the Delphic Oracle. Fumes from natural gases, mainly carbon dioxide, welled up from the earth near the temple, and these were used to help induce the necessary underlying physiological conditions for the intuitive outpourings of the young neophytes.

In the sixteenth century, in the Middle East, one Mohammedan ruler at least, selected the 'fairest, strongest and most intelligent youths' to train as leaders and his efforts were well-rewarded.

Though perhaps not entirely relevant here, it might be worthwhile mentioning the age-old process of selecting warriors born in

trước, Plato đã kêu gọi nhận diện những người có năng khiếu đặc biệt và việc đào luyện họ để chuẩn bị họ làm “người canh giữ” cho “Cộng hòa” nổi tiếng của ông. Sau cùng, ông hình dung một thế giới do các điểm đạo đồ, bởi những hữu thể tích hợp cao, cai trị—những người lúc niên thiếu đã trải qua sự chuẩn bị thận trọng nhất, giáo dục và các thử thách nghiêm ngặt để đánh thức các năng khiếu đặc thù và riêng biệt của họ. Ông cũng nhận ra những nguy cơ hàm ẩn trong dân chủ và các tiến trình dân chủ.

Trong thời kỳ Hy Lạp xưa, khi tôn giáo Đền Delphi thịnh đạt, đã có nỗ lực chọn lựa và tách riêng một số trẻ có năng khiếu theo một cách chuyên biệt. Chiêm tinh được dùng, bên cạnh các kỹ thuật khác, để giúp tuyển chọn. Trường hợp Delphi là để chọn lựa những đứa trẻ có năng lực siêu thường bẩm sinh về trực giác thấu triệt. Trẻ sinh vào Cự Giải, nhất là những ai có Cự Giải mọc, và đặc biệt là các bé gái, được tách riêng ngay từ đầu và nuôi dưỡng biệt lập với các trẻ khác. Mọi lời phát ra của chúng từ thuở ấu thơ đều được ghi nhận, và chúng không bao giờ bị chế giễu hay ức chế về mặt này. Chính từ những trẻ này—được phú trực giác siêu việt—một sự chọn lọc được thực hiện để phụ trợ cho sách truyền Delphi. Hơi khí từ các khí tự nhiên—chủ yếu là carbon dioxide—trào lên từ lòng đất gần đền, và chúng được dùng để giúp tạo nên các điều kiện sinh lý nền tảng cần cho những tuôn trào trực giác của các neophyte trẻ.

Vào thế kỷ XVI ở Trung Đông, ít nhất có một vị quân vương Hồi giáo đã tuyển chọn “những thanh niên đẹp đẽ nhất, mạnh mẽ nhất và thông minh nhất” để đào luyện làm lãnh đạo và nỗ lực của ông đã được đền đáp xứng đáng.

Dù có lẽ không hoàn toàn liên quan ở đây, cũng đáng nhắc đến quy trình cổ xưa tuyển chọn những chiến binh sinh vào Bạch Dương

Aries with Scorpio rising for special and hazardous enterprises, the two Signs representing the supergifts of 'unbridled energy' and 'unrelenting courage' respectively. The subtler and more-meritorious qualities of the super-gifted may also be indicated in the natal chart, especially if the techniques of *esoteric* astrology are used as well as those of mundane astrology.

The Renaissance and the Reformation saw esteem placed upon superior intellect but although this continued down to the Industrial Revolution, very little was done about special consideration for the super-gifted because of the absurd belief in 'the equality of man' ... a belief that has no support in its foundations apart from ethics, in any kingdom of nature. No one today denies the famous principles of 'Equality, Fraternity and Liberty', except the ignorant. These must guide all right human relationship but at the same time it is ridiculous to aver that 'All men are born equal ... 'Men are *not* born equal ... they differ enormously in intellect and in that other esoteric factor which we call soul-development (which is our concern here). They differ enormously in physical prowess and in social status.

All super-gifted children have a high degree of soul development and contact but for these qualities they have, until lately more often been looked upon as pathological rather than the most precious flowers of our race. Very little has been written about them. Sometimes they and their problems have been described in books along with the treatment of handicapped children! In one book *Special Education: The Handicapped and the Gifted*, of 513 pages only 13 referred to the gifted.

At the outset we should distinguish between the *gifted* and the *super-gifted*. The former represent about ten per cent. of the

với Hồ Cáp mọc cho các sứ mệnh đặc biệt và hiểm nguy—hai Dấu hiệu này biểu trưng cho siêu năng khiếu “năng lượng không cương tỏa” và “dũng khí không lùi bước”. Những phẩm chất vi tế và đáng giá hơn của bậc siêu-năng khiếu cũng có thể được chỉ ra trong lá số khai sinh, nhất là nếu các kỹ thuật của chiêm tinh học *nội môn* cũng như của chiêm tinh học thể tục được dùng.

Thời Phục Hưng và Cải chánh đặt giá trị nơi trí tuệ siêu việt, nhưng dù điều này kéo dài cho đến Cách mạng Công nghiệp, rất ít điều được làm về sự ưu ái dành cho bậc siêu-năng khiếu vì niềm tin phi lý vào “sự bình đẳng của con người”... một niềm tin không có nền tảng nào ngoài đạo lý trong bất kỳ giới nào của thiên nhiên. Ngày nay không ai phủ nhận những nguyên tắc nổi tiếng “Bình đẳng, Huynh đệ và Tự do”, trừ kẻ ngu dốt. Những nguyên tắc ấy phải định hướng mọi mối quan hệ đúng đắn giữa người với người; nhưng đồng thời thật khô cứng khi khẳng định rằng “Mọi người sinh ra đều bình đẳng...” Con người *không* sinh ra bình đẳng... họ khác nhau vô cùng về trí tuệ và về yếu tố nội môn khác được chúng ta gọi là mức phát triển của linh hồn (điều là mối quan tâm của chúng ta ở đây). Họ khác nhau vô cùng về sức vóc thể chất và địa vị xã hội.

Mọi trẻ siêu-năng khiếu đều có mức phát triển linh hồn và tiếp xúc cao, nhưng vì những phẩm chất này, cho đến gần đây, chúng thường bị nhìn như bệnh lý hơn là những bông hoa quý giá nhất của chủng tộc chúng ta. Rất ít điều đã được viết về các em. Đôi khi các em và các vấn đề của mình được mô tả trong sách cùng với việc điều trị trẻ khuyết tật! Trong một cuốn sách *Giáo dục Đặc biệt: Người Khuyết tật và Người Năng khiếu*, dài 513 trang, chỉ có 13 trang đề cập đến người năng khiếu.

Ngay từ đầu, chúng ta nên phân biệt giữa *năng khiếu* và *siêu-năng khiếu*. Loại thứ nhất chiếm khoảng mười phần trăm dân số. Nói

population. In general, their qualities, their problems and their recognition are understood and catered for. Some research work has been done into their peculiar characteristics. In education there exists for them, scholarships, some special schools and special instruction. In a country like England, such children are given every opportunity to reach and surmount university level.

Creativity—Sáng Tạo

But there is a second, much smaller group, and these are the *super*-gifted, who can include the gifted but not necessarily so. This may appear to be a contradiction in terms. The gifted however, are selected mainly in their I.Q. rating, whereas the *super*-gifted need not necessarily have outstanding rating in I.Q. This apparent anomaly arises through the fact that I.Q. tests do not take into account creativity in their assessment, whereas creativity is the quality par excellence in the *super*-gifted.

It is the opinion of Dr Paul Torrance, one of America's foremost authorities on creativity and intelligence, that:

'I.Q. tests do not measure creativity ... By depending on them we miss a high proportion of our most creative youngsters ... It is true that outstanding creativity is seldom found among children of below-average IQ. But our research shows above 115 or 120, IQ. scores have little or no bearing in creativity. Creative giftedness may be found anywhere along the scale except, possibly at the bottom. The child with the so-called genius of I.Q. of 180 is in reality no more likely to make outstanding creative achievements than the child with a slightly above average I.Q. around 120.'

The *super*-gifted represent one tenth of one per cent of the population or about one in a

chúng, phẩm chất, vấn đề và sự ghi nhận của họ được hiểu và được đáp ứng. Đã có một số nghiên cứu về những đặc trưng riêng của họ. Trong giáo dục, có học bổng, một số trường đặc biệt và giảng dạy đặc biệt cho họ. Ở một quốc gia như Anh quốc, những trẻ như vậy được tạo mọi cơ hội để vươn tới và vượt qua bậc đại học.

Nhưng có một nhóm thứ hai nhỏ hơn nhiều—đó là những người *siêu* -năng khiếu—có thể bao gồm cả người năng khiếu nhưng không nhất thiết như vậy. Điều này có vẻ mâu thuẫn thuật ngữ. Tuy nhiên, người năng khiếu thường được chọn dựa chủ yếu trên chỉ số I.Q., trong khi người *siêu* -năng khiếu không nhất thiết có chỉ số I.Q. nổi bật. Sự bất thường bề ngoài này phát sinh do các bài trắc nghiệm I.Q. không tính đến sáng tạo trong đánh giá của chúng, trong khi sáng tạo lại là phẩm chất tối thượng nơi người *siêu* -năng khiếu.

Đó là quan điểm của Bác sĩ Paul Torrance, một trong những nhà thẩm quyền hàng đầu của Hoa Kỳ về sáng tạo và trí tuệ:

"Các bài trắc nghiệm I.Q. không đo lường sự sáng tạo... Nếu phụ thuộc vào chúng, chúng ta bỏ lỡ một tỉ lệ cao những em nhỏ sáng tạo nhất... Đúng là sáng tạo xuất chúng hiếm khi thấy ở những em có I.Q. dưới trung bình. Nhưng nghiên cứu của chúng tôi cho thấy trên mức 115 hay 120, điểm số I.Q. hầu như không liên quan gì đến sáng tạo. Năng khiếu sáng tạo có thể được tìm thấy ở bất cứ đâu trên thang đo, trừ có lẽ là ở đáy. Đứa trẻ với cái gọi là thiên tài I.Q. 180 thực ra không có khả năng tạo nên thành tựu sáng tạo xuất sắc hơn đứa trẻ có I.Q. hơi trên trung bình, khoảng 120."

Những người *siêu* -năng khiếu chiếm khoảng một phần mười của một phần trăm dân số,

thousand. They are far more difficult to recognise than the merely gifted, who, in general, can be assessed by I.Q. and other simple tests. The I.Q. of the gifted is above 135. The I.Q. of the *super*-gifted is not a pointer to their capacities except in rare instances when the *mental* body is highly developed and synchronised with the soul. I.Q. does not measure emotional development. It doesn't measure drive and initiative. It doesn't measure temperament or talent. It doesn't point to leadership. In fact the best leaders often score more than 135.

In education we have not yet learnt to measure the degree of a child's capacity for emotional discipline (as being distinct from emotional capacity). We have not yet learnt to measure the degree of a child's *love* nature. Both of these are often powerful in the *super*-gifted. At this stage it becomes necessary to attempt a definition of super-gifted.

The *super*-gifted are those rare individuals who manifest powerfully, one or more specific qualities which have not arisen solely through the interplay of the individual's environment and hereditary equipment but from a third, little-understood factor which is spiritual in essence and inward in nature.

The Third Factor

We are all well aware that current psychological attitudes assess two main factors in the building of the human personality. These are the *Hereditary Equipment* (H) and *Environment* (E) into which the child is thrust at birth. Thus, as the child grows his PERSONALITY = H x E

But Freud and Jung and more recently Assageoli, Frankl and Maslow, have stressed a *third* Factors. Some call it spiritual development (S); others call it soul *rapport* ...

tức khoảng một trên một ngàn. Họ khó nhận ra hơn nhiều so với người chỉ năng khiếu, những người nói chung có thể được đánh giá bằng I.Q. và các trắc nghiệm đơn giản khác. I.Q. của người năng khiếu là trên 135. I.Q. của người *siêu* -năng khiếu không chỉ điểm năng lực của họ, trừ những trường hợp hiếm hoi khi *thể trí* phát triển cao và được đồng bộ với linh hồn. I.Q. không đo được sự phát triển cảm xúc. Nó không đo được động lực và sáng kiến. Nó không đo được khí chất hay tài năng. Nó không chỉ ra khả năng lãnh đạo. Thực tế, những nhà lãnh đạo giỏi nhất thường có điểm trên 135.

Trong giáo dục, chúng ta vẫn chưa học cách đo mức độ năng lực kỷ luật cảm xúc của một đứa trẻ (phân biệt với năng lực cảm xúc). Chúng ta vẫn chưa học cách đo lường mức độ *bản chất yêu thương* của một đứa trẻ. Cả hai điều này thường mạnh mẽ nơi người *siêu* -năng khiếu. Ở đây đến lúc cần thử đưa ra một định nghĩa về siêu-năng khiếu.

Người *siêu* -năng khiếu là những cá nhân hiếm hoi biểu lộ mạnh mẽ một hay nhiều phẩm chất đặc thù mà không chỉ nảy sinh do tương tác giữa môi trường sống và thiết bị di truyền của cá nhân, mà còn từ một yếu tố thứ ba ít được hiểu, vốn có bản chất tinh thần và hướng nội.

Yếu Tố Thứ Ba

Chúng ta đều biết rõ rằng các quan điểm tâm lý học hiện hành đánh giá hai yếu tố chính trong việc kiến tạo phàm ngã con người. Đó là *Thiết bị Di truyền* (H) và *Môi trường* (E) mà đứa trẻ được ném vào lúc sinh ra. Như thế, khi đứa trẻ lớn lên, PHẠM NGÃ = H x E

Nhưng Freud và Jung, và gần đây hơn là Assageoli, Frankl và Maslow, đã nhấn mạnh một Yếu tố *thứ ba*. Có người gọi nó là phát triển tinh thần (S); có người gọi là *giao cảm*

or spiritual influence. The esoteric sciences regard this third factor as paramount in reaching even the vaguest understanding of man's true nature and what makes him 'tick'. No personality can be stable without *all* three factors present. They form a triangle of energy which makes up the true personality: $PERSONALITY = H \times E \times S$

It is because of the existence of this third influencing factor, highly accentuated in some one or more aspect in the *super*-gifted, that we stress in the in-equality of man on the scale of evolution without in any way denying the brotherhood of man or renéguing on our duties towards those less evolved. But this acts both ways and we have an equally important duty to succour the *super*-gifted who have high accentuation of soul influence as compared to his less evolved brothers. In average man S is only one-twentieth manifest. In the *super*-gifted, S, may be 50 per cent. manifest. In the classical concept of the perfected adept or master nearing the end of the evolutionary path, the third factor, S, is fully manifest in the personality.

It is not our task here to consider the detailed nature of the inner energies of the third factor but we are concerned with ways to seek out the *super*-gifted and how to help them. It is sufficient to say that the soul is the repository of all previous experience gained from many lives. It is in the overshadowing soul that we find the explanation for the fantastic gifts of the *super*-gifted.

The Two Specific Types of Super-gifted Children

Robertoo Assageoli in *The Education of the Gifted and Super-gifted Children* has enumerated two types of *super*-gifted:

linh hồn... hay ảnh hưởng tinh thần. Các khoa học huyền môn coi yếu tố thứ ba này là tối hệ trọng để đạt tới ngay cả sự hiểu lầm mờ về bản tánh chân thật của con người và điều khiến y “vận hành”. Không một phàm ngã nào có thể ổn định nếu thiếu *cả* ba yếu tố cùng hiện diện. Chúng tạo thành một tam giác năng lượng cấu thành phàm ngã đích thực: $PHÀM\ NGÃ = H \times E \times S$

Chính vì sự hiện hữu của yếu tố ảnh hưởng thứ ba này—được nhấn mạnh rất cao ở một hay nhiều phương diện nơi người *siêu*-năng khiếu—mà chúng ta nhấn mạnh sự bất bình đẳng của con người trên thang tiến hóa, mà không hề phủ nhận tình huynh đệ của nhân loại hay chối bỏ bổn phận của mình đối với những người kém tiến hóa hơn. Nhưng điều này tác động hai chiều và chúng ta có một bổn phận cũng quan trọng không kém là nâng đỡ người *siêu*-năng khiếu—người có mức nhấn mạnh ảnh hưởng linh hồn cao—so với những huynh đệ kém tiến hóa hơn. Nơi người trung bình, S chỉ biểu lộ một phần hai mươi. Nơi người *siêu*-năng khiếu, S có thể biểu lộ đến 50 phần trăm. Theo quan niệm cổ điển về vị chân sư hoàn thiện gần cuối Con Đường Tiến Hóa, yếu tố thứ ba, S, biểu lộ hoàn toàn trong phàm ngã.

Không phải nhiệm vụ của chúng ta ở đây là xét đến bản chất chi tiết của các năng lượng nội tại thuộc yếu tố thứ ba, mà là quan tâm đến phương cách tìm ra người *siêu*-năng khiếu và cách trợ giúp họ. Chỉ cần nói rằng linh hồn là kho tàng của mọi kinh nghiệm trước kia thu hoạch từ nhiều kiếp. Chính trong linh hồn phủ bóng mà chúng ta tìm thấy lời giải thích cho những năng khiếu kỳ diệu của người *siêu*-năng khiếu.

Hai Loại Cụ Thể của Trẻ Siêu-năng khiếu

Robertoo Assageoli trong *Giáo dục Trẻ Năng khiếu và Siêu-năng khiếu* đã liệt kê hai loại *siêu*-năng khiếu:

1. Those who are gifted in a general or multiple way, that is, who demonstrate a marked superiority over the average in all or in several fields. They are usually healthy, strong and sure of themselves ... The choice of which of their various talents should receive special training, so that they may avoid indecision, delays and wasteful scattering of energies is one direction in which they do need help and guidance.

2. The second group is different and presents difficult education problems. It comprises those possessing a specific gift so exceptional as to border upon or enter the field of genius, but having side by side with its serious deficiencies or lack of balance in other aspects of their personalities.

In this group we find young people who have artistic, literary, musical and in some cases mathematical abilities, but are hypersensitive, over-emotional and over-imaginative. They are often physically weak or clumsy, impractical and absent-minded. They are thus generally neither understood nor appreciated by parents and teachers, and are apt to be the target of the ridicule or antagonism of their fellow students.

Such lack of understanding and appreciation, and the consequent ineptitude in dealing with these young people, are the cause of much suffering, despondency and despair; or of revolt in many cases, and in others even of deviations or perversions. Among the many well-known instances of this kind we may mention Baudelaire, Verlaine, Strindberg and Kafka.

1. Những người năng khiếu theo lối tổng quát hay đa diện, nghĩa là biểu lộ sự vượt trội rõ rệt so với trung bình trong tất cả hay trong vài lĩnh vực. Họ thường khỏe mạnh, cường tráng và tự tin... Việc lựa chọn tài năng nào trong số các tài năng của họ nên được huấn luyện đặc biệt—hầu tránh do dự, chậm trễ và tản mạn hoang phí năng lượng—là một phương diện mà họ cần sự trợ giúp và hướng dẫn.

2. Nhóm thứ hai thì khác và nêu ra các vấn đề giáo dục khó. Nó gồm những người sở hữu một năng khiếu đặc thù đến mức đặc biệt—giáp ranh hay bước vào lĩnh vực thiên tài—nhưng bên cạnh đó lại có những thiếu hụt nghiêm trọng hay mất quân bình ở các phương diện khác của phạm ngã.

Trong nhóm này, chúng ta thấy những người trẻ có năng lực nghệ thuật, văn chương, âm nhạc và trong vài trường hợp là toán học, nhưng lại siêu mẫn, thiên cảm, và quá giàu tưởng tượng. Họ thường yếu ớt hoặc vụng về về thể chất, thiếu thực tế và hay đăng trí. Vì vậy, họ thường không được cha mẹ và thầy cô thấu hiểu hay đánh giá đúng, và dễ trở thành mục tiêu bị chế giễu hay đối kháng của bạn học.

Sự thiếu hiểu biết và đánh giá đúng như vậy, và do đó là sự vụng về trong việc đối xử với những người trẻ này, là nguyên nhân của rất nhiều khổ đau, chán nản và tuyệt vọng; hay nổi loạn trong nhiều trường hợp, và ở trường hợp khác còn dẫn tới lệch lạc hay băng hoại. Giữa nhiều trường hợp nổi tiếng kiểu này, chúng ta có thể kể Baudelaire, Verlaine, Strindberg và Kafka.

When we think of the super-gifted, our minds automatically leap to the most perfect example we know of, the child genius Wolfgang Amadeus Mozart. A notice in a German newspaper of 1763 describes the most universal genius of music the world has ever known as follows:

‘Positively the last concert! ... The boy, not yet seven, will perform on the harpsichord, play a concerto for violin, and accompany symphonies on the clavier, the keyboard being covered with a cloth, as easily as if he could see the keys. He will name all the notes sounded at a distance, singly or in chords, and improvise on harpsichord and organ as long as desired, Tickets 1/2 Taler.’

Mozart was born with absolute pitch, infallible rhythm, and natural comprehension of harmony. At the age of four, the child began to learn to play the clavier (a forerunner of the modern piano), and at five picked up a violin, and, reading at sight, staggered through six trios with his father and a friend. As a child he read and wrote music before he could do the same as well with his ABC. At fifteen he was the composer of 14 symphonies and six short operas.

Khi nghĩ về người siêu-năng khiếu, tâm trí chúng ta tự động nhảy đến ví dụ hoàn hảo nhất mà ta biết: thần đồng Wolfgang Amadeus Mozart. Một mẫu tin trong tờ báo Đức năm 1763 mô tả thiên tài âm nhạc phổ quát nhất mà thế giới từng biết như sau:

“Chắc chắn là buổi hòa nhạc cuối cùng!... Cậu bé, chưa tròn bảy tuổi, sẽ trình tấu clavecin, chơi một concerto cho vĩ cầm, và đệm cho các giao hưởng trên bàn phím, với các phím được phủ bằng một tấm vải, dễ dàng như thể cậu thấy được các phím. Cậu sẽ gọi tên mọi nốt vang lên từ xa, riêng lẻ hay theo hợp âm, và ứng tấu trên clavecin và đàn organ bao lâu tùy ý. Vé: nửa Taler.”

Mozart sinh ra đã có thính giác tuyệt đối, tiết tấu vô ngộ và khả năng thấu hiểu tự nhiên về hòa âm. Bốn tuổi, cậu bé bắt đầu học chơi clavecin (tiền thân của đàn piano hiện đại), và năm tuổi nhặt lấy một cây vĩ cầm và—đọc tại chỗ—chơi liền sáu bản trio cùng cha và một người bạn, dù xiêu vẹo. Khi còn nhỏ, cậu đọc và viết nhạc trước khi có thể làm tốt tương tự với bảng chữ cái. Mười lăm tuổi, cậu đã là tác giả của 14 giao hưởng và sáu opera ngắn.

Chapter 7-Chương 7

Super Gifted Children: Some Esoteric Factors-Trẻ Em Siêu-năng Khiếu: Một Số Yếu Tố Nội Môn

Precocious Development—Phát Triển SớmPrecocious development in one or several traits, is an early sign of the super-gifts. There is on record a boy who wrote an ABC of electricity at eight. The I.Q. in this instance was over 200. A girl of two was heard to compose alternative tunes to her nursery rhymes. Dickens wrote tragedy at seven. At six, Goethe, the famous student of the esoteric and exoteric sciences,

Phát triển sớm ở một hay vài đặc trưng là dấu hiệu ban đầu của siêu năng khiếu. Có ghi chép về một cậu bé viết một cuốn vở lòng về điện học lúc tám tuổi. I.Q. trong trường hợp này trên 200. Một bé gái hai tuổi được nghe tự đặt giai điệu thay thế cho các bài đồng dao. Dickens viết bi kịch năm bảy tuổi. Sáu tuổi, Goethe—nhà nghiên cứu trứ danh về các khoa học nội môn và ngoại môn—khi bình luận về cái chết của nhiều người trong trận

commenting on the death of so many in the Lisbon earthquake, was heard to say ... 'It was not so bad after all ... God knows the immortal soul can suffer no harm through fate.' It was the same Goethe who, at fourteen, had sat enthralled at the glittering notes of the six-year-old Mozart. Another super-gifted child known to me personally, and whom I shall hereafter refer to as M.B., used to sit, at the age of four and a half and copy a map of the world. Within a few months he could reproduce any part of it from memory.

The precocity of the super-gifted is often centred around matters of origin and destiny ... Where do we come from ... Why are we here ... Where do we go to after death? The problems of good and evil often concern them. They are very easily affected by moral problems ... a little boy of six in America wept after reading how the North taxed the South after the civil war.

They hate the mundane and will do anything to avoid it, sidetracking with questions whenever they can. They also see gaps in information and take note of exceptions to rules or contractions. A father tells of reciting nursery rhymes to his inquisitive four-year-old ... 'You try something simple and straightforward like *Tom, Tom, the Piper's Son*. Right away he starts interrupting' "Was Tom about my age? If Tom was my age, how did he carry a pig?". The teacher of the super-gifted must realise that the child suffers untold agonies if his questions go unanswered or if he is discouraged from questioning. Another aspect of their precocity is their inability to hold their tongues. It is hard for them to sit quietly when their ideals are at stake. What is more, they resent any suggestion that they are insincere in their ideals, no matter how high they fly.

động đất Lisbon, đã được nghe nói... "Cũng không tệ lắm... Thượng đế biết linh hồn bất tử chẳng thể chịu tổn hại bởi định mệnh." Cũng chính Goethe ấy, mười bốn tuổi, đã ngồi say mê trước những nốt đàn lấp lánh của thần đồng sáu tuổi Mozart. Một trẻ siêu-năng khiếu khác mà tôi quen biết, và từ đây tôi sẽ gọi là M.B., lúc bốn tuổi rưỡi thường ngồi chép lại bản đồ thế giới. Chỉ trong vài tháng, em có thể tái hiện bất kỳ phần nào của nó từ trí nhớ.

Sự phát triển sớm của trẻ siêu-năng khiếu thường tập trung quanh các câu hỏi về nguồn gốc và định mệnh... Chúng ta đến từ đâu... Vì sao chúng ta ở đây... Sau chết ta đi về đâu? Vấn đề thiện và ác thường làm các em bận tâm. Các em rất dễ bị lay động bởi những vấn đề đạo lý... một cậu bé sáu tuổi ở Mỹ đã khóc sau khi đọc chuyện miền Bắc đánh thuế miền Nam sau nội chiến.

Họ ghét những điều trần tục và sẽ làm mọi cách để né tránh, lách sang những câu hỏi bất cứ khi nào có thể. Họ cũng nhìn thấy các khoảng trống trong thông tin và ghi nhận những ngoại lệ đối với các quy luật hoặc những chỗ rút gọn. Một người cha kể chuyện đọc đồng dao cho đứa con bốn tuổi hay tò mò của mình... "Chúng ta hãy thử một cái gì đó đơn giản, thẳng băng như *Tom, Tom, the Piper's Son*. Lập tức nó ngắt lời: 'Tom có bằng tuổi con không? Nếu Tom bằng tuổi con, làm sao Tom khiêng nổi một con heo?'. Người dạy trẻ siêu thiên phú phải nhận ra rằng đứa trẻ sẽ chịu đựng những nỗi giằng vò khôn tả nếu câu hỏi của nó không được trả lời, hoặc nếu nó bị làm nản lòng khỏi việc đặt câu hỏi. Một khía cạnh khác của sự phát triển sớm là không tài nào "ngậm miệng" được. Khó lòng bắt chúng ngồi yên khi lý tưởng của chúng bị đe dọa. Hơn nữa, chúng khó chịu với bất kỳ gợi ý nào rằng chúng thiếu thành thực với lý tưởng của mình, dù những lý tưởng ấy có bay cao đến đâu.

Not all precocity in the super-gifted is so well-marked. The closest observation and uses of one's own intuitive and soul derived qualities must be called upon to recognise the same in the super-gifted child.

Không phải mọi biểu hiện phát triển sớm nơi trẻ siêu thiên phú đều rõ rệt như thế. Cần đến sự quan sát kỹ lưỡng nhất và sự vận dụng những phẩm tính trực giác và bất nguồn từ linh hồn nơi chính mình để nhận ra điều đó ở đứa trẻ siêu thiên phú.

One Notable Characteristic—Một Đặc Tính Đáng Chú Ý

One very notable characteristic of theirs is the ability to play with a single toy for hours on end, deriving endless enjoyment from the weaving of their own imaginations about the toy, providing it with background and altering situations. The opposite of this holds good for the backward child or for the young soul in a body too advanced for its spiritual development. It may then become the object of possession.

Một đặc tính rất đáng chú ý của các em là khả năng chơi với một món đồ chơi duy nhất suốt hàng giờ liền, rút ra niềm vui bất tận bằng cách dệt nên sự tưởng tượng riêng quanh món đồ chơi ấy, cung cấp bối cảnh và thay đổi các tình huống. Điều ngược lại đúng với đứa trẻ chậm phát triển, hoặc với một linh hồn non trẻ trong một thân xác quá vượt trước mức phát triển tinh thần của nó. Khi ấy món đồ có thể trở thành đối tượng của sự ám nhập.

When playing with other children, they tend to act as running commentators supplying background and situations for the game as they do with their toys. H.P. Blavatsky often had her playmates in tears and hysterics through her vivid playtime creations and flights of imagination. M.B., sent to boarding school at an early age, would regale boys twice his age with long fairy stories after lights out, often earning thereby their protection and sympathy.

Khi chơi với những trẻ khác, các em có xu hướng đóng vai người bình luận “chạy kèm”, cung cấp bối cảnh và tình huống cho trò chơi như chúng vẫn làm với đồ chơi của mình. Bà H.P. Blavatsky thường làm cho bạn chơi rơi nước mắt và la hét bởi những sáng tạo rực rỡ trong giờ chơi và những cất cánh của tưởng tượng. M.B., được gửi đến trường nội trú từ sớm, thường kể những truyện cổ tích dài lê thê sau giờ tắt đèn cho các cậu bé lớn gấp đôi tuổi mình nghe, nhờ đó thường giành được sự bảo vệ và cảm thông của họ.

In supplying background to an otherwise dull playtime they tend to organise the play into some complex pattern, often with a high climax in view. This may well be the result of a soul-*rapport* presenting memories of previous lives built around the climaxes which accompany initiation, remembering that all super-gifted children are most certainly on the Path of initiation, repeating steps taken in earlier lives, in the present life.

Khi cung cấp bối cảnh cho một giờ chơi vốn tẻ nhạt, các em có xu hướng tổ chức cuộc chơi thành một mô hình phức tạp, thường nhắm tới một cao trào lớn. Điều này rất có thể là kết quả của một sự *giao cảm* với linh hồn, trình hiện ký ức về các đời sống trước được xây quanh những cao trào đi kèm với các cuộc điểm đạo, nhớ rằng tất cả trẻ siêu thiên phú hẳn đang ở trên Con Đường Điểm Đạo, lặp lại những bước đã đi trong các đời trước, ngay trong đời này.

It is easy to see how they are often misunderstood and disliked for their ‘fads and

Dễ thấy làm sao chúng thường bị hiểu lầm và bị ghét bởi những “thị hiếu kỳ cục” của mình.

fancies'. They especially love competitive games and very complicated ones at that. These give them opportunity to express their unusual gifts. It is no wonder that they make excellent actors quite often, for acting and children occupy the same house in astrology, i.e., the fifth.

There are of course always the exceptions to precocity. Under the first of Assageoli's groupings, Winston Churchill is a good example. As a boy he showed very few qualities that are ordinarily valued at school. In fact he appeared to have been a little backward by ordinary ratings.

Albert Einstein falls into the second group of the super-gifted and yet he did not speak properly until he was nine. In general though, the ability to read and write comes early, most super-gifted children being able to read before four years of age.

Responsibility—Trách Nhiệm

Perhaps the most outstanding quality by which we may recognise most super-gifted children is in their *preparedness to shoulder responsibility*. This is, in fact the criterion of recognition of spiritual development in the adult as well. No other quality points so assuredly to the age of the soul than this one both in child and adult. M.B. often received a sound thrashing for his efforts to arouse and organise opposition against bullies at his school. It is not because they want necessarily to lead, but rather that they cannot sit still in the face of inefficiency, injustice or ignorance, depending on which arouses them.

This responsibility which the super-gifted assumes becomes, in adulthood, an overwhelming desire to serve mankind, though this may be the last thought in his mind at the conscious level. It is very often taken to the point of martyrdom. They, the super-gifted, often cannot see the logic, or

Chúng đặc biệt ưa các trò chơi thi đua, và càng phức tạp càng thích. Những trò đó cho các em cơ hội biểu lộ các thiên phú dị thường. Chẳng lạ gì chúng thường trở thành diễn viên xuất sắc, vì diễn xuất và trẻ em ở cùng một nhà trong chiêm tinh học, tức là nhà thứ năm.

Dĩ nhiên, luôn có những ngoại lệ đối với sự phát triển sớm. Theo phân nhóm đầu của Assageoli, Winston Churchill là một ví dụ hay. Thời nhỏ, Ông ít thể hiện những phẩm chất thường được trọng ở trường. Thực tế, theo các chuẩn thường tình, Ông có vẻ hơi chậm.

Albert Einstein rơi vào nhóm thứ hai của những người siêu thiên phú, vậy mà Ông không nói năng cho đúng cho đến năm chín tuổi. Tuy nhiên nói chung, khả năng đọc và viết đến sớm; phần lớn trẻ siêu thiên phú có thể đọc trước bốn tuổi.

Có lẽ phẩm chất nổi bật nhất qua đó chúng ta có thể nhận ra phần lớn trẻ siêu thiên phú là *sự sẵn sàng gánh vác trách nhiệm*. Thực ra, đây cũng là tiêu chí nhận biết mức phát triển tinh thần nơi người trưởng thành. Không có phẩm chất nào chỉ ra chắc chắn tuổi của linh hồn hơn điều này, cả nơi trẻ lẫn người lớn. M.B. thường bị đòn nên thân vì nỗ lực khơi dậy và tổ chức sự phản kháng chống lại những kẻ bắt nạt ở trường. Không phải vì các em nhất thiết muốn lãnh đạo, mà bởi lẽ chúng không thể ngồi yên trước sự kém hiệu quả, bất công hoặc vô minh, tùy theo điều gì khơi dậy chúng.

Trách nhiệm mà trẻ siêu thiên phú đảm đương đó, đến tuổi trưởng thành, trở thành một ước muốn mãnh liệt phụng sự nhân loại, dù ở tầng ý thức đây có thể là ý nghĩ sâu cùng trong đầu. Nó thường được đưa đến mức gần như tử đạo. Những người siêu thiên phú thường không thấy lô-gic hay lợi ích cảm xúc

the emotional advantages in the responsible stand they make for some cause which is often a lost one or very obscure or 'pre-evolutional' ... in fact precocious. And yet, they make their stand against the most overwhelming odds, deriving their strength and persistence from their *third* factor, the soul, and they denude their 'space within' to fertilize the space without. With the help of this inner compulsive element they are able to work alone and for long periods despite their oftentimes frail physiques.

Curiosity is often overwhelming in the super-gifted. They are forever searching for new meanings in the apparently mundane, or the not obvious obsesses them to the distraction of their parents, who invariably want them to be normal happy, well-adjusted kids. But as the same Dr Torrance points out, happiness and good mental health consist primarily of using one's capacities to the full. The super-gifted are no exception though their single or multiple capacities may be enormous. And so, as babies, they are forever investigating, shaking, twisting and turning inside out, various objects coming into their possession. This inevitably produces many great poets for poetry (and pigment) is the use of a word (symbol or painted sign) to express (or suppress) many words. This endows them with the gift of improvisation such as described in the young Mozart. One young super-gifted described eternity as 'a clocz without hands'.

Malleability and flexibility are the indispensable equipment of the super-gifted, though they recognise it not and these have been won from previous lives on the path of initiation. Presented with a problem which challenges their individual gift, they will alter themselves in mind, emotion and (if needs be) sometimes in body to overcome obstacles. Without this capacity to be constantly receptive to change they would never be able. to react to the ins

nào trong lập trường có trách nhiệm mà họ đứng ra vì một lý tưởng thường là thua cuộc, rất mơ hồ hoặc "tiền-tiến hoá"... thực ra là phát triển sớm. Vậy mà họ vẫn trụ lại trước những tương quan lực lượng áp đảo nhất, rút sức mạnh và kiên trì từ yếu tố *thứ ba*, tức linh hồn, và họ "lột trần" không gian bên trong để bồi dưỡng cho không gian bên ngoài. Với sự hỗ trợ của động lực cưỡng bách nội tâm này, họ có thể làm việc một mình trong những khoảng thời gian dài, mặc cho thân xác thường mong manh.

Sự tò mò thường lấn lướt nơi người siêu thiên phú. Họ mãi mãi lục tìm ý nghĩa mới trong điều tưởng như tầm thường, hoặc những điều không hiển nhiên ám ảnh họ đến độ khiến cha mẹ phải rối bời, những người vốn chỉ mong con cái mình bình thường, hạnh phúc, thích nghi tốt. Nhưng như Tiến sĩ Torrance chỉ rõ, hạnh phúc và sức khỏe tinh thần tốt chủ yếu là ở chỗ dùng trọn vẹn các năng lực của mình. Người siêu thiên phú không là ngoại lệ, dù năng lực đơn lẻ hoặc đa dạng của họ có thể to lớn. Thế nên, ngay khi còn là trẻ sơ sinh, họ luôn khám phá, lắc, vặn xoay, lộn trái các đồ vật vào tay mình. Điều này tất yếu sản sinh nhiều nhà thơ lớn, vì thi ca (và sắc tố hội họa) là dùng một từ (biểu tượng hoặc dấu hiệu được vẽ) để diễn đạt (hoặc nén lại) nhiều lời. Điều đó ban cho họ năng khiếu ứng tác như đã mô tả ở Mozart thuở nhỏ. Một em siêu thiên phú đã mô tả vĩnh cửu như "một chiếc đồng hồ không có kim".

Tính mềm dẻo và linh hoạt là khí cụ bất khả thiếu của người siêu thiên phú, dù chính họ không tự nhận ra, và những phẩm tính ấy đã được gặt trong các đời trước trên con đường điểm đạo. Khi gặp một vấn đề thách thức thiên phú cá nhân của mình, họ sẽ tự thay đổi ở mức trí, mức cảm xúc và (nếu cần) đôi khi cả thân xác để vượt chướng ngại. Không có khả năng liên tục mở lòng đón nhận thay đổi, họ chẳng bao giờ có thể ứng đáp được với sức ép của yếu tố thứ ba. Ra ngoài, điều này

tress of the third factor. It. may show outwardly as super-sensitivity, often as mediumship, and the havoc that the inward changing can wreak on the physical sheath may be extensive, especially if it is unprepared by what is known as meditation and the other esoteric disciplines which purify the body.

There are few indications that the super-gifted are necessarily suicide-prone or that they lean towards insanity or that they even marry less often. These deviations may arise as the result of an unsuitable environment that frustrates their attempts at self-expression.

In contrast to their strangely complex gifts, they are often relaxed by the simplest pleasures. M.B., as a child of five, followed the growth of his tomato plants and beans with such delight that he was often up long before dawn to watch their astonishing progress. It was fortunate that his understanding mother passed over lightly his successful sowing of her flowers beds in the front garden with several dozen pumpkin seeds!

It is not surprising that in outlook they are frequently Left politically or for at least some short period in their lives. They are often crusading from the earliest age. M.B., at the age of eight, was surreptitiously diverting food from his mother's pantry to feed class mates less fortunate than himself and at one stage maintained a vagrant coloured waif in food and clothes in his home-made tree-house!

The New Age—Kỷ Nguyên Mới

Since the year 1920, there has been a steady increase in the numbers of highly developed souls taking physical bodies. These super-gifted children are to help with the special work of reorganising, rebuilding and re-shaping the New Age. A very special effort,

có thể hiện như siêu mẫn cảm, thường như đồng tử/trung gian, và những tàn phá mà sự đổi thay bên trong có thể gây lên thể xác có thể rất lớn, nhất là khi thân thể chưa được chuẩn bị bởi cái gọi là tham thiền và các kỷ luật huyền môn khác vốn thanh luyện thân xác.

Ít có chỉ dấu cho thấy người siêu thiên phú tất yếu có xu hướng tự tử, hay nghiêng về điên loạn, hoặc thậm chí kết hôn ít hơn. Những lệch lạc ấy có thể nảy sinh do môi trường bất tương hợp làm nản lòng các nỗ lực tự biểu đạt của họ.

Trái với những thiên phú kỳ dị phức tạp, họ thường thư thái nhờ những thú vui đơn giản nhất. M.B., khi lên năm, theo dõi sự lớn lên của cây cà chua và đậu của mình với niềm hân hoan đến mức thường dậy từ lâu trước bình minh để ngắm sự tiến triển đáng kinh ngạc của chúng. May thay, người mẹ thấu hiểu của cậu đã cho qua nhẹ nhàng việc cậu gieo thành công vài chục hạt bí ngô trên các luống hoa trước vườn nhà bà!

Không lạ gì trong quan điểm, họ thường thiên tả về chính trị, ít nhất trong một giai đoạn ngắn nào đó của đời. Họ thường bắt đầu “thập tự chinh” từ tuổi sớm nhất. M.B., lúc tám tuổi, đã len lén chuyển thức ăn từ phòng đựng đồ của mẹ để nuôi các bạn cùng lớp kém may mắn hơn mình, và có thời gian còn chu cấp đồ ăn, quần áo cho một đứa bé da màu lang thang trong căn nhà cây do chính cậu dựng!

Từ năm 1920, số lượng các linh hồn phát triển cao nhập thể ngày càng tăng đều. Những đứa trẻ siêu thiên phú này đến để giúp công việc đặc biệt là tổ chức lại, xây dựng lại và tái định hình Kỷ Nguyên Mới. Một nỗ lực rất đặc biệt, do năm vị chân sư

led by five adepts, will be made in the last quarter of this century to restore the Mysteries, or at least part of them. This is the basic aim behind the concept of the Coming Christ, and the externalisation of the Hierarchy of the Planet. In this respect, the super-gifted are the precious stones in the crown of the Coming Avatar.

The responsibilities implicit in this statement are wide and profound. It is the duty of every person who is aware of these underlying factors to locate these incarnating arhats and initiates and to see that they are given the opportunities which will enable them ultimately to perform the special work they have to do and for which their gifts have been prepared through many lives. No stone should be left unturned to discover them, and, when discovered, to sustain them with the best education, and environment which will allow them the utmost self-expression.

What is more, these children must be located early in life. In the last six years the University of Minnesota has conducted a research on more than 15,000 boys and girls from the ages of four to eleven. Their findings show that most children start life with a valuable creative spark and that most of them have it knocked out of them by the time they are nine. They also find that this is not because parents and teachers deliberately crush creativity but that they *fail to recognise it*. In the super-gifted this is highly accentuated.

The duties and responsibilities thus imposed upon the parents of the super-gifted are therefore enormous *and* for those who are aware of such children without necessarily being related.

dẫn dắt, sẽ được thực hiện vào phần tư sau của thế kỷ này để phục hồi các Huyền Môn, hoặc ít nhất là một phần của chúng. Đây là mục tiêu căn bản đằng sau ý niệm về Đức Christ Đang Đến, và sự ngoại hiện của Thánh Đoàn của Hành tinh. Trong ý nghĩa này, những người siêu thiên phú là các viên ngọc quý trong vương miện của Đấng Hoá Thân Đang Đến.

Những trách nhiệm hàm ẩn trong phát biểu này vừa rộng vừa thâm sâu. Bổn phận của mọi người hiểu rõ các yếu tố nền tảng này là tìm ra những vị A-la-hán và các điểm đạo đồ đang lâm phạm, và bảo đảm rằng họ được trao những cơ hội cho phép họ rút cuộc thi hành công việc đặc biệt mà họ phải làm và vì đó thiên phú của họ đã được chuẩn bị xuyên qua nhiều đời. Không nên bỏ sót một phương sách nào để phát hiện họ, và khi đã phát hiện, hãy hỗ trợ họ bằng nền giáo dục tốt nhất, và môi trường cho phép họ biểu đạt bản thân ở mức cao nhất.

Hơn nữa, những đứa trẻ này phải được phát hiện từ sớm trong đời. Sáu năm qua, Đại học Minnesota đã tiến hành một nghiên cứu trên hơn 15.000 bé trai và bé gái từ bốn đến mười một tuổi. Kết quả cho thấy phần lớn trẻ khởi đời với một tia lửa sáng tạo quý giá, và phần lớn bị dập tắt tia lửa ấy vào lúc lên chín. Họ cũng nhận thấy không phải vì cha mẹ và thầy cô cố ý “nghiên nát” sáng tạo mà vì họ *không nhận ra nó*. Ở nơi trẻ siêu thiên phú, điều này càng bị nhấn mạnh hơn nữa.

Vì vậy, nghĩa vụ và trách nhiệm đặt lên cha mẹ của trẻ siêu thiên phú là vô cùng lớn, và cũng dành cho những ai biết đến các em như vậy dù không có quan hệ ruột thịt.

Humble Homes—Những Mái Nhà Khiêm Nhường

The importance of recognising the super-

Tầm quan trọng của việc nhận ra trẻ siêu

gifted at an early age is not only difficult, and made more so because of general ignorance on the question but is heightened by the fact that only in very special circumstances does a highly developed soul choose a home which is benign, affluent and influential. Many an outside observer to esotericism has noted that our most prominent esotericists, at least amongst the men, come from the humblest homes. Perhaps this is emphasised in the biblical narrative of Jesus's birth in a stable.

Whatever the home circumstances, the early life is desperately important. The Catholic Church does not say without good cause, 'Give me a child for the first five years and the world can have him after that.' The Master D.K. once said that if he were given young men to train, when their minds were still open and not yet crystallized, he would bring them to the feet of adept-hood before their lives ended.

This re-emphasises the fact that the early life of someone who is to become a Master should be a harmonious one and in the hands of those sensitive to the requirements of the super-gifted. Any early scarring of such a life through excess of tragedy, cruelty, etc., might jeopardise the success of surviving the final stages of initiation.

Don't forget that for many long centuries the super-gifted or advanced souls have been occupying Eastern bodies and Eastern ways are more harmonious and conducive to the sensitive unfoldment of childhood than in the West, especially at this time as any English boy traditionally attending boarding school will hasten to assure you. Advanced souls have great difficulty in grasping and retaining the present physical bodies on our planet. This makes them prone to special diseases. Hence the general delicate physical vehicles occupied traditionally by the saints. It is said that

thiên phú từ sớm không chỉ khó, và càng khó hơn vì sự thiếu hiểu biết chung quanh vấn đề, mà còn tăng thêm bởi sự kiện rằng chỉ trong những hoàn cảnh rất đặc biệt, một linh hồn phát triển cao mới chọn một mái nhà hiền hoà, sung túc và có ảnh hưởng. Nhiều người quan sát bên ngoài đối với huyền bí học đã ghi nhận rằng các nhà bí truyền học nổi tiếng nhất của chúng ta, ít nhất trong giới nam, xuất thân từ những mái nhà khiêm nhường nhất. Có lẽ điều này được nhấn mạnh trong câu chuyện Kinh Thánh về việc Đức Jesus sinh ra nơi máng cỏ.

Dù hoàn cảnh gia đình ra sao, thời thơ ấu vẫn cực kỳ quan trọng. Giáo hội Công giáo không vô cớ nói rằng: "Hãy trao tôi một đứa trẻ trong năm năm đầu đời và sau đó thế gian có thể có nó." Chân sư DK từng nói rằng nếu Ngài được giao những người trẻ để rèn luyện, khi tâm trí họ còn rộng mở và chưa kết tinh, Ngài sẽ đưa họ đến bậc chân sư trước khi đời họ khép lại.

Điều này nhắc lại rằng thuở ban đầu của người nào sau này sẽ trở thành một chân sư nên hài hoà và được đặt dưới sự chăm sóc của những người nhạy cảm với các đòi hỏi của trẻ siêu thiên phú. Bất kỳ vết sẹo sớm nào của một đời như thế do bị kịch, tàn nhẫn quá mức, v.v., có thể làm nguy khốn việc vượt qua các giai đoạn cuối của điểm đạo.

Đừng quên rằng qua nhiều thế kỷ, các linh hồn siêu thiên phú hay tiến bộ vẫn nhập xác phương Đông, và lối sống phương Đông hài hoà hơn và thuận lợi hơn cho sự khai mở nhạy cảm của tuổi thơ so với phương Tây—đặc biệt là vào lúc này, như bất kỳ cậu bé người Anh nào theo truyền thống đi học nội trú sẽ mau mắn xác nhận với bạn. Các linh hồn tiến bộ rất khó nắm giữ và duy trì những thể xác hiện thời trên hành tinh chúng ta. Điều này khiến họ dễ mắc các chứng bệnh đặc thù. Bởi vậy, các vận cụ thể chất mảnh mai vốn truyền thống gắn với các vị thánh. Người ta nói rằng vô số vị Phật đang chờ

Buddahs galore are waiting for suitable vehicles. H.P. Blavatsky was a sixth rounder in a fourth round body. So was Swedenborg.

Most of our advanced humanity do not come to an awareness of their mission in life until well-advanced in years, so that much precious time is wasted. Hence the aim of bringing the super-gifted to awareness of their missions before they are too scarred.

những vận cụ thích hợp. Bà H.P. Blavatsky là một hữu thể thuộc cuộc tuần hoàn thứ sáu trong một thân xác của cuộc tuần hoàn thứ tư. Swedenborg cũng vậy.

Đa số thành phần tiến bộ của nhân loại chúng ta không nhận thức được sứ mạng đời mình cho đến khi tuổi đã xế chiều, khiến lãng phí nhiều thời gian quý báu. Do đó mới có mục tiêu đưa những người siêu thiên phú đến chỗ nhận thức sứ mạng trước khi họ bị quá nhiều vết sẹo.

Chapter 8-Chương 8

Problems of the Supe-gifted—Những Vấn Đề của Người Siêu Thiên Phú

There are frequent examples of boys who develop a strong or super-physical body and who sometimes have to be held in check by the parents or other authorities through the tendency to bully or 'throw their weight around.' But it is not often realised that a super-intelligent child can just as easily become a bully on the intellectual level. In the over-emphasis of his intellectual power he is more often than not encouraged by authority. This often occurs in the super-gifted who, lacking in physique or emotional maturity, exercise their mental powers excessively to compensate, thus very often becoming unpopular and themselves the targets for physical bullying.

This is perhaps the basis of the biggest problem affecting the super-gifted ... that one or other of the personality vehicles is unable to keep up with that one which is over-developed or developed beyond normal standards. An example of this is the child, super-gifted intellectually, who was given a book on skating by his father. When accompanying his father on the ice for the first time, he was unable to execute the 'figure-of-eight' about which he had read. In

Thường thấy các cậu bé phát triển một thân thể khoẻ mạnh hoặc siêu-vật chất và đôi khi phải bị cha mẹ hoặc các nhà chức trách kiềm chế vì khuynh hướng bắt nạt hoặc "lấy thịt đè người". Nhưng ít ai nhận ra rằng một đứa trẻ siêu thông minh cũng có thể dễ dàng trở thành kẻ bắt nạt ở bình diện trí tuệ. Trong sự nhấn mạnh quá mức vào sức mạnh trí tuệ, y thường được nhà chức trách khuyến khích nhiều hơn là không. Điều này thường xảy ra nơi trẻ siêu thiên phú, những em vì thiếu thể chất hoặc chưa chín về cảm xúc nên sử dụng năng lực trí tuệ quá mức để bù trừ, do đó rất thường trở nên không được ưa và chính mình trở thành mục tiêu cho nạn bắt nạt bằng sức mạnh thể chất.

Đây có lẽ là nền tảng của vấn đề lớn nhất tác động đến người siêu thiên phú... rằng một trong các hiện thể của phàm ngã không theo kịp với hiện thể kia vốn phát triển vượt mức hoặc vượt chuẩn bình thường. Thí dụ là đứa trẻ siêu thiên phú về trí tuệ được cha tặng một cuốn sách dạy trượt băng. Lần đầu theo cha ra băng, cậu không thể thực hiện "hình số tám" mà cậu đã đọc. Trong cơn tuyệt vọng vì bất lực thể chất cho bài tập ấy, cậu đã bỏ trên băng để vẽ ra hình số tám. Vị Hamlet

a fury of despair at his physical incapacity for the exercise, he *crawled* around on the ice making the figure-of-eight. The super-gifted Hamlet of Shakespeare felt the weight of his emotional immaturity by comparing himself and Hercules with his uncle and father: 'My father's brother, but no more like my father Than I to Hercules'. (Hamlet Act 1, Scene 2)

The adjustment to his environment of a six-year-old with a mind of eleven is one of the most difficult social adjustments anyone is ever called upon to make and when the super-gifted child fails to make the adjustment he seldom has anyone to appeal to for advice or understanding because he knows he will not be understood. He then turns to himself and forces adjustments upon himself which will certainly enable him to go on living in the world but which, by outward standards, are considered abnormal, peculiar or even perverted.

Thus, in taking the example of relationships with his companions, we find a child small enough in size for companions of his own age but too large in mind. He therefore seeks companions with larger minds but they have physical bodies too big for him to cope with in playtime and sport. The persistent companionship of larger boys who will 'thump' him if he beats them too often with his wit will tend to make him negativistic and passive in outlook, a disastrous situation for a child on the threshold of puberty.

A super-gifted child might often be capable of leadership amongst a group of his own degree of development but unless special circumstances exist he seldom is able to lead in a group of companions whose development is average. He resents this, knowing that he is mentally superior to the group leader.

Out of this last situation we often find the

siêu thiên phú của Shakespeare cảm thấy sức nặng của sự non nớt cảm xúc khi so sánh bản thân và Hercules với cậu chú và người cha: “Em trai của cha ta, nhưng chẳng giống cha ta hơn ta giống Héc-quyn là bao.” (Hamlet Hồi 1, Cảnh 2)

Sự thích nghi với môi trường của một đứa trẻ sáu tuổi có cái trí mười một là một trong những thích nghi xã hội khó khăn nhất mà ai đó từng bị gọi mời phải thực hiện; và khi đứa trẻ siêu thiên phú thất bại trong việc thích nghi, nó hiếm khi có ai để cầu cứu xin lời khuyên hay sự thấu hiểu, vì nó biết mình sẽ không được hiểu. Nó bèn quay vào chính mình và tự áp đặt các điều chỉnh cho mình, những điều chắc chắn sẽ cho phép nó tiếp tục sống trong đời, nhưng theo chuẩn bên ngoài, lại bị coi là bất thường, lập dị thậm chí lệch lạc.

Vì vậy, lấy thí dụ về các mối quan hệ với bạn đồng lứa, chúng ta gặp một đứa trẻ có thân mình nhỏ nhắn tương xứng với bạn bè cùng tuổi, nhưng cái trí thì quá lớn. Vậy nên nó đi tìm bạn có trí lớn hơn, nhưng những người ấy lại có thân thể quá to để nó “xoay xở” trong giờ chơi và thể thao. Việc thường xuyên chơi với các cậu lớn hơn, những người sẽ “đánh” nó nếu nó chọc quê họ quá thường bằng trí tuệ, sẽ làm cho nó dần dần trở nên tiêu cực và thụ động trong phối cảnh—một tình thế tai hại cho đứa trẻ đang đứng trên ngưỡng dậy thì.

Một đứa trẻ siêu thiên phú có thể đủ khả năng lãnh đạo trong một nhóm gồm các bạn cùng mức phát triển với mình, nhưng trừ khi có những hoàn cảnh đặc biệt, nó hiếm khi có thể dẫn dắt một nhóm bạn có mức phát triển trung bình. Nó bực bội vì điều ấy, vì biết mình trội hơn về trí so với người cầm đầu nhóm.

Từ hoàn cảnh sau cùng này, chúng ta thường

super-gifted antagonistic to authority, rebellious and soured. Too often they have recognised the intellectual weaknesses of others in positions of authority. They then quickly lose respect for all authority.

They desperately need the guidance and advice of someone equally gifted but older and they seldom get it. This makes their position almost unique in our society and it accentuates their loneliness and all the qualities and vices which that condition can evoke.

Their main problems are:

- To suffer fools gladly.
- To find enough hard, interesting work at school.
- To keep from being negativistic to those in authority on all levels ... companions, artists, teachers, priests, etc.
- To keep from becoming hermits when the environment proves too hostile or lacking in understanding of his problems.
- To avoid habits of extreme trickery (especially on mental levels), sophistry and the desire to deceive and to expose his companions.

Fallible as I.Q. ratings are, when concerned with the super-gifted or creative child, they also fail to point out leadership in those less gifted. In the world as it is, the most rounded out personalities are grouped between 125 and 150. The best leaders are often between 115 and 135.

It is with some of these factors in mind that we face the problem of educating the super-gifted.

thấy người siêu thiên phú trở nên đối kháng với thẩm quyền, nổi loạn và trở nên chua chát. Quá thường họ đã nhận ra những yếu kém về trí của người khác đang giữ vị trí thẩm quyền. Rồi họ mau chóng đánh mất sự tôn kính đối với mọi thẩm quyền.

Họ vô cùng cần sự hướng dẫn và lời khuyên từ một người cũng thiên phú như vậy nhưng lớn tuổi hơn—và họ hiếm khi có được. Điều này khiến vị thế của họ gần như độc nhất trong xã hội chúng ta, và nó làm tăng mức cô độc và mọi phẩm tính lẫn thói xấu mà tình trạng ấy có thể khơi dậy.

Những vấn đề chính của họ là:

- Học cách “chịu đựng kẻ dốt” một cách hoan hoan.
- Tìm đủ khối lượng công việc khó mà hứng thú ở trường.
- Tránh trở nên tiêu cực đối với những người có thẩm quyền ở mọi tầng... bạn bè, nghệ sĩ, thầy cô, giáo sĩ, v.v.
- Tránh trở thành ẩn sĩ khi môi trường tỏ ra quá thù nghịch hoặc quá thiếu hiểu biết về các vấn đề của mình.
- Tránh các thói quen xảo trá cực đoan (đặc biệt ở bình diện trí), ngụy biện và ham muốn đánh lừa cũng như vạch trần bạn bè.

Dù các đánh giá I.Q. có nhiều sai số khi dụng đến trẻ siêu thiên phú hoặc sáng tạo, chúng cũng không chỉ ra được khả năng lãnh đạo nơi những người kém thiên phú hơn. Trong thế giới như nó đang là, những phạm ngã được phát triển tròn đầy nhất nằm trong khoảng 125 đến 150. Những người lãnh đạo tốt nhất thường trong khoảng 115 đến 135.

Với một số yếu tố như vậy trong tâm trí, chúng ta đối diện vấn đề giáo dục người siêu thiên phú.

Education of the Super-gifted—Giáo Dục Người Siêu Thiên Phú

In considering the titanic problem of caring for the super-gifted, it would be wise to remember the two types of Assageoli, for they provide the key to the matter.

Type 1 ... who are gifted in a general or multiple way. The problem here is to lead the child to an awareness of which of his many gifts is the one most advisable to develop. The child may be diverted from this end by -considerations of prestige, financial reward or self-gratification.

Type 2 ... who are super-gifted in a single or specialised way. Here, the problem is to develop the personality vehicles into a rounded out, stable unit capable of carrying the burdens imposed upon it by the indwelling consciousness, gifted as it is in one specific talent.

Background—Bối Cảnh

The super-gifted should be given a background of rich culture and wide-experience, bearing always in mind though that a child, any child, is entitled to his youth. Both school and home may tend to overdo the enriched programme idea, forgetting that the child has the right to live normally through each stage of his development. Travel is an essential factor and it is no wonder that in astrology travel and higher studies come in the same house, for they are indispensable to each other if the rounding out of the personality is to progress with mental and cultural development.

The truth in this statement is to be seen in the inordinate interest which the super-gifted have in encyclopaedias, travel journals and the strong desire which they manifest to keep diaries. The keeping of a diary should be especially encouraged for it is a discipline which encourages lucid

Khi xét đến bài toán khổng lồ là chăm sóc người siêu thiên phú, sẽ khôn ngoan nếu nhớ đến hai loại của Assageoli, vì chúng cung cấp chiếc chìa khoá cho vấn đề.

Loại 1... thiên phú theo nghĩa rộng hoặc đa năng. Vấn đề ở đây là dẫn dắt đứa trẻ đến chỗ nhận biết đâu là thiên phú đáng khuyến khích phát triển nhất trong số nhiều tài năng của nó. Trẻ có thể bị chệch khỏi mục tiêu này bởi những cân nhắc về uy tín, phần thưởng tài chính hoặc sự thoả mãn bản thân.

Loại 2... siêu thiên phú trong một lĩnh vực đơn lẻ hoặc chuyên biệt. Ở đây, vấn đề là phát triển các hiện thể của phàm ngã thành một đơn vị vững vàng, tròn đầy, đủ sức gánh các trọng trách mà tâm thức cư trú bên trong—vốn thiên phú đặc biệt—đặt lên nó.

Trẻ siêu thiên phú nên được cung cấp một bối cảnh văn hoá phong phú và trải nghiệm rộng rãi, luôn ghi nhớ rằng một đứa trẻ, bất kỳ đứa trẻ nào, cũng có quyền được sống tuổi thơ của mình. Cả nhà trường lẫn gia đình đều có xu hướng làm quá mức “chương trình làm giàu”, quên rằng đứa trẻ có quyền được sống bình thường qua từng chặng của tiến trình phát triển. Du hành là yếu tố thiết yếu, và chẳng lạ gì trong chiêm tinh học, du hành và học vấn bậc cao cùng nằm trong một nhà, vì chúng bất khả phân nếu việc làm tròn đầy phàm ngã phải đi song hành với phát triển trí tuệ và văn hoá.

Sự thật trong khẳng định này có thể thấy trong mối quan tâm quá độ mà trẻ siêu thiên phú dành cho các bách khoa thư, ký sự du hành và khát vọng mạnh mẽ muốn giữ nhật ký. Việc viết nhật ký nên đặc biệt được khuyến khích vì đó là một kỷ luật thúc đẩy tư duy và hành động minh bạch. Về sau, nó

thought and action. Later, it prepares the way for an even closer contact with the soul.

Therefore, the teaching of biography to the super-gifted is inevitably fruitful, along with the history of civilization. In the latter, the inculcation of this instruction and the study of epic poetry such as John Milton's *Paradise Lost* and the Anglo-Saxon epic *Beowulf*, etc., stimulates an early interest in the problems of humanity in which he will later participate. The study of foreign languages is also here important, remembering once more the correlation of the sign Gemini (which rules the learning of languages) and the ninth house. In fact Gemini is often powerfully aspected in the charts of super-gifted children.

The aim is therefore, to provide a rich background on to which the child can engrave his gift. This is achieved, not necessarily by spending enormous sums on travel and schooling, but rather through the careful direction of the child's attention to all that is going on about him. Art in particular, now freely available for inspection, is a useful amplifier of this technique. True art disciplines the emotions, whether it be on stage, canvas or television or in marble or poetry.

Quietness and Relaxation—Tĩnh Lặng và Thư Giãn

From the beginning the child should be encouraged to enjoy his own company and be given every opportunity to find retreat, at first in his own room and later within himself. The super-gifted must be encouraged to share but never expect him to share everything. He must be able to 'call his soul his own,' for he vibrates at wavelengths his teachers will never know and at all stages he must have 'a room of one's own'. But by no means should he be allowed to become a hermit or crank through not mixing with children of his own age. One cannot always provide him with playmates who are equal

chuẩn bị con đường cho một tiếp xúc gần gũi hơn nữa với linh hồn.

Bởi vậy, dạy tiểu sử cho người siêu thiên phú tất yếu đem lại kết quả, cùng với lịch sử văn minh. Trong nội dung sau, việc thẩm nhuần giáo dục này và học các trường ca như *Thiên Đường Đã Mất* của John Milton và trường ca Anglo-Saxon *Beowulf*, v.v., sẽ kích thích mỗi quan tâm sớm đến các vấn đề của nhân loại mà về sau em sẽ tham dự. Việc học ngoại ngữ cũng quan trọng ở đây, một lần nữa nhớ đến mối tương liên giữa dấu hiệu Song Tử (cai quản việc học ngôn ngữ) và nhà thứ chín. Thực tế, Song Tử thường được nhấn mạnh mạnh mẽ trong lá số của trẻ siêu thiên phú.

Mục tiêu, do đó, là cung cấp một bối cảnh phong phú để đứa trẻ “khắc” thiên phú lên đó. Điều này không nhất thiết đạt được bằng cách chi những khoản khổng lồ cho du học và trường học, mà bằng sự hướng dẫn kỹ lưỡng sự chú ý của trẻ vào mọi điều đang diễn ra quanh em. Nghệ thuật, nay sẵn có để thưởng lãm, là một bộ khuếch đại hữu ích cho kỹ thuật này. Nghệ thuật chân chính rèn luyện cảm xúc, dù ở trên sân khấu, toan vẽ hay truyền hình, hay trong đá cẩm thạch hoặc thi ca.

Ngay từ đầu, nên khuyến khích trẻ biết hưởng sự bầu bạn của chính mình và tạo mọi cơ hội để em tìm chốn “ẩn cư”, ban đầu là ngay trong phòng riêng, rồi về sau là ở bên trong chính mình. Trẻ siêu thiên phú phải được khuyến khích chia sẻ, nhưng đừng bao giờ mong em chia sẻ tất cả. Em phải có thể “gọi linh hồn là của chính mình”, vì em rung ở những bước sóng mà thầy cô sẽ không bao giờ biết, và ở mọi chặng, em phải có “một căn phòng của riêng mình”. Nhưng tuyệt đối không để em trở thành ẩn sĩ hoặc người lập dị vì không hoà nhập với những trẻ đồng trang lứa. Không phải lúc nào cũng có thể

in intellect as well as in size and it is therefore important that at least once a year all the super-gifted should meet each other in summer schools and similar establishments for comparing notes, for self-expression on a level otherwise obtainable only in solitude, in the company of their peers.

Special Treatment—Chăm Sóc Đặc Biệt

Because a super-gifted child is sometimes able to finish his work long before his classmates, this is no excuse for loading him with more of the same quality tasks as his fellows receive. He should be given the same amount of work but of a higher nature. The previously accepted custom of accelerating such a child by permitting him to 'jump' one or two standards into a higher form has its dangers. The child inevitably finds himself in a form in which he is physically years behind his classmates and the problems stressed earlier soon arise.

M.B. suffered under this process. He started school two years before the accepted entrance age because he appeared 'big for his age'. Three years later, when in a class in which his comrades averaged two years his senior, he, again forged ahead, so much so that he was invited to 'jump' his next class. His mother was, of course, flattered by this suggestion and permitted it. The child then found himself in a class in which boys were three years older than he.

He now lost the comfort of intellectual superiority and was confronted with even greater physical differences than before. He found that his classmates were playing for the school first and second Elevens and Fifteens, whereas he was as far back as the fifth and sixth Elevens and Fifteens, in which none of his classmates participated. He, quite understandably, turned away from sport and was never able to go back to it when he needed it for relaxation in later

cung cấp cho em bạn chơi ngang sức về trí cũng như về tầm vóc; vì vậy, điều quan trọng là ít nhất mỗi năm một lần, tất cả trẻ siêu thiên phú nên gặp nhau trong các trường hè và cơ sở tương tự để đối chiếu ghi chép, để tự biểu đạt trên một bình diện vốn chỉ đạt được khi ở một mình—đó là trong cộng đồng các bạn đồng bậc.

Vì một đứa trẻ siêu thiên phú đôi khi có thể hoàn tất công việc của mình sớm hơn xa so với các bạn cùng lớp, điều này không phải là cái cớ để chất thêm cho em nhiều bài tập cùng loại như các bạn nhận. Em nên được giao cùng lượng công việc nhưng ở cấp độ cao hơn. Tập quán trước đây là "tăng tốc" cho đứa trẻ như vậy bằng cách cho phép em "nhảy" một hai lớp lên khối cao hơn có những rủi ro riêng. Trẻ tất yếu thấy mình trong một lớp mà ở đó em nhỏ hơn các bạn vài năm về thể chất, và các vấn đề đã nêu trước đó sớm xuất hiện.

M.B. đã khổ sở vì quy trình này. Cậu vào trường sớm hai năm so với tuổi nhập học chuẩn vì "trông to xác" so với tuổi. Ba năm sau, khi ở trong một lớp mà các bạn trung bình lớn hơn cậu hai tuổi, cậu lại vượt lên trước, đến độ được mời "nhảy" qua lớp kế. Mẹ cậu dĩ nhiên hãnh diện trước đề nghị này và đã đồng ý. Cậu bé bấy giờ thấy mình trong một lớp mà các bạn lớn hơn cậu ba tuổi.

Cậu mất đi sự thoải mái nhờ ưu thế trí tuệ và phải đối diện những khác biệt thể chất còn lớn hơn trước. Cậu nhận ra bạn cùng lớp đang chơi cho Đội Một và Đội Hai bóng đá và bóng bầu dục của trường, trong khi cậu còn lười tận đến Đội Năm và Đội Sáu—nơi không có bạn cùng lớp nào của cậu tham gia. Hoàn toàn dễ hiểu, cậu quay lưng với thể thao và không bao giờ quay lại được khi về sau cần nó để thư giãn. Cậu chẳng thể vật và nhào lộn cùng bạn bè vì chênh lệch thể hình, và

years. He could never wrestle and tumble with his fellows because of the disparity in size and was often confronted with situations and conversations involving his class-friends which were unhealthy for him but not for them, again because of age disparity.

thường bị đặt vào những tình huống cũng như các cuộc trò chuyện liên quan đến bạn bè cùng lớp—những điều tai hại cho cậu nhưng không tai hại cho họ—một lần nữa vì khác biệt tuổi tác.

Teachers of the Super-gifted—Những Người Dạy Trẻ Siêu Thiên Phú

Teachers are often more of a hindrance than a help to the super-gifted. The teacher should be prepared to adapt himself to his pupil and discover for himself what psychological type he belongs to. He should then adapt his techniques accordingly. At the same time he should recognise the dynamics of his pupil's nature, realising that there are cycles and rhythms in everyone. These are accentuated in the super-gifted child. In the handling of them, more than any others, an understanding of their rays would help. Special attention to *will*, *imagination* and *spirituality* is needed. Assageoli has dealt with this at some length in his pamphlet already mentioned.

Super-gifted children don't have to have super-gifted teachers but they should be teachers who understand what is involved. To teach a musical genius, as Assageoli rightly points out, you don't have to be a genius in music yourself. In fact genius doesn't imply, by any means, an ability to teach. What is more important is that the teacher should establish the right relationship with his pupil, bearing in mind the factors involved.

The most important qualities that a teacher of superior children should have are:

- The capacity to stimulate his pupil into achievement.
- The capacity to withhold damning and damaging criticism, to temper all with loving understanding or compassion.

Thầy cô thường trở thành trở ngại nhiều hơn là trợ giúp cho trẻ siêu thiên phú. Người dạy cần sẵn lòng thích nghi với học trò của mình và tự khám phá em thuộc loại hình tâm lý nào, rồi thích ứng kỹ thuật tương ứng. Đồng thời, thầy cô phải nhận ra động học nơi bản tính của học trò, hiểu rằng ai nấy đều có các chu kỳ và nhịp điệu. Những điều này nơi trẻ siêu thiên phú càng được nhấn mạnh. Trong việc giúp đỡ các em hơn ai hết, sự thấu hiểu về các cung của họ sẽ hữu ích. Cần chú ý đặc biệt đến *ý chí*, *sự tưởng tượng* và *tinh thần*. Assageoli đã bàn khá dài về điều này trong tập sách nhỏ đã nêu.

Trẻ siêu thiên phú không nhất thiết phải có thầy cô siêu thiên phú, nhưng các thầy cô ấy phải là những người hiểu những gì liên quan. Như Assageoli nói đúng, để dạy một thiên tài âm nhạc, bạn không cần tự mình là thiên tài âm nhạc. Thực ra, thiên tài không hề mặc nhiên đi đôi với khả năng dạy học. Điều quan trọng hơn là người thầy phải thiết lập đúng mối quan hệ với học trò, lưu tâm các yếu tố liên đới.

Những phẩm chất quan trọng nhất mà một người thầy của trẻ vượt trội cần có là:

- Khả năng khơi gợi học trò đi đến thành tựu.
- Khả năng kiềm chế phê phán mang tính lên án và gây hại, biết nhuần hoá tất cả bằng lòng thương yêu thấu hiểu hay từ bi.

- The capacity to direct the pupil's attention and energies towards his life's expression. This would include the preparatory work of developing him in fields of expression in which he was backward, e.g., gymnastics, sport, elocution; and also of leading him to think in terms of continuing into university with his studies.

The teacher should look for the possible weaknesses which might later be responsible for the child's personality failing to bear the weight of demands placed upon it by expression of the super-gift or gifts. These weaknesses could then be anticipated and dealt with as early as possible, long before they became fixed or habitual. The actual gift should be the least of the teacher's worries. Given a healthy framework of suitable physical, emotional and mental equipment, the gift will shine forth 'though hell should bar the way'.

Because the super-gift stems from the soul, inculcation of the wisdom of the ages and all that it implies should form part of the subjective side of the gifted one's instruction. This, with careful encouragement of the expression and memory of dreams, should be sufficient in the child's years before manhood. The process most suitable for the super-gifted is that dealt with by Dr Assageoli in his book *Psychosynthesis in Education*.

Conclusion—Kết Luận

The super-gifted are the greatest of our hidden resources. They are the potential innovators and creators of tomorrow and they should be sought and developed in the interests of the age ahead. This may be achieved by:

- Alerting public opinion, parents and schools to look for them.
- Helping them once they are found.

- Khả năng hướng sự chú ý và năng lượng của học trò về phía biểu đạt cuộc đời của em. Điều này bao gồm công việc chuẩn bị là phát triển em ở những lĩnh vực biểu đạt nơi em còn yếu, thí dụ: thể dục, thể thao, diễn thuyết; và cũng là dẫn dắt em nghĩ đến việc tiếp tục lên đại học với những môn học của mình.

Người thầy nên tìm các yếu điểm có thể về sau làm phạm ngã của đứa trẻ không chịu nổi sức nặng của những đòi hỏi đặt trên nó bởi việc biểu hiện siêu thiên phú (hoặc các thiên phú). Khi đó, các yếu điểm ấy có thể được dự liệu và xử lý sớm nhất có thể, lâu trước khi chúng trở thành nếp hay cố định. Chính “món quà” nên là mối lo ít nhất của người thầy. Khi đã có một khung lành mạnh gồm những trang bị thích hợp về thể chất, cảm xúc và trí tuệ, thiên phú sẽ chói sáng “dẫu địa ngục có chắn lối”.

Vì siêu thiên phú phát xuất từ linh hồn, việc thấm nhuần Minh Triết Ngàn Đời và tất cả những gì nó hàm ý nên tạo thành phần chủ quan trong giáo dỡng người thiên phú. Điều này, cộng với việc khích lệ cần trọng sự biểu đạt và ký ức về những giấc mơ, nên là đủ trong những năm trước tuổi trưởng thành của trẻ. Tiến trình phù hợp nhất cho người siêu thiên phú là tiến trình được Tiến sĩ Assageoli bàn trong cuốn *Tổng Hợp Tâm lý trong Giáo dục*.

Những người siêu thiên phú là tài nguyên ẩn giấu lớn nhất của chúng ta. Họ là những nhà đổi mới và sáng tạo tiềm năng của ngày mai, và họ nên được tìm kiếm, phát triển vì lợi ích của kỷ nguyên phía trước. Điều này có thể đạt được bằng cách:

- Cảnh tỉnh dư luận, cha mẹ và nhà trường để cùng tìm kiếm họ.
- Giúp đỡ họ ngay khi được phát hiện.

• Serving them once they are able to express their gifts.

• Phụng sự họ khi họ đã có thể biểu đạt các thiên phú của mình.

Chapter 9-Chương 9

Telepathy—Viễn Cảm

The powers latent in man are no longer a secret, or at least quite a number of them. From the olden days of wizard, witch doctor and gypsy come the tales of second sight, telepathy, teleportation, psychometry, now transformed into interesting and valid scientific material for research. What was once mysterious, nebulous, magical is now recognised as having nothing to do with sorcerers' spells, but is a force of nature in man, and indeed in many an animal.

This force has laws of usage which only await discovery, not through the naive gullibility of an open-mouthed onlooker at a travelling gypsy fortune teller, but with finely tuned instruments now in use and about to be formulated and fashioned so that there is no doubt that phenomena which now we know 'works' but are not sure 'how', will become clear factual evidence that man has powers yet untapped.

Telepathy is in the forefront of these investigations. Old hat are the experiments with the mother rabbit and her babies parted from her in a submarine and one by one killed off and her reactions recorded. A household, worldwide phrase now runs, 'talk to your plants kindly, admiringly, they will respond'. Cards tests, long-distance communications all rigidly monitored, have long been normal public knowledge. It is an accepted faculty. But how does it really work and how can it be made as humanly reliable as possible? These are the questions now being posed by many serious qualified

Những năng lực tiềm ẩn nơi con người nay không còn là bí mật—ít nhất là một số không ít trong đó. Từ những ngày xưa của pháp sư, thầy mo và người Di-gan, đã có các câu chuyện về thấu thị, viễn cảm, dịch chuyển tức thời, Thuật trắc tâm, nay đang được chuyển hoá thành chất liệu khoa học thú vị và xác đáng để nghiên cứu. Điều từng huyền, mờ ảo, “phép thuật” nay được công nhận là chẳng đáng gì đến bùa chú của phù thủy, mà là một lực của thiên nhiên nơi con người—và thực ra nơi nhiều loài vật.

Lực này có những định luật sử dụng chỉ còn chờ được phát hiện, không phải qua sự cả tin non nớt của người đứng xem há hốc miệng trước một thầy bói Di-gan rong ruổi, mà với các thiết bị tinh vi đã và đang được đưa vào sử dụng, sắp sửa được soạn thảo và chế tác, để không còn hồ nghi rằng những hiện tượng mà giờ đây ta biết là “có tác dụng” nhưng chưa rõ “như thế nào” sẽ trở thành bằng chứng thực tế rõ ràng rằng con người còn có những năng lực chưa được khai thông.

Viễn cảm đang ở tuyến đầu của các khảo cứu này. Đã lỗi thời rồi là những thí nghiệm với thỏ mẹ và lũ con tách khỏi nó trong một tàu ngầm, bị giết lần lượt và phản ứng của nó được ghi nhận. Một câu nói cửa miệng, rộng khắp toàn cầu bây giờ là: “Hãy nói với cây cối của bạn bằng lòng tốt và sự ngưỡng mộ, chúng sẽ đáp lại.” Các thử nghiệm với thẻ bài, truyền tin khoảng cách xa, tất cả được giám sát nghiêm ngặt, từ lâu đã là kiến thức công chúng bình thường. Đó là một năng lực đã được chấp nhận. Nhưng nó thực sự vận hành thế nào và làm sao có thể khiến nó đáng tin cậy nhất có thể về mặt con người? Đó là các

groups all over the world. No longer dare anyone say there must be some fake as yet undetected, results have gone far beyond that point.

Alpha Rhythms—Nhịp Alpha

Alpha rhythms are now being recorded and noted and compared with certain conditions of receptivity between telepathised partners. It has been recorded that people who are unusually *en rapport*, such as twins, can influence the alpha rhythms of each other's brains. A message of objects seen will influence the sight area of the brain of the receiving partner in the experiment and similarly with a message concerning sound. States of mind have been measured or noted down of those who have submitted themselves to tests. A state of passivity, a state of concentrating in relaxed attention, emptying the mind, all these relate to measurements recordable on an instrument. By these means new laws of nature are being recognised.

Dr Karagulla found that there were many highly practical educated professional people who were reserved on the subject of their ability to 'see' what was wrong with their patients. An astonishing number of these people scarcely admitted to themselves, still less to their colleagues, this power they had and used.

Similarly with telepathy, many people have the rudiments of this power faintly manifesting. They have hunches about friends, 'relatives, events. Strange coincidences arise and are dismissed with a shrug or a laugh. But more people are now keeping an 'open mind' and some, alas, are taking an ego trip and embroidering the experience into an exciting psychic phenomenon and away they go into the rosy clouds of fantasy.

câu hỏi nay đang được nhiều nhóm nghiêm túc, có chuyên môn trên khắp thế giới đặt ra. Không ai còn dám nói chắc hẳn có trò bịp bợm nào đó chưa bị phát hiện—vì các kết quả đã đi xa hơn điểm ấy.

Các nhịp alpha nay đang được ghi nhận, lưu ý và so sánh với những điều kiện tiếp nhận nhất định giữa các cặp đối tác viễn cảm. Người ta ghi nhận rằng những người *đồng điệu* bất thường, thí dụ các cặp sinh đôi, có thể ảnh hưởng lên nhịp alpha trong não của nhau. Một thông điệp về các đối tượng nhìn thấy sẽ ảnh hưởng đến vùng thị giác của não người nhận trong thí nghiệm, và tương tự với một thông điệp liên quan âm thanh. Trạng thái tâm trí của những người tự nguyện tham gia thử nghiệm đã được đo lường hoặc ghi lại. Một trạng thái thụ động, một trạng thái tập trung trong sự chú ý thư thái, sự rỗng tâm—tất cả tương liên với các đo lường có thể ghi nhận bằng thiết bị. Bằng các phương tiện ấy, những định luật mới của thiên nhiên đang được nhận diện.

Tiến sĩ Karagulla phát hiện rằng có rất nhiều người thực hành nghề chuyên môn được giáo dục cao, rất thực tế, tỏ ra dè dặt về khả năng “nhìn thấy” điều bất thường nơi bệnh nhân của họ. Một số đáng kinh ngạc trong họ còn hầu như chẳng tự thú nhận với chính mình—chứ đừng nói với đồng nghiệp—về quyền năng mà họ có và vẫn sử dụng.

Tương tự với viễn cảm, nhiều người có mầm mống năng lực này biểu hiện lơ mơ. Họ có linh cảm về bạn bè, bà con, biến cố. Những trùng hợp lạ lùng nảy sinh rồi bị bỏ qua bằng một cái nhún vai hoặc tiếng cười. Nhưng ngày càng nhiều người nay giữ một “cái đầu mở”, và một số, than ôi, lại lên cơn tự ngã và thêu dệt trải nghiệm ấy thành một hiện tượng “thông linh” ly kỳ, và cứ thế bay bổng vào những áng mây hồng của mơ mộng.

Laboratory Conditions—Điều Kiện Phòng Thí Nghiệm

Serious investigation has shown that the best condition for the conscious transmission of telepathic messages is very like that of meditation. There are factors relating to a mild vegetarian diet, the control of intake of oxygen in the lungs; this is for those who are trying to develop their telepathic faculty under laboratory conditions.

Guessing the pattern on a card is now giving way to wider fields. It has been found that this dry, cold method gives a poorer response compared with more imaginative subjects connected with the beautiful in scenes of colour, images, music, poetry, etc. These subjects bring a response from the emotions, from the astral body, from the higher planes of the mind. Soon it may be that someone will think of direct 'telepathic' communication on a soul level. And find the instruments to record this event.

Khảo cứu nghiêm túc cho thấy trạng thái tốt nhất cho việc truyền viễn cảm có ý thức rất giống với trạng thái tham thiền. Có những yếu tố liên quan đến một chế độ ăn chay nhẹ, sự kiểm soát lượng oxy hít vào phổi; điều này dành cho những người đang tìm cách phát triển năng lực viễn cảm của mình dưới điều kiện phòng thí nghiệm.

Việc đoán hoa văn trên thẻ nay đang nhường chỗ cho những lĩnh vực rộng hơn. Người ta nhận thấy phương pháp khô khan, lạnh lẽo này cho phản hồi kém hơn so với các chủ đề giàu sức gợi liên hệ cái đẹp trong cảnh sắc màu, hình tượng, âm nhạc, thi ca, v.v. Những chủ đề này khơi đáp ứng từ cảm xúc, từ thể cảm dục, từ những cõi cao của thể trí. Chẳng mấy chốc có thể sẽ có người nghĩ đến truyền thông “viễn cảm” trực tiếp ở bình diện linh hồn—và tìm ra thiết bị để ghi nhận sự kiện ấy.

Chapter 10-Chương 10

The Aura—Hào Quang

Within living memory the aura and its vibrations have changed in the area of public opinion from being a fantasy of psychics over-sensitive to vibrations, into a photographic fact.

Kilner began the fact-finding by his discovery of the blue gel which sensitized the eyes to the point of being able to see smoky flares emanating from fingers and hand. The Kirlians have since amassed a vast quantity of data from human auras to those of animals and vegetation in various forms of health and decay. The aura is now as acceptable as a nose, or ear, or a head of hair, as a part of the human body.

Trong ký ức của người còn sống, hào quang và các rung động của nó đã đổi thay trong vùng dư luận: từ chỗ bị coi là hoang tưởng của các nhà ngoại cảm quá nhạy với rung động, thành một sự kiện ảnh chụp được.

Kilner đã mở đầu cho việc truy cầu sự kiện bằng phát hiện về gel xanh lam khiến mắt mẫn cảm đến mức có thể thấy những ngọn khói mờ phát xạ từ các ngón tay và bàn tay. Từ đó, các Kirlian đã tích lũy một kho dữ liệu mệnh mông từ hào quang của con người đến hào quang của động vật và thực vật trong những trạng thái sức khỏe và suy hoại khác nhau. Hào quang ngày nay được chấp nhận giống như cái mũi, cái tai, hay mái tóc—như một phần của thân thể con người.

But even with the assistance of the blue gel, not everyone can see this mysteriously wavering, kaleidoscopic aura. Some have this power, which is latent in man, well developed and use it for the benefit of mankind. These are the spiritual counsellors, healers and diagnosticians who can see the blurs and breaks in the aura of a afflicted person and by the location can judge what fundamental cause is giving rise to the unwanted symptoms.

LifeWork—Sự Nghiệp

Dr Karagulla has made this aura diagnosis in her life work. She has met and interviewed countless people, many of them already in the orthodox field of healing, doctors, nurses and therapists, who could sense something beyond the physical body of the patient and sometimes, by actually seeing the aura and sometimes by touching the patient, or passing their hands over the whole body of the patient, could 'tell' what was the cause of the illness.

Although unable to see the aura herself, Dr Karagulla has clairvoyants as her assistants. To test one of them in the early days of her research, she took her to the outpatients department of a hospital. Without hesitation this clairvoyant was able to describe the condition of each patient without being able to use medical terms and without any medical training. Eventually these diagnoses were recorded on tape and the subjects were examined by the doctor; the results were infallible. A dark area in the aura around a part of the neck showed a man who had a malfunctioning pituitary gland. Another, who was described as being in a 'crumbling condition', had Paget's disease.

One of the clairvoyant helpers who accompanied Dr Karagulla could see centres of light in the aura and these always

Nhưng ngay cả với sự trợ giúp của gel xanh, không phải ai cũng có thể nhìn thấy hào quang bí ẩn, chập chờn, biến ảo như kính vạn hoa này. Một số người có năng lực vốn tiềm ẩn nơi con người ấy phát triển tốt và sử dụng nó vì lợi ích nhân loại. Đó là những bậc cố vấn tinh thần, những người trị liệu và chẩn đoán có thể nhìn ra những vết nhòe và những chỗ vỡ trong hào quang của người bệnh, và nhờ định vị mà phán đoán đâu là nguyên nhân căn cơ đang gây ra các triệu chứng không mong muốn.

Tiến sĩ Karagulla đã biến chẩn đoán qua hào quang thành công việc đời mình. Bà đã gặp và phỏng vấn vô số người—nhiều người trong số họ đã hoạt động trong lĩnh vực trị liệu chính thống: bác sĩ, y tá và nhà trị liệu—những người có thể cảm nhận điều gì đó vượt ngoài thân thể vật lý của bệnh nhân, và đôi khi, bằng cách thật sự nhìn thấy hào quang, hoặc bằng cách chạm vào bệnh nhân, hay đưa tay lướt trên toàn thân thể, có thể “nói” đâu là nguyên do của bệnh.

Dù bản thân không nhìn thấy hào quang, Tiến sĩ Karagulla có các nhà thông nhãn làm trợ lý. Để thử nghiệm một người trong số họ vào thời kỳ đầu nghiên cứu, bà dẫn cô đến khoa ngoại trú của một bệnh viện. Không chút do dự, nhà thông nhãn này có thể mô tả tình trạng của từng bệnh nhân, dù không thể dùng thuật ngữ y khoa và không có bất kỳ đào tạo y khoa nào. Cuối cùng, các chẩn đoán ấy được ghi băng và các đối tượng được bác sĩ khám—kết quả thì không sai chạy. Một vùng tối trong hào quang quanh cổ cho thấy một người đàn ông có tuyến yên rối loạn chức năng. Một người khác, được mô tả là đang ở “tình trạng rệu rã”, thì mắc bệnh Paget.

Một trong các trợ lý thông nhãn đi cùng Tiến sĩ Karagulla có thể thấy các trung tâm ánh sáng trong hào quang, và chúng luôn tương

corresponded to the centres of energy known as the chakras and if any of these were dimmed or lifeless the clairvoyant would investigate that area for further clues.

Almost before the public has time to be amazed by these discoveries of a body surrounding man which has energy or power centres and an emanating halo, we hear that the Russians are taking this seriously and have set up a body of biologists and scientists to study this energy body and carry the work of the Kirlians further still. With the aid of an electron microscope they claim that they have results which show some sort of plasma constellation made of ionized particles unified and organised. They call it the 'biological plasma body'.

Plasma is a gas which has been ionized, a substance which is said to emanate at a seance for the purpose of materializing people 'from the other side'. Plasma can only be contained in a magnetic field and every human being has this. Here we have another unknown power which we could control and use, latent in our parts.

ứng với các trung tâm năng lượng được biết đến như các luân xa; nếu bất kỳ luân xa nào mờ tối hoặc vô sinh lực, nhà thông nhãn sẽ khảo sát kỹ vùng ấy để tìm manh mối tiếp.

Hầu như trước khi công chúng kịp kinh ngạc với khám phá về một thể bao quanh con người có các trung tâm năng lượng/quyền lực và một vầng hào quang phát xạ, chúng ta nghe rằng người Nga đang nghiêm túc với điều này và đã lập ra một cơ quan gồm các nhà sinh học và khoa học gia để nghiên cứu thể năng lượng này và đưa công trình của các Kirlian đi xa hơn nữa. Với kính hiển vi điện tử, họ tuyên bố có kết quả cho thấy một kiểu chòm plasma nào đó được cấu thành từ các hạt ion hoá, thống nhất và có tổ chức. Họ gọi nó là “thân thể plasma sinh học”.

Plasma là một chất khí đã bị ion hoá, một chất mà người ta cho là phát xuất trong Buổi gọi hồn để hiện hình những người “từ bên kia”. Plasma chỉ có thể được lưu giữ trong một trường từ—và mỗi con người đều có trường này. Ở đây chúng ta lại có một năng lực chưa biết khác mà chúng ta có thể kiểm soát và sử dụng—tiềm ẩn trong cấu phần của chúng ta.

The Aura in Healing—Hào Quang trong Trị Liệu

The level at which the patient may be diseased can be at the physical, etheric, emotional, mental or soul levels. The healer must possess a very positive magnetic aura at the level of the patient's disease. The aura of the healer becomes so positive that it constitutes the positive pole (north pole) of the combined magnetic entity of both healer and patient. Then there will be a passing of magnetic current from one to the other. Some radiate magnetic energy at one or two levels only. Only initiates or higher are capable of radiating the energy of the soul *under control*. An integrated personality, spiritually polarized possesses this faculty too.

Cấp độ mà nơi đó bệnh nhân có thể mắc bệnh có thể là hồng trần, dĩ thái, cảm dục, trí tuệ hoặc linh hồn. Người trị liệu phải sở hữu một hào quang từ tính rất dương ở cùng cấp độ với bệnh của bệnh nhân. Hào quang của người trị liệu trở nên dương đến mức nó trở thành cực dương (cực bắc) của thực thể từ tính kết hợp giữa cả người trị liệu lẫn bệnh nhân. Khi ấy sẽ có dòng điện từ tính lưu chuyển từ người này sang người kia. Có những người phát xạ năng lượng từ tính ở chỉ một hoặc hai cấp độ. Chỉ có các điểm đạo đồ hoặc cao hơn mới có thể phát xạ năng lượng linh hồn *dưới sự kiểm soát*. Một phạm ngã tích hợp, phân cực tinh thần cũng sở hữu khả năng này.

‘The radiation of the healer has to permeate and overcome the resistance of the patient's disease—not of the patient, who may be mentally or emotionally negative to the healer, and therefore in a position to be helped. This is done through the more powerful radiation of the healer. The magnetism of the healer is then brought into play and, consciously and with intent, he can draw out and disperse those atoms of substance which are the source and seat of the patient's discomfort. A hint is here given of one of the future physical plane modes of dispersing a disease. The power of directing definitely the magnetic currents radiating from a source outside the physical body is not yet realised, but it will embody one of the new modes of healing.

‘A healing radiation, therefore, naturally affects the atmosphere around the patient ... Some people radiate physical or animal magnetism, others astral or mental magnetism; still others radiate the energy of a fully integrated personality.’ —*Esoteric Healing* by Alice A. Bailey (Lucis Press)

In my other books I have discussed the necessity for those that tread The Path to focus their attention in bringing energy to the three centres in the head region:

- The head centre ... through meditation.
- The brow centre ... through focus of the mind.
- The throat centre ... through service to mankind (the latter becomes the alta major centre as the subject learns also to breathe in the correct manner).

Integration of these three centres hastens the unfoldment of the Third Eye, but also brings, in the process, the capacity to heal with directed magnetic energy which streams from the vortex created by these three centres.

‘Vì vậy, bức xạ chữa lành tự nhiên tác động đến bầu khí quanh bệnh nhân... Có người phát xạ từ tính thể chất hay động vật, kẻ khác phát xạ từ tính cảm dục hoặc trí tuệ; lại có người phát xạ năng lượng của một phạm ngã tích hợp hoàn chỉnh. Bấy giờ từ tính của người trị liệu được đưa vào vận hành và, một cách có ý thức và với chủ ý, y có thể kéo ra và làm tiêu tán những nguyên tử chất liệu vốn là nguồn gốc và nơi trú đóng của sự khó chịu nơi bệnh nhân. Ở đây có ẩn ý về một trong những phương cách tương lai trên cõi hồng trần để làm tiêu tán bệnh tật. Quyền năng định hướng một cách xác quyết các dòng từ tính phát xạ từ một nguồn ở bên ngoài thân thể vật lý hãy còn chưa được nhận ra, nhưng nó sẽ thể hiện một trong những phương cách trị liệu mới.

‘Vậy thì bức xạ chữa lành tự nhiên tác động đến không khí quanh bệnh nhân... Có người phát xạ từ tính thể chất hay động vật, có người từ tính cảm dục hay trí tuệ; lại có người phát xạ năng lượng của một phạm ngã tích hợp hoàn toàn.’ —*Trị Liệu Huyền Môn* của Alice A. Bailey (Lucis Press)

Trong các sách khác của tôi, tôi đã bàn đến sự cần thiết đối với những ai bước lên Thánh Đạo là phải tập trung chú ý vào việc dẫn năng lượng về ba trung tâm trong vùng đầu:

- Trung tâm đầu ... qua tham thiền.
- Trung tâm ấn đường ... qua tập trung thể trí.
- Trung tâm cổ họng... qua phụng sự nhân loại (trung tâm sau cùng này trở thành trung tâm alta major khi đệ tử cũng học thở đúng cách).

Sự tích hợp của ba trung tâm này thúc đẩy sự khai mở Con Mắt Thứ Ba, đồng thời cũng đem lại, trong tiến trình đó, khả năng chữa lành bằng năng lượng từ tính được định hướng tuôn chảy từ xoáy lực được tạo bởi ba trung tâm này.

‘When all the powers of the body and the directed attention of the healer are centred in the head, and when the astral body is quiescent and the mind is an active transmitter of soul energy to the three head centres, you then have an established radiance, or energy emanation which is a potent force in healing. The radiation is intense, not so much from the familiar aspect of light but from the extent of its emanating rays of active energy—which can reach the patient and energise the needed centre. All the centres of the body can become receptive to this energy and not just one.’

—*Esoteric Healing* by Alice A. Bailey (Lucis Press)

It is important then to know, where possible, at least the site of the disease, even if we cannot know the cause. The energy chakra related to that site or the organs of that site, should then become the pole of the magnet whose ‘north’ centre is, at the moment of healing, in the brow region of the healer.

Thus, the healing of an emotional disorder is via the brow directly to the solar plexus centre of the patient. The heart centre energizes all automatically when the love of the healer for the one to be healed is first established ... and it should be established as a prior act to the final application of energy through the brow.

The Ajna centre directs the ‘dispelling radiance’ of the healer, which ‘dis-spells’ the hold of the disease.

To those who find focus of energies and attention in the head a difficult process, the following technique may be of more help: Send deep love (transmuted into a substantial light/energy now) as a stream of radiant light from the Ajna Centre. It should be directed through the medium of the hands towards the patient at the site of the

‘Khi mọi quyền năng của thân thể và sự chú ý được định hướng của người trị liệu đều được quy tụ vào đầu, và khi thể cảm dục tĩnh lặng còn thể trí là kẻ truyền năng lượng của linh hồn đến ba trung tâm đầu, khi ấy bạn có một bức xạ đã được thiết lập, hay một luồng năng lượng phát xạ, vốn là một lực hùng mạnh trong trị liệu. Bức xạ ấy mãnh liệt—không hẳn theo góc độ quen thuộc của ánh sáng, mà bởi tầm vươn của các tia năng lượng hoạt hóa của nó—có thể chạm đến bệnh nhân và tiếp sinh lực cho trung tâm cần thiết. Mọi trung tâm của thân đều có thể trở nên tiếp nhận năng lượng này, chứ không chỉ một trung tâm.’

—*Trị Liệu Huyền Môn* của Alice A. Bailey (Lucis Press)

Vì vậy, điều quan trọng là biết, nếu có thể, ít nhất vị trí của bệnh, dù ta không thể biết nguyên nhân. Luân xa năng lượng liên hệ với vị trí đó hoặc các cơ quan tại vị trí đó, khi ấy nên trở thành cực của nam châm mà “cực bắc” là trung tâm, tại khoảnh khắc trị liệu, ở vùng ấn đường của người trị liệu.

Do đó, việc chữa một rối loạn cảm xúc là qua ấn đường hướng thẳng đến trung tâm tòng thái dương của bệnh nhân. Trung tâm tim tự động tiếp sinh lực cho tất cả khi tình thương của người trị liệu dành cho người được chữa lành được an lập trước... và nó nên được an lập như một hành động tiên khởi trước khi áp dụng năng lượng cuối cùng qua ấn đường.

Luân xa Ajna chỉ đạo “bức xạ xua tan” của người trị liệu, vốn “làm tan” cái nắm giữ của bệnh tật.

Với những ai thấy việc tập trung năng lượng và chú ý vào đầu là một tiến trình khó khăn, thì kỹ thuật sau đây có thể hữu ích hơn: Gửi tình thương sâu xa (đã được chuyển hoá thành một luồng ánh sáng/năng lượng hữu hình lúc này) như một dòng quang huy xạ từ Luân xa Ajna. Nó nên được dẫn qua trung gian của đôi tay hướng về bệnh nhân tại vị trí

difficulty. The palms of the hands contain powerful chakras. These are held in front of the eyes ... the palms outwards and the back of the hands six inches from the eyes. The energy of Ajna is thus divided into two and pours through the palms. Visualize the energy pouring into the patient.

khó khăn. Lòng bàn tay có những luân xa mạnh mẽ. Đặt chúng trước mắt... lòng bàn tay hướng ra ngoài và mu bàn tay cách mắt khoảng mười lăm phân. Năng lượng của Ajna nhờ đó được phân làm hai và tuôn qua lòng bàn tay. Hãy hình dung năng lượng đang tuôn vào bệnh nhân.

Flames of Health—Những Ngọn Lửa của Sức Khỏe

Cleanliness is essential to good health. The surface of the skin produces a corona of health, a veritable outpouring of flames which are more pronounced in the region of the hair. The ethetic currents of the body are deflected by the hair, on the head and throughout the hair on the body skim downwards towards the earth. The poisons of the body have a tendency to follow these currents, and are drawn towards the feet. Excretory products like uric acid are thus attracted to the toes and soles of the feet, and produce the callouses which we call corns and the tophi of gout.

Sạch sẽ là điều thiết yếu cho sức khỏe tốt. Bề mặt da sản sinh một quang hào quang của sức khỏe, một sự tuôn đổ như những ngọn lửa thực thụ—rõ nét hơn ở vùng có tóc. Các dòng dĩ thái của thân thể bị tóc làm chệch hướng: trên đầu và khắp lớp lông măng trên thân, chúng trượt xuống dưới về phía đất. Độc tố của thân thể có khuynh hướng lần theo các dòng này và bị kéo về phía bàn chân. Những sản phẩm bài tiết như axit uric nhờ đó bị hút về ngón chân và gàn bàn chân, tạo nên chai sạn mà ta gọi là mắt cá và các u cục tophi của bệnh gút.

Animals, and especially man, were never intended by nature to be off the earth during their *waking* moments and periods of activity. Every physical and mental action generates magnetism. This magnetism also flows in currents along the directions of the nerve paths to their extremities. If not interrupted they constitute a great healing and cleansing medium. The poisons and the magnetism bringing them to the feet are thus meant to be absorbed by the earth.

Động vật, và đặc biệt là con người, vốn không được Tự nhiên định liệu để rời khỏi mặt đất trong những lúc thức và những giai đoạn hoạt động. Mọi hành vi về thể xác và thể trí đều tạo ra từ điện. Từ điện này cũng chảy thành dòng theo các đường đi của thần kinh tới những đầu mút của chúng. Nếu không bị gián đoạn, chúng tạo thành một môi trường chữa lành và tẩy sạch hết sức lớn. Những độc tố và từ điện mang chúng xuống bàn chân vì thế là để được mặt đất hấp thụ.

Man will never be properly shod until he wears shoes made of material which does not interfere with these currents reaching the earth. Man is more in need of earthing than any instrument of an electrical nature.

Con người sẽ không bao giờ được “đi giày” đúng nghĩa cho đến khi y mang giày làm từ vật liệu không cản trở các dòng này tiếp đất. Con người còn cần nối đất hơn bất kỳ dụng cụ nào thuộc bản chất điện.

People living in hot climates are never seriously affected by the heat when they are barefooted but Europeans living in India and Africa are often overcome by heat through wearing insulated shoes. Sole-leather is a

Những người sống ở khí hậu nóng hầu như không bao giờ bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi cái nóng khi đi chân trần, nhưng người châu Âu sống ở Ấn Độ và Châu Phi lại thường bị kiệt sức vì nóng do mang giày cách điện.

non-conductor of magnetism. Nothing absorbs the impurities of the body as they exude through the skin pores as quickly as mud or clay. North American Indians used clay packs on bruised, burnt or ulcerated skin.

The use of mud in health hydros for 'Nature Cure' goes without saying. More benefit can be obtained in thirty minutes of exercise with bare feet on the ground, or upon material conducting body magnetism, than by any other possible use of the same time.

By far the greatest benefit derived through sea-bathing is due to contact with the sea bed. The beneficial results are augmented by walking barefooted along the beach before and after swimming.

Avoid Earth Contact in Sleep—Tránh Tiếp Xúc Đất Khi Ngủ

The magnetic currents of the body are generated principally during active periods and if the organism is brought into contact with the earth during sleep or inactivity extreme devitalization can occur.

Hair is a non-conductor of magnetism, and all animals, when lying Upon the earth, are very careful to lie upon the hairy surface of their bodies and to turn their paws and hooves up or in, so that the earth cannot rob them of their vitality during sleep. Chickens or fowls of any sort will roost upon wood, a tree or some other perch of non-conducting material during periods of inactivity. Cranes and other birds, while resting on the ground will raise one leg so as to break the magnetic arc. Patients in Nature Cure establishments should *never* be allowed to sleep when covered with earth or mud.

A traveller relates that, in India, he was able to get great relief in his hotel rooms, by walking barefooted, in sandals made with

Da đế giày là chất không dẫn từ điện. Không gì hấp thụ các tạp chất trong cơ thể thoát ra qua lỗ chân lông nhanh như bùn hay đất sét. Người bản địa Bắc Mỹ dùng đắp đất sét lên vùng da bầm dập, bỏng hay loét.

Việc dùng bùn trong các khu thủy trị liệu theo đường “Chữa Bệnh Tự Nhiên” là điều khỏi cần nói. Bạn có thể thu được lợi ích nhiều hơn trong ba mươi phút vận động với đôi chân trần trên đất, hoặc trên vật liệu dẫn từ điện cơ thể, so với mọi cách sử dụng khác cho cùng chừng ấy thời gian.

Lợi ích lớn nhất của tắm biển phần nhiều là nhờ tiếp xúc với đáy biển. Kết quả có lợi tăng thêm nếu đi chân trần trên bãi biển trước và sau khi bơi.

Các dòng từ điện của cơ thể được phát sinh chủ yếu trong các giai đoạn hoạt động, và nếu cơ thể được đưa vào tiếp xúc với đất trong khi ngủ hay không hoạt động, có thể xảy ra tình trạng suy kiệt sinh lực trầm trọng.

Tóc là chất không dẫn từ điện, và mọi loài vật, khi nằm trên đất, đều rất cẩn thận nằm lên bề mặt có lông của cơ thể và xoay bàn chân hay móng guốc lên trên hoặc co vào trong, để mặt đất không rút mất sinh lực của chúng trong khi ngủ. Gà hay chim thuộc bất kỳ loài nào cũng đậu trên gỗ, trên cây hay trên một chỗ đậu bằng vật liệu không dẫn trong những thời kỳ bất động. Sếu và các loài chim khác, khi nghỉ trên mặt đất, sẽ nhấc một chân lên để phá vỡ cung từ điện. Bệnh nhân ở các cơ sở Chữa Bệnh Tự Nhiên *không bao giờ* được phép ngủ khi đang bị phủ đất hay bùn.

Một lữ khách kể rằng, ở Ấn Độ, Ông có thể nhận được sự nhẹ nhõm lớn trong phòng khách sạn bằng cách đi chân trần, trong đôi

copper and zinc soles, which were connected by fine wires with the drainpipe in his bathroom. The drainpipes were metallic and connected to the earth. Thus, while moving about in his room, he was able to discharge the magnetism accumulated through his activity in the city during the heat of the day.

One of the chief benefits of tub-bathing is that the bath-tub is usually made of an earthenware or metallic substance, and is connected up, through the drainpipes, with the earth. Water is a perfect conductor of magnetic currents and during bathing one should never sleep and never meditate when, during the latter, the attempt to focus magnetic currents in the region of the head centre is a necessary part of successful meditation. The ideal shoe should have a copper insole linked to a zinc plate on the bottom of the sole.

dép có đế đồng và kẽm, được nối bằng dây mảnh với ống thoát nước trong phòng tắm. Các ống thoát nước bằng kim loại và nối xuống đất. Như vậy, khi đi lại trong phòng, Ông có thể phóng xả lượng từ điện tích lũy do hoạt động trong thành phố dưới cái nóng ban ngày.

Một trong những lợi ích chính của việc tắm bồn là bồn tắm thường làm bằng sành sứ hoặc kim loại, và được nối, qua các ống thoát, với mặt đất. Nước là chất dẫn hoàn hảo của các dòng từ điện và khi tắm người ta không bao giờ được ngủ và không bao giờ nên tham thiền, vì trong trường hợp sau, việc cố gắng tập trung các dòng từ điện vào vùng trung tâm đầu là phần tất yếu của một cuộc tham thiền thành công. Đôi giày lý tưởng nên có miếng lót bằng đồng được nối với một tấm kẽm ở đáy đế.

Chapter 11-Chương 11

Exercising the Magnetic Aura—Luyện tập Hào Quang Từ Điện

By following the ensuing instructions for each segment (with the consciousness localised by the pressure of the hand) and indulging in the auto-suggestions, each part of the brain will become operative. The blood will flow to the neurons, and with each day there will come greater and greater response and sensitivity to any class of thought to which the particular segment of the brain is capable of responding.

In this way you will discover from week to week it is easier for you to concentrate your mind on a subject, any subject. You will be able to think more deeply into, and all around and underneath any subject than you have ever been able to think in the past. Within a very few months, you will develop an intellectual power, a mental brilliancy that you never had before—a brilliancy

Bằng cách làm theo các chỉ dẫn tiếp theo cho từng phân đoạn (với tâm thức được định vị nhờ sức ép của bàn tay) và thực hành các tự gợi ý, từng phần của bộ não sẽ trở nên hoạt động. Máu sẽ chảy tới các nơ-ron, và mỗi ngày sẽ có sự đáp ứng và nhạy cảm ngày càng lớn hơn đối với bất kỳ lớp tư tưởng nào mà phân đoạn não bộ đó có khả năng đáp ứng.

Bằng cách này, bạn sẽ khám phá từ tuần này qua tuần khác rằng bạn dễ dàng hơn trong việc tập trung thể trí vào một chủ đề, bất kỳ chủ đề nào. Bạn sẽ có thể suy nghĩ sâu hơn vào trong, và bao quát chung quanh cũng như bên dưới mọi chủ đề hơn trước đây bạn từng có thể. Chỉ trong rất ít tháng, bạn sẽ phát triển một quyền năng trí năng, một độ rực rỡ tinh thần mà trước đây bạn chưa từng

which people around you will readily recognise, and at which they will wonder.

All the while you will be laying a real foundation for continued youthfulness. If you are advanced in years, and your brain has begun to harden, you will, by this process, revivify it, and bring it speedily back into the active, usable condition of youth. *Energy follows thought and circulation follows consciousness*

có—một độ rực rỡ mà người quanh bạn sẽ dễ dàng nhận ra và lấy làm kinh ngạc.

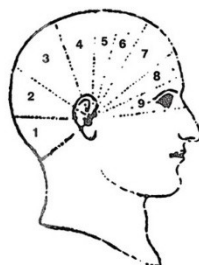
Đồng thời bạn đang đặt nền tảng thực sự cho sự trẻ trung bền lâu. Nếu bạn đã cao tuổi, và não bạn đã bắt đầu xơ cứng, thì bằng tiến trình này, bạn sẽ phục sinh nó, và đưa nó nhanh chóng trở lại tình trạng hoạt động, hữu dụng như thời thanh xuân. *Năng lượng theo sau tư tưởng và tuần hoàn theo sau tâm thức*

1. Creativity—1. Sáng tạo

Clasp the back of the head, over segment 1, with both hands. The base of the thumbs are to cover the openings of the ears, and the tips of the fingers meeting, or inter-twined at the back of the head. Press the base of the skull gently, but sufficiently with the fingers to become conscious of that part of the head.

Ôm lấy phía sau đầu, phủ lên phân đoạn 1, bằng cả hai tay. Gốc của hai ngón cái che lỗ tai, và đầu các ngón tay gặp nhau, hoặc đan vào nhau phía sau đầu. Ấn nhẹ, nhưng đủ, các ngón tay vào nền sọ để bạn trở nên có ý thức về phần đầu đó.

BIỂU ĐỒ ĐẦU VÀ NÃO HOÀN HẢO



1. Sự sáng tạo.
2. Tình thương.
3. Tính cá nhân.
4. Thấu hiểu nội tâm.
5. Cảm xúc.
6. Trực giác.
7. Trí tuệ.
8. Sự áp dụng.
9. Sự thể hiện.

Biểu đồ này hiển thị các vị trí ước tính của nhiều phân đoạn não khác nhau.

Then allow the consciousness to travel from its centre in the brain, in and out to the surface on which you are bringing pressure. Visualize the segment and make to yourself suggestions along the line of creativity ...

Rồi để tâm thức di chuyển từ trung tâm của nó trong não, ra vào tới bề mặt nơi bạn đang tạo áp lực. Hình dung phân đoạn này và tự đưa ra cho mình các gợi ý theo hướng sáng tạo...

- Creative Power
- Creative Energy
- Creative Intelligence

- Quyền năng Sáng tạo
- Năng lượng Sáng tạo
- Trí tuệ Sáng tạo

You can visualize the centre of consciousness in the brain by imagining a

Bạn có thể hình dung trung tâm của tâm thức trong não bằng cách tưởng tượng một

line drawn between the openings of the ears intersected by a line running from the base of the nose, between the eyes, to the occiput or prominence in the centre of the back of the head. Where these lines intersect, is the seat of consciousness. As the consciousness streams outwards from this point to the surface, say to yourself mentally:

'I am creative intelligence; I am creative energy; I am creative power. I am a creator because I am the inlet and the outlet of the one creative power and intelligence in the universe. I am creating this day a great ...' (here state what you wish to creation: a career, a work of art, a particular relationship, music, a business).

Seize upon any method of creation which may be suggested to you while undergoing this exercise, and dwell upon it.

2. Love—2. Tình thương

Raise the tip of your fingers and clasp them over segment 2. Oscillate your consciousness as before from the centre to the surface of the brain and make thought suggestions of Love to yourself; that you *are* love; that you are the *embodiment of love*; that you love everything and everybody. That you *are* love, because you are an inlet and an outlet for all the love there is; that God is love and love is God. That you are capable of a divine love, an unselfish love; that you love your neighbour as yourself.

It is well for you to give a kindly thought to anybody of whom it has been more or less difficult for you to think kindly, remembering at all times that if you have any 'teachers' on earth, whom you have been in the habit of miscalling 'enemies', you should have them each in your affirmation of love. Tell yourself that love is the motivating cause of all the words you use. Love is expressed in the tones of

đường nối giữa hai lỗ tai được cắt nhau bởi một đường chạy từ chân mũi, giữa hai mắt, tới ụ cằm hay điểm lồi ở giữa phía sau đầu. Nơi hai đường này cắt nhau là chỗ ngự của tâm thức. Khi tâm thức tuôn ra từ điểm này tới bề mặt, hãy tự nhủ thầm:

'Tôi là trí tuệ sáng tạo; tôi là năng lượng sáng tạo; tôi là quyền năng sáng tạo. Tôi là một đấng sáng tạo vì tôi là cửa vào và cửa ra của quyền năng và trí tuệ sáng tạo duy nhất trong vũ trụ. Hôm nay tôi đang tạo ra một ...' (tại đây nêu điều bạn mong muốn tạo ra: một sự nghiệp, một tác phẩm nghệ thuật, một mối quan hệ nào đó, âm nhạc, một doanh nghiệp).

Nắm lấy bất kỳ phương cách sáng tạo nào được gợi ý cho bạn trong khi làm bài tập này, và chiêm nghiệm sâu vào nó.

Nâng đầu các ngón tay và ôm chúng lên phân đoạn 2. Đưa tâm thức dao động như trước, từ trung tâm ra bề mặt của não và tự mình đưa ra các gợi ý tư tưởng về Tình thương; rằng bạn *là* tình thương; rằng bạn *là hiện thân của tình thương*; rằng bạn yêu mọi sự và mọi người. Rằng bạn *là* tình thương, vì bạn là cửa vào và cửa ra cho mọi tình thương hiện có; rằng Thượng đế là tình thương và tình thương là Thượng đế. Rằng bạn có khả năng một tình thương thiêng liêng, một tình thương vô kỷ; rằng bạn yêu người lân cận như chính mình.

Sẽ tốt nếu bạn gửi một ý nghĩ thiện cảm tới bất kỳ ai mà trước đây với bạn ít nhiều là khó nghĩ thiện cảm, luôn ghi nhớ rằng nếu bạn có bất kỳ 'người thầy' nào trên đời, những người mà bạn vốn quen thói gọi sai là 'kẻ thù', bạn nên đưa từng người trong số họ vào lời khẳng định tình thương của mình. Hãy nói với chính mình rằng tình thương là nguyên nhân thúc đẩy mọi lời bạn dùng. Tình thương được biểu hiện trong âm sắc

your voice, in the glint of your eye, in the expression of your face. That love pervades your entire being causing every cell in your body to thrill.

Sound especially with this segment the lines from the Great Invocation:

From the point of Love within the Heart of God

Let love stream forth into the hearts of men.

giọng nói, trong tia lấp lánh của mắt bạn, trong nét biểu cảm trên gương mặt bạn. Rằng tình thương thấm khắp toàn thể con người bạn khiến mỗi tế bào trong thân thể đều rung động.

Đặc biệt với phân đoạn này, hãy xướng những câu từ Đại Khấn Nguyện:

Từ điểm Tình Thương trong Tâm của Thượng Đế

Nguyện tình thương tuôn tràn vào trái tim của nhân loại.

3. Individuality—3. Tính cá thể

Bring your fingers to segment three and repeat the process of drawing consciousness from the central focus to the periphery of the brain that lies within the limits of this segment. Tell yourself that you are *individuality*. 'I am individuality; I am made in the image of and likeness of God.' But God has created no two people alike or for the same purpose. 'I therefore think differently and act differently and talk differently from others, and *I am different*. I am here to do a different work—an individualistic work. I am capable of tremendous individualistic achievement.'

Then tell yourself the things you wish to achieve distinctively in life. Mention each one of them separately.

'All things in the Universe are working for my good, and I am working for the good of all things in the Universe. I have an abundance of everything essential for the perfection of my life, for the achievement of the things I have set myself the task of accomplishing. I accept the Law of Infinite Demand and Supply.'

In this segment of the brain you take up the three thoughts: *individuality*, *individual achievement*, and the *abundance of means*

Đưa các ngón tay bạn tới phân đoạn ba và lặp lại tiến trình kéo tâm thức từ tiêu điểm trung ương ra chu vi não bộ nằm trong ranh giới của phân đoạn này. Hãy nói với mình rằng bạn là *tính cá thể*. 'Tôi là tính cá thể; tôi được tạo theo hình ảnh và tương tự như Thượng đế.' Nhưng Thượng đế không tạo hai người nào giống nhau hoặc cho cùng một mục đích. 'Vì vậy tôi nghĩ khác, hành xử khác và nói khác với người khác, và tôi *khác biệt*. Tôi có mặt ở đây để làm một công việc khác biệt—một công trình mang tính cá thể. Tôi có khả năng của những thành tựu cá thể phi thường.'

Sau đó hãy nói với chính mình về những điều bạn ước muốn đạt được một cách khác biệt trong đời. Nêu từng điều một cách riêng rẽ.

'Mọi sự trong Vũ trụ đều hoạt động vì điều thiện của tôi, và tôi hành động vì điều thiện của mọi sự trong Vũ trụ. Tôi có dư dật mọi thứ thiết yếu cho sự hoàn thiện cuộc đời tôi, cho việc đạt tới những điều tôi tự đặt ra phải hoàn thành. Tôi chấp nhận Định luật về Nhu cầu và Cung ứng Vô hạn.'

Trong phân đoạn này của não, bạn nắm lấy ba ý tưởng: *tính cá thể*, *thành tựu cá thể*, và *sự phong phú phương tiện* để đạt tới theo tuyến

with which to achieve along your chosen line.

4. Interior Understanding

In this part of the brain there functions the interior understanding or insight. This is where the 'knower' is located. There is something within you that makes you realise, at times, that certain things are true or not true. It is also through this segment of the brain that one develops that peculiar power of *awareness* that is called telepathy. We become aware of the mental attitudes of people surrounding us.

It is through this sector of the brain that we have the power to maintain our equilibrium, and to understand the relationship between contrasted things ... here it is too that we have that something that enables us to do the right thing at the right time and in the right place ... especially at moments of crisis. In other words the seat of wisdom, and the organ through which omniscience functions, is in this section of the brain. A line of auto-suggestions could be therefore, arranged in this order;

'I am wisdom. I am infinite wisdom in my own life. I am the inlet and the outlet of Omniscience, and this day I understand the relationships of life and I sense the deeper things of life. This day I think the right thought, I speak the right word and do the right thing at the right time and in the right place. This day I have the power of sending out the right thought and of sensing the thoughts of others that may be inimical or helpful to myself.'

đường bạn đã chọn.

4. Hiểu biết Nội tại

Ở phần này của bộ não vận hành hiểu biết hay nội kiến. Đây là nơi 'thức giả' an trụ. Có một điều gì đó trong bạn, đôi khi khiến bạn nhận ra rằng một số điều là đúng hay không đúng. Cũng chính qua phân đoạn não này mà người ta phát triển năng lực *nhận biết* đặc biệt gọi là viễn cảm. Chúng ta trở nên nhận biết được thái độ tinh thần của những người quanh mình.

Cũng qua khu vực não này, chúng ta có năng lực duy trì thăng bằng, và hiểu mối liên hệ giữa những điều đối sánh ... cũng tại đây chúng ta có cái gì đó cho phép mình làm điều đúng vào lúc đúng và ở nơi đúng ... nhất là trong những thời khắc khủng hoảng. Nói cách khác, ngôi vị của minh triết, và cơ quan qua đó toàn tri vận hành, ở trong phần này của bộ não. Một tuyến các tự gợi ý vì thế có thể sắp xếp theo thứ tự này;

'Tôi là minh triết. Tôi là minh triết vô tận trong đời tôi. Tôi là cửa vào và cửa ra của Toàn Tri, và hôm nay tôi hiểu các mối liên hệ của sự sống và tôi cảm thấu những điều sâu kín của sự sống. Hôm nay tôi nghĩ đúng tư tưởng, nói đúng lời và làm đúng việc vào lúc đúng và ở nơi đúng. Hôm nay tôi có năng lực phát ra đúng tư tưởng và cảm thụ được các tư tưởng của người khác có thể bất lợi hoặc hữu ích cho mình.'

The pineal gland is directly below the top of the head in this segment. In this gland (and its chakra) lies the seat of the Hereditary Memory, and by awakening it to super-activity, you can call to your aid the wisdom inherited from your ancestors back to the year one.

5. Emotions—5. Cảm xúc

The seat of the emotions is in the great basal ganglia directly under this segment. And it is through the operation of one or other of these great nerve centres that one's emotions in all their variety are aroused. Men and women whose heads are flat, and do not round out on top, and who have rather short measurements from ear to ear, directly over Segment 5, are usually lacking in firmness and ideals; therefore, they lack enthusiasm and do not have the power to impress other people.

It is through this section that one gains the ability to put one's whole soul into the thing being done, in which one develops the enthusiasm which is contagious; which inspires others to a higher and nobler effort.

A suggestive line of thought might be organised as follows:

'This day I am able to feel; I am able to put feeling into everything I do and say and think; this day I have the power of great emotion; I am the master of my emotions and I direct them rather than let them direct me. I am their master. I have the power of a pleasing personality; I have the power to make others with whom I come into contact, enthusiastic; of reaching the inmost recesses of every human soul with whom I come into contact; the power of communicating my feeling and emotions to others.'

6. Intuition—6. Trực giác

This segment is the region of the brain

Tuyến tùng nằm ngay dưới đỉnh đầu trong phân đoạn này. Trong tuyến này (và luân xa của nó) là ngôi vị của Ký ức Di truyền, và bằng cách đánh thức nó tới siêu hoạt động, bạn có thể triệu thỉnh về trợ lực cho mình mình triết được thừa hưởng từ tổ tiên của bạn trở về tới năm thứ nhất.

Ngôi vị của cảm xúc ở các hạch nền lớn nằm ngay dưới phân đoạn này. Và chính qua hoạt động của một trong các trung tâm thần kinh lớn này mà cảm xúc của một người, trong mọi biến thiên của chúng, được khơi dậy. Những người nam và nữ có đầu dẹt, không nở tròn phía trên, và có số đo từ tai sang tai khá ngắn, ngay phía trên Phân đoạn 5, thường thiếu kiên định và thiếu lý tưởng; bởi thế họ thiếu nhiệt huyết và không có năng lực gây ấn tượng với người khác.

Chính qua phần này mà người ta đạt được khả năng đặt trọn linh hồn vào điều đang làm, qua đó phát triển một nhiệt huyết có tính lây lan; thứ nhiệt huyết truyền cảm người khác vươn tới nỗ lực cao quý hơn.

Một tuyến tư tưởng gợi ý có thể tổ chức như sau:

'Hôm nay tôi có thể cảm; tôi có thể đặt cảm xúc vào mọi điều tôi làm, nói và nghĩ; hôm nay tôi có quyền năng của cảm xúc lớn; tôi là chủ của cảm xúc mình và tôi điều khiển chúng thay vì để chúng điều khiển tôi. Tôi là chủ của chúng. Tôi có sức hút của một phàm ngã dễ mến; tôi có quyền năng làm cho những người tôi tiếp xúc trở nên nhiệt huyết; quyền năng chạm tới những góc ngách thâm sâu nhất của mọi linh hồn con người mà tôi có tiếp xúc; quyền năng truyền đạt cảm thức và cảm xúc của tôi cho người khác.'

Phân đoạn này là vùng não qua đó người ta

through which one gets flashes of intuition. It is also the psychic or super-normal part of the brain—that is, the region of the brain in which supernormal or occult powers have their origin. It is the central upper portion of this segment which is concerned with clairvoyance; on the sides, psychometry; and down near the ears, clairaudience. These developments should never be sought for or crowded. In time, through these exercises, one may become sensitive to vibrations representing these qualities. The human brain is the only organism in the world that can transform thought into sound. This fact, to the uneducated, is frequently a source of great delusion and sometimes obsession. But clairaudience may be of great help to a man of intelligence. Socrates claimed that the things he taught were whispered in his ear by the Daemon.

It is through this segment that one gets inspiration; through this region illumination comes, and so a line of autosuggestion might be constructed as follows:

'I am intuitive; I have great intuition; I have intuitive flashes; I am inspiration; I am illumined this day; illumination comes to me now. The great over-soul reveals to me, through my thoughts, things that are essential for my guidance, so that I am led into the paths of right expression now. I am inspired to write, paint, ...'

7. Intellect—7. Trí năng

In this segment lies the power of observation - upon which conscious intelligence is based. One can arrange a system of auto-suggestion as follows:

'I am intelligence; I am an intellectual giant; I am a mental genius; I have a brain which can comprehend anything that is comprehensible by the mind of man; I reason with inexorable and absolute logic; I

nhận được những tia loé trực giác. Đây cũng là phần thông linh hay siêu thường của não—tức vùng não trong đó các năng lực siêu thường hay huyền bí có cội nguồn. Phần trung tâm phía trên của phân đoạn này liên hệ với thông nhãn; hai bên là trắc tâm; và phía gần tai là thông nhĩ. Những phát triển này không bao giờ nên tìm cầu hay thúc ép. Theo thời gian, qua các bài luyện này, người ta có thể trở nên nhạy cảm với những rung động biểu trưng cho các phẩm tính đó. Bộ não con người là cơ quan duy nhất trên thế giới có thể chuyển tư tưởng thành âm thanh. Sự kiện này, đối với người thiếu học, thường là nguồn của ảo tưởng lớn và đôi khi là ám ảnh. Nhưng thông nhĩ có thể giúp ích rất lớn cho một người thông tuệ. Socrates nói rằng những điều Ông dạy được Thần Daemon thì thầm vào tai.

Qua phân đoạn này, người ta nhận được cảm hứng; qua vùng này, sự soi sáng đến, và vì vậy có thể dựng nên một tuyến tự gợi ý như sau:

'Tôi có trực giác; tôi có trực giác lớn; tôi có những tia loé trực giác; tôi là cảm hứng; hôm nay tôi được soi sáng; sự soi sáng đến với tôi ngay bây giờ. Đại hồn mặc khải cho tôi, qua các tư tưởng, những điều thiết yếu cho sự hướng dẫn của tôi, để tôi được dẫn vào các ngõ biểu lộ đúng đắn ngay bây giờ. Tôi được cảm hứng để viết, vẽ, ...'

Trong phân đoạn này nằm quyền năng quan sát—nền tảng của trí thông minh có ý thức. Có thể sắp xếp một hệ thống tự gợi ý như sau:

'Tôi là trí thông minh; tôi là một người khổng lồ trí năng; tôi là một thiên tài tinh thần; tôi có một bộ não có thể lĩnh hội bất cứ điều gì khả lĩnh hội bởi thể trí của con người; tôi lý luận với lô-gíc nghiêm ngặt và tuyệt đối; tôi

reason inductively and deductively; I reason synthetically and analytically; this day I am intellectually brilliant; I have an-intellectual brilliance that is increasing from day to day'.

(It would be obviously unwise to think these autosuggestions out aloud, if any of your intimates are in your immediate vicinity.)

When, however, you realise that your brain is really the machine of the One Intelligence; you are the channel through which the One Mind flows, and that you can absorb as much of this as you are willing to use, that 'All there is in the One Mind,' or Ray of Intelligence, is yours, there is no reason why you should stint yourself in any way in your auto-suggestions.

8. Application

Now bring your fingers over segment 8, in the centre of the forehead, and tell yourself that you have the power of application; the power of applying yourself, and everything that is in you, to the things you have in hand; that you are practical in your application; that you have the power of great concentration. That all there is, is in the one Mind, or in your hereditary ancestral memory, bearing upon any subject to which you may apply yourself during the day.

In your thoughts, review the other segments and focus them in this particular segment, saying: 'I now have the power to focus my "Creative" energy and to apply it practically. I am able to apply my "love" nature, or my "individuality". I now apply my "interior sight", my "Emotions", my "intuition", my "intellectual power".'

9. Expression—9. Biểu lộ

Finally, in segment 9, tell yourself that you have the power of expression; that the One Mind expresses itself fully through you ... in

lý luận quy nạp và diễn dịch; tôi lý luận tổng hợp và phân tích; hôm nay tôi rực rỡ về trí năng; tôi có một độ rực rỡ trí năng đang gia tăng từng ngày'.

(Rõ ràng là không khôn ngoan nếu bạn nói to những tự gợi ý này khi có người thân cận ở ngay bên cạnh.)

Tuy nhiên, khi bạn nhận ra rằng bộ não bạn thật sự là cỗ máy của Trí Duy Nhất; rằng bạn là kênh qua đó Vũ Trụ Trí tuôn chảy, và rằng bạn có thể hấp thu bao nhiêu tùy theo bạn sẵn lòng sử dụng, rằng 'Mọi điều hiện có trong Vũ Trụ Trí', hay Cung của Trí Tuệ, là của bạn, thì không có lý do gì để bạn tự hạn chế mình theo bất kỳ cách nào trong các tự gợi ý.

8. Ứng dụng

Giờ hãy đưa các ngón tay lên phân đoạn 8, ở giữa trán, và nói với mình rằng bạn có quyền năng ứng dụng; quyền năng chuyên tâm vào, và đem mọi điều nơi bạn, vào những việc bạn đang nắm trong tay; rằng bạn mang tính thực tiễn trong ứng dụng; rằng bạn có quyền năng của sự tập trung lớn. Rằng mọi điều hiện có đều ở trong Vũ Trụ Trí, hoặc trong ký ức tổ tiên di truyền của bạn, liên hệ tới bất kỳ chủ đề nào mà bạn có thể chuyên tâm trong ngày.

Trong tư tưởng, điếm qua các phân đoạn khác và gom chúng vào phân đoạn đặc thù này, nói: 'Giờ đây tôi có quyền năng để tập trung năng lượng "Sáng tạo" của mình và áp dụng nó một cách thực tiễn. Tôi có thể ứng dụng bản tính "tình thương" của mình, hay "tính cá thể" của mình. Giờ đây tôi ứng dụng "thị kiến nội tại", "Cảm xúc", "trực giác", "quyền năng trí năng" của mình.'

Sau cùng, ở phân đoạn 9, hãy nói với mình rằng bạn có quyền năng biểu lộ; rằng Vũ Trụ Trí biểu lộ trọn vẹn qua bạn ... trong nụ cười

the smile on your face, in the movements of your body, in the work that you do, or the thoughts that you think. That you have the fluency of speech; that you are using pure, chaste, refined, cultured and scholarly language. That you express yourself perfectly through anything which you may be doing—in art, architecture, music and business.

In whatever way you desire to express yourself, use very positive auto-suggestions (while holding your hands over this segment of the brain). Tell yourself that you feel you can do anything. That you have perfect expression! That you are expressing continued youthfulness, etc. That you are bringing into expression the possibilities of each of the preceding segments of the brain.

trên gương mặt, trong các cử động của thân, trong công việc bạn làm, hay các tư tưởng bạn nghĩ. Rằng bạn có sự lưu loát trong lời nói; rằng bạn đang dùng ngôn ngữ trong sáng, đoan chính, tinh luyện, tao nhã và học thuật. Rằng bạn biểu lộ mình một cách hoàn hảo qua bất cứ điều gì bạn đang làm—trong nghệ thuật, kiến trúc, âm nhạc và kinh doanh.

Dù bạn muốn biểu lộ mình theo cách nào, hãy dùng những tự gợi ý thật quả quyết (trong khi đặt tay lên phân đoạn này của não). Hãy nói với mình rằng bạn cảm thấy có thể làm bất cứ điều gì. Rằng bạn có sự biểu lộ hoàn hảo! Rằng bạn đang biểu lộ sự trẻ trung liên tục, v.v. Rằng bạn đang đem ra biểu lộ những khả tính của mỗi phân đoạn não bộ trước đó.

Chapter 12-Chương 12

Hypnosis—Thôi miên

The state of hypnosis is not quite like waking, sleeping or dreaming. EEG tests show no difference between resting with eyes closed and the hypnotic state. Yet it has been proved to be a genuine condition and genuine results are obtained from suggestions made to the subject while under the influence of hypnosis. It does seem, however, that there is an element of psychological reaction in the recipient, he is hypnotised because he has a psychological or subconscious reason for entering this state and he accepts because of the same deep logic, or illogic, depending on the wording of the suggestions made.

Hypnosis is an entrance into the power latent in man to offset pain, either as auto-hypnosis or self-suggestion, or as administered by a practitioner. It is now used in many countries to assist painless childbirth and tests have proved its efficacy

Trạng thái thôi miên không hoàn toàn giống như thức, ngủ hay mơ. Các xét nghiệm điện não đồ cho thấy không có khác biệt giữa nghỉ ngơi nhắm mắt và trạng thái thôi miên. Tuy nhiên, nó đã được chứng minh là một tình trạng có thật và các kết quả chân thực thu được từ những gợi ý đưa cho đối tượng trong khi chịu ảnh hưởng của thôi miên. Đường như, tuy vậy, có một thành tố phản ứng tâm lý nơi người thụ nhận: y bị thôi miên vì y có một lý do tâm lý hay tiềm thức để đi vào trạng thái này và y chấp nhận vì cùng một lô-gíc sâu xa, hoặc phi lô-gíc, tùy theo cách diễn đạt của các gợi ý được đưa ra.

Thôi miên là một lối đi vào quyền năng tiềm ẩn nơi con người để hóa giải đau đớn, hoặc dưới dạng tự thôi miên hay tự gợi ý, hoặc do một người hành nghề thực hiện. Nay nó được dùng ở nhiều quốc gia để trợ giúp sinh nở không đau và các thử nghiệm đã chứng

in dentistry and in some major surgical operations.

Hypnosis seems to act in such a way that the brain ignores any pain messages which it receives from the nerves, for it has been recorded in tests that patients feel something, since their pulse rate and blood-pressure changed a good deal during the operation. V. J. Taugher states in the *Wisconsin Medical Journal* that it seems as if the mind, under the influence of suggestion, exerts a strong control over the body.

As a power which could be used for the benefit of man, an important line in hypnotic treatment is that of heart regulation and blood circulation, either induced by a practitioner or by the subject himself; so that any undesirable condition such as hyper-tension can be controlled without drugs and their disagreeable side effects.

Psychosomatic Illnesses—Bệnh Tâm thể

For the same reason it can and has been used to help sufferers with allergies and other skin disorders related to psychosomatic causes. The power latent in man of bringing into material manifestation a visualised or subconscious image gives rise to many such maladies. It has been found time and time again that these psychosomatic illnesses have often been caused by a casual remark made to a very young impressionable child who reacted to it subconsciously, resulting in a lifetime of discomfort, if not disease.

But at any age it is surprisingly easy to fall prey to a suggestion of the unpleasant circumstance linking a certain food, smell, plant or other contact, and quite without conscious volition we are landed with a mysteriously occurring migraine, or a rash, or worse, a refusal of some organ, nerve or muscle to co-operate normally. This is

minh hiệu quả của nó trong nha khoa và một số ca phẫu thuật lớn.

Thôi miên dường như tác động theo cách khiến bộ não bỏ qua các tín hiệu đau mà nó tiếp nhận từ thần kinh, bởi vì trong các thử nghiệm đã ghi nhận rằng bệnh nhân vẫn cảm thấy “cái gì đó”, do nhịp mạch và huyết áp của họ thay đổi khá nhiều trong khi phẫu thuật. Ông V. J. Taugher phát biểu trên *Wisconsin Medical Journal* rằng dường như thể trí, dưới ảnh hưởng của gợi ý, áp đặt một kiểm soát mạnh mẽ lên thân thể.

Như một quyền năng có thể dùng cho lợi ích con người, một hướng quan trọng trong trị liệu thôi miên là điều hòa hoạt động tim và tuần hoàn máu, hoặc do người hành nghề gây nên hoặc do chính đối tượng tự gây, để bất kỳ tình trạng không mong muốn nào như tăng huyết áp có thể được kiểm soát mà không cần thuốc và các tác dụng phụ khó chịu của chúng.

Vì cùng lý do đó, thôi miên có thể, và đã, được dùng để giúp những người mắc dị ứng và các rối loạn da khác liên quan tới nguyên nhân tâm thể. Quyền năng tiềm ẩn nơi con người trong việc đưa một hình ảnh được hình dung hoặc tiềm thức vào biểu lộ vật chất gây ra nhiều chứng bệnh như vậy. Người ta đã nhiều lần phát hiện rằng những bệnh tâm thể này thường do một lời nhận xét băng quơ nói với một đứa trẻ còn quá nhạy cảm khiến nó phản ứng ở tầng tiềm thức, và kết quả là cả một đời bất tiện, nếu không muốn nói là bệnh tật.

Nhưng ở bất cứ tuổi nào, người ta cũng rất dễ dàng rơi vào bẫy của một gợi ý về trải nghiệm khó chịu gắn với một loại thức ăn, mùi, cây cỏ hay tiếp xúc nào đó, và hoàn toàn không do chủ ý có ý thức, chúng ta bỗng mắc một cơn đau nửa đầu bí ẩn, hoặc nổi ban, hay tệ hơn, một cơ quan, thần kinh hay bắp thịt nào đó từ chối hợp tác bình thường. Đây là thôi

hypnosis in reverse and treatment by hypnosis used in an eliminating treatment can cure the subconscious cause in most cases.

Our nervous system acts without our conscious control. It is an enormous relief to us not to have to remember to breathe, nor to keep our hearts pumping, nor to consciously order our leg muscle to lift the ankle and foot every time we take a step. But it would certainly be a tremendous help to us if we learnt to issue 'orders' now and then to eliminate or promote a desired condition. Hypnosis under the auspices of a skilled practitioner, or properly taught self-hypnosis, could avert many a condition of dis-ease before it took a serious hold on the sufferer, since the earliest symptoms could be dealt with at once before a penetrating diagnosis was necessary.

Auto-suggestion and hypnosis are closely linked, and hard to define separately. There are many people who would find it very difficult to hypnotise themselves and accept autosuggestion. Skilled diagnosis apart, this power latent in man to change his own condition at will meets much resistance within man himself. He has the whole of his buried subconscious to combat and unless he 'knows himself' and can come face to face with his many selves without fear or prejudice, he might do better to seek an experienced practitioner.

miên theo chiều ngược và trị liệu bằng thôi miên, dùng theo hướng loại trừ, có thể chữa nguyên nhân tiềm thức trong phần lớn trường hợp.

Hệ thần kinh của chúng ta hoạt động ngoài sự kiểm soát có ý thức của ta. Đó là một sự nhẹ nhõm lớn khi ta không phải nhớ để thở, hay giữ cho tim đập, hay phải ra lệnh có ý thức cho bắp chân nhấc mắt cá và bàn chân lên mỗi lần ta bước đi. Tuy vậy, sẽ là một trợ giúp to lớn nếu ta học cách ban phát 'mệnh lệnh' thỉnh thoảng để loại bỏ hay thúc đẩy một tình trạng mong muốn. Thôi miên dưới sự bảo trợ của một người hành nghề thành thạo, hoặc tự thôi miên được dạy đúng cách, có thể ngăn chặn nhiều tình trạng bất-an bệnh lý trước khi nó bám rễ nghiêm trọng vào người bệnh, vì các triệu chứng sớm nhất có thể được xử lý ngay lập tức trước khi cần tới một chẩn đoán thấu suốt.

Tự gợi ý và thôi miên liên kết chặt chẽ, và khó mà định nghĩa tách rời. Có nhiều người sẽ thấy rất khó thôi miên chính mình và chấp nhận tự gợi ý. Bỏ qua phần chẩn đoán tinh vi, quyền năng tiềm ẩn nơi con người để chuyển đổi tình trạng của chính mình theo ý muốn gặp phải nhiều lực cản ngay trong bản thân y. Y có cả một phần tiềm thức bị chôn vùi phải đối đầu và trừ khi y 'biết mình' và có thể đương đầu với các "bản ngã" của mình không sợ hãi hay thành kiến, y có lẽ nên tìm đến một người hành nghề nhiều kinh nghiệm.

It is asserted that no one can succumb to hypnosis without being willing to do so and that it is in no way a relinquishing of the personality to another. Be this as it may, hypnosis is not given full approval by occultists of a high order. Both H.P. Blavatsky and the Tibetan, known as D.K., warned of the dangers inherent in the practitioner and patient relationship and further stated that there was no use for hypnosis in the spiritual development of the disciple.

Người ta khẳng định rằng không ai có thể rơi vào thôi miên nếu không sẵn lòng và rằng điều đó không hề là việc trao nộp phạm ngã cho một người khác. Dù thế nào, thôi miên không được các nhà huyền bí học bậc cao hoàn toàn chấp thuận. Cả Bà H. P. Blavatsky và Chân sư Tây Tạng, được biết là Chân sư DK, đều cảnh báo về các nguy hiểm tiềm ẩn trong mối quan hệ giữa người hành nghề và bệnh nhân, và còn nói thêm rằng thôi miên không có chỗ dùng trong phát triển tinh thần của người đệ tử.

Medical Use of Hypnosis—Ứng dụng Y khoa của Thôi miên

Research into the medical use of hypnosis continues and at the American Society for Clinical Hypnosis, where only professional people of integrity and holding a doctorate 'degree are accepted, Dr Raymond LaScola used hypnosis for memory recall. 'The mind remembers everything,' he says, 'and it is all accessible under hypnosis.' He uses hypnosis to memorise musical works and has helped witnesses to recall vital details of a crime.

Nghiên cứu về ứng dụng y khoa của thôi miên vẫn tiếp tục và tại Hiệp hội Mỹ về Thôi miên Lâm sàng, nơi chỉ chấp nhận những người chuyên nghiệp có nhân cách liêm chính và có học vị tiến sĩ, Bác sĩ Raymond LaScola dùng thôi miên để gợi lại ký ức. 'Thể trí ghi nhớ mọi thứ,' Ông nói, 'và tất cả đều có thể truy cập dưới thôi miên.' Ông dùng thôi miên để ghi nhớ những tác phẩm âm nhạc và đã giúp nhân chứng nhớ lại các chi tiết sống còn của một vụ án.

He has found that people can experience total recall of all details of an event in a way that is not possible for the conscious mind even to begin to visualise from memory. But under hypnosis such details can be regained from the subconscious mind, which absorbed the details without the conscious mind being able to relate to conscious thought at the time.

Ông đã phát hiện rằng con người có thể trải nghiệm hồi tưởng toàn bộ mọi chi tiết của một biến cố theo một cách mà thể trí có ý thức thậm chí không thể khởi sự hình dung từ trí nhớ. Nhưng dưới thôi miên, các chi tiết như vậy có thể được phục hồi từ thể trí tiềm thức, thể trí đã hấp thu các chi tiết mà thể trí có ý thức lúc bấy giờ không thể liên hệ đến tư tưởng có ý thức.

There are many instances where hypnosis has been used beneficially to relax in times of stress and as a preparation for an ordeal such as a critical operation, and for calming the nerves before an interview, an examination at university or school, or for facing a personal dread such as an aeroplane flight or a visit to the dentist. Dependence on this practice as an external help could become similar to that of a pep drug or tranquilliser, without the side effects.

Có nhiều trường hợp thôi miên đã được dùng có lợi để thư giãn trong thời kỳ căng thẳng và như một cách chuẩn bị cho một thử thách như một ca phẫu thuật nguy kịch, cũng như để trấn tĩnh thần kinh trước một cuộc phỏng vấn, một kỳ thi ở đại học hay nhà trường, hoặc để đối diện một nỗi dread cá nhân như một chuyến bay hay một cuộc thăm khám nha sĩ. Lệ thuộc vào thực hành này như một trợ giúp bên ngoài có thể trở nên tương tự với việc dùng thuốc kích thích hay thuốc an

Skilled tuition in its use is needed, so that the patient can derive self-confidence in the powers of his mind to overcome obstacles through the use of self-suggestion and therefore augment his latent talents, rather than use the process as a crutch to lean on when the will is weak.

thần, nhưng không có tác dụng phụ. Cần có sự hướng dẫn thành thạo về việc sử dụng, để bệnh nhân có thể thu nhận được tự tin vào quyền năng của thể trí mình nhằm vượt chướng ngại qua tự gợi ý và do đó phát huy thêm các tài năng tiềm tàng, hơn là dùng tiến trình này như một cái nạng để tựa khi ý chí yếu ớt.

Unwanted Habits—Thói quen Không mong muốn

Hypnosis can be used as an adjunct of the power of the will and mind to achieve and as a clearing agent of unnecessary fears and psychological warps which prevent successful performance. It may also be employed to dissociate from pain, depending on the individual's ability to go into deep hypnosis. As a persuader to stop smoking, over-eating and other unwanted habits, it can become a weapon of conscious control over our own wayward, mind-emotional-physical bodies.

Thôi miên có thể được dùng như một trợ lực của quyền năng ý chí và thể trí để đạt thành tựu, và như một tác nhân gạt sạch những sợ hãi không cần thiết và những lệch lạc tâm lý vốn cản trở sự thể hiện thành công. Nó cũng có thể được dùng để tách rời khỏi cảm giác đau, tùy theo khả năng của cá nhân trong việc đi vào trạng thái thôi miên sâu. Như một phương tiện thuyết phục để ngừng hút thuốc, ăn quá độ và các thói quen không mong muốn khác, nó có thể trở thành một khí giới kiểm soát có ý thức đối với các thân thể ngang ngành của chính chúng ta ở ba phương diện: thể trí—cảm xúc—thể xác.

Moreover hypnosis provides a path to relaxation, with a repetitive formula which the body learns to adapt to with ease and speed, so that total relaxation can soon be obtained in the space of a second or two at most.

Hơn nữa, thôi miên cung cấp một con đường dẫn tới thư giãn, với một công thức lặp lại mà thân thể học cách thích nghi một cách dễ dàng và nhanh chóng, đến nỗi sự thư giãn toàn diện có thể đạt được chỉ trong một hai giây là cùng.

Danger Point—Điểm Nguy hiểm

With hypnosis it is possible to explore the memory, the subconscious, the unconscious—and beyond. But this is the danger point, when an experienced guide or partner must be in control to keep the experience of the explorer within the bounds of balance and safety. As an example of this, it may be remembered by some that a television show displayed an experienced hypnotist who had been able to take many of his patients into their past lives, or so it seemed. Some of these people were in a dramatic situation where it seemed they were about to lose

Với thôi miên, có thể thám sát ký ức, tiềm thức, vô thức—và vượt xa hơn. Nhưng đây là điểm nguy hiểm, khi một người hướng dẫn hay bạn đồng hành dày dặn kinh nghiệm phải giữ vai trò kiểm soát để giữ trải nghiệm của người thám hiểm trong giới hạn của thăng bằng và an toàn. Là một ví dụ, có người hẳn còn nhớ một chương trình truyền hình giới thiệu một nhà thôi miên giàu kinh nghiệm, người có thể đưa nhiều bệnh nhân của mình trở về các tiền kiếp, hay dường như thế. Một số người trong đó đang ở trong một tình huống kịch tính mà dường như họ sắp

their lives in one way or another and the hypnotist quickly brought each one back to the present 'waking' life. Even so, it took a few minutes for one or two of them to get themselves fully recovered from the sensation of drowning, stabbing or whatever death they had been about to undergo.

Since time immemorial hypnotism has been practised consciously or unconsciously. Priests and witch doctors, rabble rousers and quack medicine promoters, orators and men with a mission, and many other sorts of persuaders have put this power to use for their own ends, good or bad. Now that the scientist has at last decided to 'measure' it, the use of hypnotism and its effects will become widely understood and, since people will become more aware of its usage, wise discrimination as to the purpose to which it is to be put may prevail.

mất mạng theo cách này hay cách khác, và nhà thôi miên lập tức đưa từng người trở về đời sống 'tỉnh' hiện tại. Dù vậy, vẫn mất vài phút để một hai người trong họ phục hồi hoàn toàn khỏi cảm giác bị chết đuối, bị đâm chém hay bất kỳ cái chết nào mà họ sắp trải qua.

Từ thuở hồng hoang, thuật thôi miên đã được thực hành, một cách có ý thức hay vô thức. Tư tế và phù thủy, kẻ kích động đám đông và những kẻ bán thuốc dỏm, diễn giả và những người ôm một sứ mệnh, cùng nhiều dạng người thuyết phục khác đã đem quyền năng này ra sử dụng cho mục đích riêng, thiện hay ác. Nay khi nhà khoa học cuối cùng đã quyết định 'đo đạc' nó, việc sử dụng thuật thôi miên và ảnh hưởng của nó sẽ trở nên được thấu hiểu rộng rãi, và vì con người sẽ trở nên ý thức hơn về việc nó được dùng, sự phân biệt khôn ngoan đối với mục đích mà nó được đem ra sử dụng có thể sẽ thắng thế.

Chapter 13-Chương 13

Psychokinesis—Tâm động lực

The ability to control and move objects has had much publicity in recent times with Yuri Geller and Nilya Mikhailova demonstrating their gifts and subjecting themselves to stringent laboratory tests. There is no doubt that there is a power in the mind of man to organise the movement of others.

So much has now been written about the subject, so many opportunities has the public been given to observe these talents for bending or moving objects without any apparent material assistance, that the question is being asked: 'Well, why do we want these objects to be bent, broken, mended or moved anyway?'

Khả năng kiểm soát và di chuyển vật thể được nhắc tới rất nhiều gần đây, với Yuri Geller và Nilya Mikhailova biểu lộ các ân tứ của họ và chấp nhận các thử nghiệm phòng thí nghiệm nghiêm ngặt. Không thể hồ nghi rằng có một quyền năng trong thể trí con người để tổ chức sự chuyển động của vật thể.

Đã có quá nhiều điều được viết về chủ đề này, công chúng đã được cho thấy quá nhiều dịp quan sát các tài năng bẻ cong hay di chuyển vật thể mà không có trợ lực vật chất hiển lộ, đến mức câu hỏi được nêu ra: 'Thế, rốt cuộc tại sao chúng ta lại muốn mấy vật ấy bị bẻ cong, bẻ gãy, hàn gắn hay di chuyển cơ chứ?'

We are in danger of forgetting the momentous fact that it is something within the person that is performing these feats and therefore it is a power we should know more about and perhaps discover how to put to greater and better use.

Since prehistoric times we have progressed in learning how to move objects, from rolling a heavy stone using a strong tree-branch as a lever to shooting capsules off to the moon or speeding ever faster by air travel from one bit of earth land to another. We have learnt the laws governing many forms of movement. The law or laws governing the movement of objects by the mind, or by what some would like to call 'psychic power' who can use the talent without knowing 'how it is done'.

Controlling Electrons—Kiểm soát Điện tử

Cold calculating scientists are now hot on the trail. One of the first and least likely experiments was the trial carried out by Herr Schmidt while working for the Boeing Company. He suspected that certain people could control the flow of electrons in an electronic system. With the apparatus at his disposal and a number of scientifically-minded people he was able to set up highly technically contrived and controlled scientific tests which proved that some people could control the flow of electrons and probably many more might develop the ability, were they aware of it. He concluded that psychokinesis was as natural a phenomenon as electricity, merely awaiting the exploration of its laws, just as the phenomenon of electricity, around since the world began, awaited its discovery and knowledge of its laws of operation. A great deal about electricity still awaits discovery, as the Tibetan states in *A Treatise on Cosmic Fire*, but that does not preclude our making very satisfactory use of those of its qualities

Chúng ta có nguy cơ quên mất sự kiện hệ trọng rằng có một cái gì đó bên trong con người đang thực hiện những kỳ tích đó, và vì thế đó là một quyền năng mà chúng ta nên hiểu biết nhiều hơn và có lẽ học cách đem ra sử dụng lớn lao và tốt đẹp hơn.

Từ thời tiền sử, chúng ta đã tiến bộ trong việc học cách di chuyển vật thể, từ việc lăn một tảng đá nặng bằng cách dùng một cành cây chắc làm đòn bẩy đến việc bắn các con thoi lên mặt trăng hoặc du hành ngày càng nhanh bằng đường không từ phần đất này sang phần đất khác. Chúng ta đã học được các định luật cai quản nhiều dạng chuyển động. Các định luật cai quản việc chuyển động vật thể bằng thể trí, hay bằng điều mà một số người muốn gọi là 'năng lực thông linh'—những người có thể sử dụng tài năng mà không biết 'làm sao nó xảy ra'.

Những nhà khoa học lạnh lùng tính toán giờ đây đang ráo riết lần theo dấu vết. Một trong những thí nghiệm đầu tiên và có vẻ ít khả dĩ nhất là thử nghiệm do Herr Schmidt thực hiện khi làm việc cho Hãng Boeing. Ông nghi rằng một số người có thể kiểm soát dòng điện tử trong một hệ thống điện tử. Với thiết bị sẵn có và một số người có tư duy khoa học, Ông đã có thể thiết lập những thử nghiệm khoa học được cấu trúc và kiểm soát cao độ về mặt kỹ thuật, chứng minh rằng một số người có thể kiểm soát dòng điện tử, và rất có thể nhiều người nữa có thể phát triển khả năng này nếu họ ý thức về nó. Ông kết luận rằng tâm động lực là một hiện tượng tự nhiên như điện, chỉ đang chờ được thám hiểm các định luật của nó, y như hiện tượng điện, vốn tồn tại từ khi thế giới bắt đầu, đã chờ được phát hiện và hiểu biết các định luật vận hành của nó. Còn rất nhiều điều về điện vẫn đang chờ phát hiện, như Chân sư Tây Tạng dạy trong *Luận về Lửa Vũ Trụ*, nhưng điều đó không ngăn cản chúng ta sử dụng rất thỏa đáng những phẩm tính của điện mà

which we do understand and control.

As Adrian V. Clark in his book *Psychokinesis* points out, we already move molecules every time we move a muscle, but we do not do this consciously; with these molecules there is the process of force needed to trigger off the movement through electric signals. It has been discovered that elements called photons are released at the moment of movement and this causes a recoil in the molecule and so it, with all its companions, moves the muscle. Clark posits the theory that photons may be a clue to the psychokinetic form of movement. Since the mind radiates measurable waves, the power to focus and control these waves will be easy when laws of nature not yet discovered are known.

chúng ta hiểu và kiểm soát được.

Như Adrian V. Clark nêu trong cuốn sách *Psychokinesis*, chúng ta đã di chuyển các phân tử mỗi lần ta cử động bắp thịt, nhưng ta không làm điều này một cách có ý thức; với các phân tử này, có một tiến trình lực cần thiết để kích hoạt chuyển động qua các tín hiệu điện. Người ta đã phát hiện rằng những phân tử gọi là photon được phóng thích vào khoảng khắc cử động, và điều này gây phản lực ở phân tử, khiến nó cùng với mọi bạn đồng hành chuyển động bắp thịt. Clark nêu giả thuyết rằng photon có thể là manh mối cho dạng chuyển động tâm động lực. Vì thế trí phát xạ những làn sóng đo được, quyền năng tập trung và kiểm soát các làn sóng này sẽ trở nên dễ dàng khi các định luật của thiên nhiên, vốn chưa được khám phá, trở nên được biết.

The Fantastic Mrs. Mikhailova—Bà Mikhailova Phi thường

Mrs Mikhailova, and indeed 'the dependable Yuri Geller, often find they perform their feats in a spontaneous way, almost without intention and yet at other times, and especially under gruelling test conditions, intense effort is needed. The fantastic Mrs Mikhailova has divided the white from the yolk of an egg and divided smoke sealed in a jar. Professor Rhine, famous for his many and varied ESP tests, was told of a gambler who 'knew' when he would be able to control the fall of the dice. When put under laboratory tests he still succeeded and Professor Rhine and some companions also tried to get similar results and succeeded beyond the bounds of mere chance. A school-boy in Germany could control or predict the fall of a tossed coin thousands of times.

Blinking lights have been tried on a random principle and Professor Beloff used the emission of radio-active particles in a particular metal as a method of discovering if molecules could be controlled. The

Bà Mikhailova, và quả thật là 'Yuri Geller đáng tin cậy', thường thấy rằng họ biểu diễn những kỳ tích một cách tự phát, hầu như không chủ ý, nhưng lúc khác, và đặc biệt dưới các điều kiện kiểm tra nghiệt ngã, lại cần nỗ lực mãnh liệt. Bà Mikhailova phi thường đã tách lòng trắng khỏi lòng đỏ trứng và tách khói bị niêm kín trong lọ. Giáo sư Rhine, nổi tiếng với nhiều thử nghiệm tri giác ngoại cảm đa dạng, được kể về một tay cờ bạc 'biết' khi nào mình có thể kiểm soát kết quả gieo xúc xắc. Khi đưa vào thử nghiệm phòng thí nghiệm, anh ta vẫn thành công, và Giáo sư Rhine cùng vài cộng sự cũng thử đạt kết quả tương tự và thành công vượt quá giới hạn của ngẫu nhiên. Một cậu học sinh ở Đức có thể kiểm soát hoặc dự đoán mặt sấp ngửa của đồng xu tung lên hàng ngàn lần.

Các đèn nhấp nháy đã được thử trên nguyên tắc ngẫu nhiên và Giáo sư Beloff dùng sự phát xạ các hạt phóng xạ trong một kim loại đặc thù như một phương tiện khám phá xem các phân tử có thể bị kiểm soát không. Sự

emission of the particles from the radioactive source were measured by a Geiger counter and the two school-boys asked to take part were able to slow down or accelerate the emission, with a score of a billion to one against chance. It seems that the activity does take effect at this fine sub-atomic level. In fact, there is a possibility that fine waves from the mind-matter of man can relate to fine waves in the object to which the waves are directed, on an electro-magnetic plane perhaps.

We are on the brink of exploration into the planes of existence beyond those of man known as solid liquid and gaseous; into the ionic, the planes and sub-planes of the etheric, and further still into the higher astral and mental planes, where man could consciously operate if only he knew the laws.

Bio-Magnetism—Sinh Từ học

While we await the full discovery of man's latent powers, the field of healing has gone well ahead. The power to use the body as a channel for healing power to flow through to the patient is now widely practised.

Parallel with this runs the young science of bio-magnetism. This is a technique very similar in its application to that of the healing power manifested by the healer who projects the healing power through his hands, by spoken word, through the magnetism of his eyes, or by projected thought or prayer.

Linked with several avenues of research, the writer has delved deeply into the possibilities of transmitting the healing power of the electro-magnetic fields.

The great advantage of this means of transmission is that the healer is then released from excessive pressure caused by

phát xạ các hạt từ nguồn phóng xạ được đo bằng ống đếm Geiger và hai cậu học sinh được mời tham gia đã có thể làm chậm lại hoặc tăng tốc độ phát xạ, với tỷ số một tỉ ăn một chống lại ngẫu nhiên. Có vẻ như hoạt động diễn ra ở cấp độ vi tế dưới nguyên tử này. Thực vậy, có khả năng là các làn sóng vi tế từ vật-chất-thể-trí của con người có thể liên hệ với các làn sóng vi tế trong vật thể được hướng tới, có lẽ trên một bình diện điện-từ.

Chúng ta đang ở ngưỡng cửa của việc thám hiểm các cõi tồn tại vượt quá những cõi của con người vốn được biết như rắn, lỏng và khí; vào miền ion, các cõi và cõi phụ của dĩ thái, và còn xa hơn nữa vào các cõi cảm dục cao và cõi trí, nơi con người có thể vận hành một cách có ý thức nếu biết các định luật.

Trong khi chúng ta chờ đợi sự khám phá đầy đủ các quyền năng tiềm ẩn của con người, lĩnh vực chữa lành đã tiến khá xa. Quyền năng dùng thân thể như một kênh cho năng lực chữa lành tuôn qua đến bệnh nhân nay được thực hành rộng rãi.

Song hành với điều này là ngành khoa học non trẻ về sinh từ học. Đây là một kỹ thuật rất tương tự trong ứng dụng với việc biểu hiện quyền năng chữa lành bởi người chữa lành, người phóng chiếu năng lực chữa lành qua đôi tay, qua lời nói, qua từ điện nơi đôi mắt, hoặc bằng tư tưởng phóng chiếu hay lời cầu nguyện.

Kết nối với nhiều hướng nghiên cứu, người viết đã đào sâu vào các khả thể truyền dẫn quyền năng chữa lành của các trường điện từ.

Ưu thế lớn của phương tiện truyền dẫn này là người chữa lành được giải phóng khỏi áp lực quá mức do sự chú tâm mang tính cá

the highly individual attention he has to give to each patient and a machine can take over, quite possibly on almost the same level as that required for routine treatments of cases.

nhân rất cao mà y phải dành cho từng bệnh nhân, và một cỗ máy có thể tiếp quản, rất có thể ở mức độ gần như tương tự như mức cần cho các ca điều trị thường quy.

Chapter 14-Chương 14

Magnetism: Energy Behind the Powers-Từ điện: Năng lượng Ở sau các Quyền năng

Magnetism—Từ điệnMagnetism is the beloved of the gods. For centuries it was known to the initiate few that magnetism was the energy which, more than any other, lay at the basis of the human aura from which, we have seen, there arise *the powers latent in man*.

Từ điện là điều chư thần ưu ái. Trong nhiều thế kỷ, số ít các vị nhập môn đã biết rằng từ điện là năng lượng, hơn bất cứ năng lượng nào khác, nằm ở nền tảng của hào quang con người, từ đó, như chúng ta đã thấy, nảy sinh *những quyền năng tiềm ẩn nơi con người*.

With this in mind, I undertook a course of study of 'The History of Medicine' at Sheffield University and later published my paper there, *The Staff and Serpent of Aesculapius*. I was much impressed, during my researches into the history of medicine, by the frequent mention of magnetism used as a therapy in ancient temples and down through the ages.

Với điều này trong tâm, tôi đã theo học một khóa 'Lịch sử Y học' tại Đại học Sheffield và sau đó công bố bài khảo cứu của tôi ở đó, *Cây Gậy và Con Rắn của Aesculapius*. Tôi rất ấn tượng, trong khi khảo cứu lịch sử y học, bởi những lần nhắc đến thường xuyên việc dùng từ điện như một liệu pháp trong các đền đài thời cổ và xuyên suốt các thời đại.

When I left medical school, I teamed up with George de la Warr and with the assistance of his extraordinary genius for instrumentation to measure the subtlest of energies, we were able to measure the effects of weak magnetic fields on the human body and psyche.

Khi rời trường y, tôi cộng tác với George de la Warr, và với sự trợ giúp thiên tài phi thường của Ông về thiết bị đo các năng lượng vi tế nhất, chúng tôi có thể đo được các hiệu ứng của những trường từ yếu lên cơ thể và tâm lý con người.

Our work was jointly published in the book *Biomagnetism* in 1967, now out of print. We were able to observe the effects of magnets brought near the human body and later did considerable research to show that pulsating magnetic fields of low strength are able to affect the body chemistry of man.

Công trình của chúng tôi được xuất bản chung trong cuốn *Biomagnetism* năm 1967, nay đã hết lưu hành. Chúng tôi quan sát được các hiệu ứng của nam châm đưa lại gần cơ thể con người và về sau đã tiến hành nghiên cứu đáng kể cho thấy rằng các trường từ dao động cường độ thấp có khả năng ảnh hưởng tới hoá sinh học của con người.

The level of blood cholesterol, the pressure of the blood, its sedimentation rate, etc., were all powerfully affected by magnetic fields. We were then able to use magnetism in the treatment of a variety of complaints, including rheumatoid arthritis, hypertension, acne vulgaris, eczema, etc.

Later, we discovered some of the many effects of magnetism on man's subtler bodies and at this time the writer is still actively engaged in research in this field. The numerous magnetic effects on man must inevitably confirm the teachings of the ages, that man's aura is magnetic. The chapters that follow demonstrate with impressive evidence the multiple effects of magnetism of weak strength on man and his aura.

Mức cholesterol trong máu, huyết áp, tốc độ lắng, v.v., đều bị ảnh hưởng mạnh bởi các trường từ. Chúng tôi sau đó đã có thể sử dụng từ điện trong điều trị một loạt than phiền, gồm viêm khớp dạng thấp, tăng huyết áp, trứng cá thường, chàm, v.v.

Về sau, chúng tôi khám phá một số trong rất nhiều hiệu ứng của từ điện lên các thể vi tế hơn của con người, và vào thời điểm này người viết vẫn đang tích cực nghiên cứu trong lĩnh vực này. Nhiều hiệu ứng từ điện lên con người tất yếu sẽ xác nhận giáo huấn của muôn đời, rằng hào quang con người là từ điện. Những chương sau đây trình bày với bằng chứng ấn tượng các hiệu ứng đa dạng của từ điện yếu lên con người và hào quang của y.



Chapter 15-Chương 15

Biomagnetic Healing—Chữa lành Sinh Từ

Chances are that in the very near future the ultimate cure for cancer will consist of something as simple as exposure to a magnetic field while breathing negatively charged ions. Even with weak electric currents, severe wounds and broken bones are now being healed three to five times faster than by the body's normal regenerative processes.

Halting the ravages of age or regrowing amputated arms and legs with small electrical charges may sound like fantasy or science fiction, but such things are definitely on the way. In fact, much of the foregoing has already been partially successful on laboratory test animals.

Virtually none of man's ailments are immune to the beneficial effects of electromagnetic fields. According to a growing body of scientific evidence that has emerged during the past decade, there are no known adverse side effects from exposure to magnetic fields, however strong they may be. Conversely, it is known that any living entity which is deprived of even the earth's relatively weak magnetic field for prolonged periods will suffer complex, distressing illness—and will eventually die!

Nearly every known mass extinction of earthly life (including that of dinosaurs) occurred during the geological past in periods of geomagnetic reversal. The evidence for the connection is now so solidly established that just about every expert in paleomagnetism has accepted it.

When the human biomagnetic field was first mapped out in 1962 by Dr Robert O. Becker at New York's Upstate Medical Centre in Syracuse, it signalled the first combined reevaluation of medicine *and* psychiatry! In series after series of specialized experiments, the evidence compiled by Dr Becker and his colleagues, Dr Charles

Rất có thể trong tương lai rất gần, phương cách chữa ung thư sau cùng sẽ bao gồm một điều đơn giản như tiếp xúc với trường từ trong khi hít thở các ion mang điện âm. Ngay cả với các dòng điện yếu, các vết thương nặng và xương gãy nay đang được chữa lành nhanh gấp ba đến năm lần so với tiến trình tái sinh bình thường của cơ thể.

Chặn đứng sự tàn phá của tuổi tác hay tái sinh các cánh tay và chân bị cắt cụt bằng các điện tích nhỏ nghe có vẻ là chuyện hoang tưởng hay khoa học viễn tưởng, nhưng những điều như vậy chắc chắn đang trên đường đến. Thực tế, phần nhiều điều nói trên đã phần nào thành công trên các động vật thử nghiệm trong phòng thí nghiệm.

Hầu như không có bệnh tật nào của con người miễn nhiễm với các hiệu ứng có lợi của các trường điện từ. Theo một khối lượng bằng chứng khoa học đang tăng trưởng trong thập kỷ qua, không có tác dụng phụ bất lợi nào được biết đến do tiếp xúc với các trường từ, dù chúng mạnh đến đâu. Ngược lại, người ta biết rằng bất kỳ sinh thể nào bị tước đoạt ngay cả trường từ tương đối yếu của Trái Đất trong một thời gian dài sẽ mắc các chứng bệnh phức tạp, gây khổ sở—và cuối cùng sẽ chết!

Gần như mọi đợt tuyệt chủng hàng loạt của sự sống trên Trái Đất (kể cả loài khủng long) xảy ra trong quá khứ địa chất đều diễn ra vào những thời kỳ đảo cực địa từ. Bằng chứng cho mối liên hệ này hiện được xác lập vững vàng đến nỗi hầu như mọi chuyên gia về cổ từ học đều chấp nhận nó.

Khi trường sinh từ của con người lần đầu tiên được lập bản đồ vào năm 1962 bởi Tiến sĩ Robert O. Becker tại Trung tâm Y khoa Upstate của New York ở Syracuse, đó là tín hiệu đầu tiên cho một cuộc đánh giá lại kết hợp cả y học và tâm thần học! Qua hết loạt thử nghiệm chuyên biệt này đến loạt khác, bằng chứng do Tiến sĩ Becker và các đồng sự

Bachman and Professor Howard Friedman, insistently inferred that magnetism was in fact the very key to the Secret of Life!

của Ông, Tiến sĩ Charles Bachman và Giáo sư Howard Friedman, tích lũy đã liên tục hàm ý rằng từ điện thực ra chính là chìa khóa cho Bí mật của Sự Sống!

First Recorded Healing—Ca Chữa lành Ghi nhận Đầu tiên

Becker is the guiding genius behind the first widely announced success of biomagnetic healing. A team of surgeons at the University of Pennsylvania Medical School vindicated Becker with the first recorded electromagnetic healing of a serious human fracture. The patient, a 51-year-old woman, suffered a cracked ankle bone that refused to heal during a two-year period. Under a contract from the Office of Naval Research, the Medical School developed a small skin-implanted power pack which effectively resolved the problem of delivering a constant current to the bone despite steadily increasing tissue resistance.

The team, headed by Drs Carl Brighton and Zachary Friedenber, inserted the negative pole of the circuit (the cathode) at the point of the fracture; the anode was taped to the skin nearby. A small cast was wrapped around her ankle and the power source—a small battery pack about the size of a penny, with resistors and field-effect transistors—was taped to the cast. This pack supplied a constant 10 micro-ampere current to the fracture area twenty-four hours a day for nine weeks until X-rays showed that the break was fully healed. The technique is now being widely studied and used on other patients with fractures that stubbornly refuse to heal on schedule.

Becker and his colleagues have long known that the biomagnetic field at the front of the brain is negative, and that it is positive at the back of the brain centring on the brainstem leading to the central nervous system. During early experiments he found that by suddenly reversing this polarity in test animals they were rendered unconscious.

Becker là trí tuệ hướng đạo phía sau thành công được công bố rộng rãi đầu tiên của chữa lành sinh từ. Một nhóm phẫu thuật tại Trường Y Đại học Pennsylvania đã xác tín Becker bằng ca chữa lành bằng điện từ đầu tiên cho một vết gãy xương nghiêm trọng ở người. Bệnh nhân, một phụ nữ 51 tuổi, bị nứt xương cổ chân không chịu lành trong suốt hai năm. Theo một hợp đồng với Office of Naval Research, Trường Y đã phát triển một bộ nguồn nhỏ cấy dưới da, giải quyết một cách hữu hiệu vấn đề cung cấp dòng điện hằng định đến xương dù sức kháng của mô tăng dần.

Nhóm, do các Bác sĩ Carl Brighton và Zachary Friedenber phụ trách, đã cắm cực âm của mạch (catot) tại điểm gãy; cực dương dán lên da gần đó. Một chiếc bột nhỏ quấn quanh cổ chân và bộ nguồn—một gói pin nhỏ cỡ đồng xu, với các điện trở và transistor hiệu ứng trường—được dán vào lớp bột. Bộ này cung cấp một dòng hằng 10 vi ampe tới vùng gãy xương suốt hai mươi bốn giờ mỗi ngày trong chín tuần, cho tới khi phim X-quang cho thấy chỗ gãy đã lành hoàn toàn. Kỹ thuật này nay đang được nghiên cứu rộng rãi và dùng cho các bệnh nhân khác có xương gãy ngoan cố không chịu lành theo lịch trình.

Becker và các đồng sự từ lâu đã biết rằng trường sinh từ ở phía trước não là âm, và ở phía sau não, tập trung vào thân não dẫn vào hệ thần kinh trung ương, là dương. Trong các thử nghiệm sớm, Ông nhận thấy rằng bằng cách đảo cực đột ngột như vậy ở động vật thử nghiệm, chúng rơi vào trạng thái bất tỉnh. Cùng với các phản ứng khác, điều này dẫn

Along with other reactions, this led to the conclusion that by enhancing the natural bio-electrical field, the healing of open wounds and broken bones could be enormously speeded up.

Such amazing results attributed to the effects of magnetism on the human body have intrigued great minds since ancient times. As a general rule, however, medical men seem to play down the most important and interesting claims made for electromagnetic therapy.

According to a spokesman for the American Medical Association: 'Thousands of sick people could be victimized by false hopes raised by these stories of nonexistent miracle cures. It's still a very new field.'

đến kết luận rằng bằng cách tăng cường trường điện sinh học tự nhiên, sự chữa lành các vết thương hở và xương gãy có thể được gia tốc mạnh mẽ.

Những kết quả kinh ngạc như vậy, được cho là do các hiệu ứng của từ điện lên cơ thể con người, đã lôi cuốn những trí tuệ lớn từ thời cổ đại. Tuy nhiên, như một quy luật chung, giới y khoa dường như hạ thấp những tuyên bố quan trọng và thú vị nhất dành cho liệu pháp điện từ.

Theo một người phát ngôn của Hiệp hội Y khoa Hoa Kỳ: 'Hàng ngàn người bệnh có thể trở thành nạn nhân của những hy vọng ảo huyền do các câu chuyện về các phép chữa kỳ diệu vốn không hề tồn tại này thổi phồng. Đây vẫn là một lĩnh vực còn rất mới.'

Effect on Cancer Patients—Tác dụng trên Bệnh nhân Ung thư

My personal observation and experience, however, is that magnetic fields *can be extremely effective* and very beneficial. I had a ten-year case of chronic bursitis relieved by a few brief exposures to a strong magnetic field. Before he formed The Institute for Biomagnetics, New York's Dr Kenneth S. MacLean spent years exposing experimental animals to varying intensities of magnetism generated by heavy-duty electrical coils. He experimented on himself by spending hundreds of hours sleeping and working in a 3,600 gauss magnetic field.

Afterwards, MacLean cautiously began to accept cancer patients considered to be 'hopeless' by other doctors. He exposed these terminal sufferers to an average of ten magnetic treatments each. By carefully studying their microscopic cellular changes under strict laboratory control conditions, he concluded that exposure to strong magnetic fields was beneficial in virtually every case and harmful in none. His patients reacted so favourably—in some cases

Quan sát và trải nghiệm cá nhân của tôi, tuy vậy, là các trường từ *có thể cực kỳ hiệu quả* và rất có lợi. Tôi từng bị viêm bao hoạt dịch mạn tính suốt mười năm và được giảm nhẹ nhờ chỉ vài lần tiếp xúc ngắn với một trường từ mạnh. Trước khi thành lập Viện Sinh Từ học, Bác sĩ Kenneth S. MacLean ở New York đã bỏ ra nhiều năm để cho động vật thí nghiệm tiếp xúc với các cường độ từ khác nhau do các cuộn dây điện công suất lớn tạo ra. Ông đã tự làm thí nghiệm trên chính mình bằng cách dành hàng trăm giờ để ngủ và làm việc trong một trường từ 3.600 gauss.

Sau đó, MacLean thận trọng bắt đầu nhận những bệnh nhân ung thư bị các bác sĩ khác xem là "vô vọng". Ông cho các bệnh nhân giai đoạn cuối này tiếp xúc trung bình mười liệu trình từ trường mỗi người. Bằng cách cẩn thận nghiên cứu những biến đổi vi thể của tế bào dưới các điều kiện kiểm soát nghiêm ngặt trong phòng thí nghiệm, ông kết luận rằng tiếp xúc với từ trường mạnh có lợi trong hầu như mọi trường hợp và không gây hại trong trường hợp nào. Bệnh nhân của ông

becoming totally pain free (although the treatment was not a cure)—that he was encouraged to expand his electromagnetic treatments.

It was among the elderly cancer patients that MacLean first noticed a strange 'rejuvenating' effect that coincided with prolonged exposure to his artificially created magnetic fields. After ten half-hour sessions under his electromagnetic activator, the white hair of some of his patients showed a definite darkening. (Under a microscope, each 'white' hair is actually transparent—something like a glass tube.) In some unknown way, magnetism was either reactivating or restoring the melanin (pigmentation) of their hair.

'There were other signs of regained health, of course,' MacLean said. 'at first I couldn't bring myself to believe that so many of these malignancies were actually regressing.' He showed me scores of 'before and after' colour slides of microscopic tissue cultures taken from his patients. (MacLean is an M.D. whose specialties are gynaecology and cytology.) In a significant number of cases, the slides showed a definite regression of wild cellular growth after prolonged electromagnetic treatment. It was extremely unlikely that they could all be attributed to what is called 'Spontaneous regression.' This unexplainable return to normalcy is observed in a tiny percentage of (often advanced) cancer cases.

MacLean's subdued enthusiasm occasionally broke through his professional attitude. 'I can't say anything officially yet,' he said confidentially, 'but hell—let's face it—this treatment is a godsend. It's good for almost *anything*!'

Claiming too much, I figured, was just about as bad as rejecting *all* claims. I was torn between wanting to try his cure-all on a ten-year-old case of chronic bursitis of the left

đáp ứng rất thuận lợi—trong vài trường hợp hoàn toàn hết đau (dù liệu trình không phải là cách chữa khỏi)—đến mức ông được khích lệ mở rộng các liệu pháp điện từ của mình.

Chính giữa nhóm bệnh nhân ung thư cao tuổi, MacLean lần đầu nhận thấy một hiệu ứng “trẻ hóa” lạ lùng trùng khớp với việc tiếp xúc kéo dài với các từ trường do ông tạo ra. Sau mười buổi, mỗi buổi nửa giờ dưới thiết bị hoạt hóa điện từ của ông, tóc bạc của một số bệnh nhân cho thấy sự sậm màu rõ rệt. (Dưới kính hiển vi, mỗi sợi tóc “bạc” thực ra trong suốt—tựa như một ống thủy tinh.) Bằng một cách chưa biết, từ tính hoặc kích hoạt lại hoặc khôi phục melanin (sắc tố) của tóc họ.

“Dĩ nhiên còn có những dấu hiệu hồi phục sức khỏe khác,” MacLean nói. “lúc đầu tôi không thể tin nổi là nhiều khối u ác tính ấy thực sự đang thoái lui.” Ông cho tôi xem hàng loạt slide ảnh màu “trước và sau” của các nuôi cấy mô vi thể lấy từ bệnh nhân. (MacLean là bác sĩ y khoa, chuyên về phụ khoa và tế bào học.) Trong một số lượng đáng kể trường hợp, các slide cho thấy sự thoái lui rõ rệt của tăng sinh tế bào hoang dại sau điều trị điện từ kéo dài. Hết sức khó có khả năng quy tất cả vào hiện tượng gọi là “thoái lui tự phát”. Sự trở về bình thường không thể giải thích này chỉ được quan sát ở một tỷ lệ rất nhỏ các ca ung thư (thường là giai đoạn tiến xa).

Sự phấn khởi kiềm chế của MacLean đôi lúc vẫn phá vỡ vẻ chuyên nghiệp của ông. “Tôi chưa thể nói gì chính thức,” ông nói nhỏ, “nhưng—hãy thẳng thắn mà nói—liệu pháp này đúng là món quà trời ban. Nó tốt cho gần như *bất cứ thứ gì*!”

Tôi nghĩ, khẳng định quá mức cũng gần như tệ chẳng kém gì bác bỏ *mọi* khẳng định. Tôi bị giằng xé giữa mong muốn thử “thần dược” của ông cho một ca viêm bao hoạt dịch mạn

shoulder and trying to keep an impartial—if not sceptical —attitude. The cumulative reaction to several accidents and injuries was getting worse every year. It could, I thought, develop into anything from severe limitation to a painfully arthritic joint.

But after the first twenty minutes under MacLean's electromagnet, the discomfort was miraculously eased—for the first time in years. Two treatments later (except on damp, rainy days) I hardly noticed that I'd ever had any pain. Even a minor increase in electric current or the magnetic field seems to be beneficial.

tính ở vai trái đã mười năm và cố giữ một thái độ khách quan—nếu không muốn nói là hoài nghi. Phản ứng tích lũy của vài tai nạn và chấn thương ngày một xấu đi qua từng năm. Tôi nghĩ, nó có thể phát triển thành bất cứ điều gì từ hạn chế vận động nghiêm trọng đến một khớp viêm khớp đau đớn.

Nhưng sau hai mươi phút đầu tiên dưới nam châm điện của MacLean, sự khó chịu được làm dịu một cách kỳ diệu—lần đầu tiên sau nhiều năm. Sau hai liệu trình nữa (trừ những ngày ẩm ướt, mưa dầm) tôi hầu như không còn để ý là mình từng đau. Ngay cả tăng nhẹ dòng điện hoặc cường độ từ trường dường như cũng có lợi.

Chapter 16-Chapter 16

Negative Ionization—Ion hóa âm

In certain respects oxygen is also magnetic and can hold positive or negative charges. Although they probably knew nothing about negative ionization, intelligent observers have known for centuries that changes in human behaviour were somehow related to subtle alterations in the air we breathe.

Some of these changes occur in twenty-seven and one-half-day cycles. Sweden's Nobel Prize winning chemist. Svante Arrhenius proved that the ion conductivity in the atmosphere coincided with a sharp upswing of crime every twenty-seven and one-half days.

Ở một số phương diện, oxy cũng có tính từ và có thể mang điện tích dương hoặc âm. Dù có lẽ không biết gì về ion hóa âm, những nhà quan sát thông tuệ qua nhiều thế kỷ đã biết rằng những thay đổi trong hành vi con người nào đó có liên quan bằng cách nào đó với những biến chuyển tinh vi trong không khí chúng ta hít thở.

Một số thay đổi này diễn ra theo chu kỳ hai mươi bảy ngày rưỡi. Nhà hóa học người Thụy Điển đoạt giải Nobel, Svante Arrhenius đã chứng minh rằng độ dẫn ion trong khí quyển trùng khớp với một đợt gia tăng đột biến tội phạm cứ mỗi hai mươi bảy ngày rưỡi.

Uncharacteristic Crimes—Những tội phạm khác thường

The *Foehn* was once called a 'Wind of Evil' in Switzerland. This warm, dry current of air always coincides with extreme restlessness and a radical increase in the amount of violent—often downright senseless—crimes. Another wind like this blows from

Foehn từng được gọi là “Gió Ác” ở Thụy Sĩ. Dòng không khí ấm, khô này luôn trùng khớp với tình trạng bồn chồn cực độ và sự gia tăng đột ngột số vụ bạo lực—thường là vô nghĩa lý. Một luồng gió tương tự thổi từ sa mạc Libya và thường đi kèm những thay đổi

the Libyan Desert and is usually accompanied by extremely unpleasant changes in human personality and behaviour, during which crimes of violence and passion run rampant. All along the northern Mediterranean, enlightened judges recognize the connection of this *Sirocco* with changes in human behaviour. They usually impose very light sentences on people who commit uncharacteristic crimes during these periods.

Medical climatologists know that when the air is powerfully charged with positive ionization, people do not always act responsibly. The American Institute of Medical Climatology (AIMC) in Philadelphia makes practical use of the fact that *negatively* ionized air is physically and emotionally beneficial to about sixty-five per cent. of the population. The other thirty-five percent seem to experience adverse reactions, and vice versa.

Benefits of Negative Ions—Lợi ích của ion âm

During the AIMC's pioneering experiments with the effects of electrical currents and magnetic fields, Dr Igho H. Kornblueh exposed patients suffering the prolonged agony of body burns to negatively ionized air. It seemed almost miraculous that patients with third-degree burns covering ninety per cent of their bodies could obtain almost complete freedom from pain, simply by breathing negatively polarized ions. Moreover, the healing process was speeded up.

Negative ionization promotes a general feeling of wellbeing. The effect runs all the way from the relief of headaches and minor pain and fatigue to the alleviation (but, unfortunately, not the cure) of the dreadful agony of the advanced stages of cancer. Philco Corporation produced an electronic ion-producing device patterned after Dr Kornblueh's prototype, and called it the

cực kỳ khó chịu trong tính nết và hành vi con người, trong đó các tội ác bạo lực và tình cảm hoành hành. Dọc theo bờ Địa Trung Hải phía bắc, các thẩm phán sáng suốt nhận ra mối liên hệ của *Sirocco* với những biến đổi trong hành vi con người. Họ thường tuyên án rất nhẹ cho những người phạm các tội khác thường trong những thời kỳ này.

Các nhà khí hậu học y khoa biết rằng khi không khí bị tích điện dương mạnh mẽ, con người không phải lúc nào cũng hành xử có trách nhiệm. American Institute of Medical Climatology (AIMC) ở Philadelphia ứng dụng thực tiễn thực tế rằng không khí ion âm *có lợi* về thể chất và cảm xúc cho khoảng sáu mươi lăm phần trăm dân số. Ba mươi lăm phần trăm còn lại dường như trải nghiệm phản ứng bất lợi, và ngược lại.

Trong các thử nghiệm tiên phong của AIMC về tác dụng của dòng điện và từ trường, Bác sĩ Igho H. Kornblueh cho các bệnh nhân đang chịu đựng cơn thống khổ kéo dài vì bỏng cơ thể hít thở không khí ion âm. Gần như kỳ diệu là những bệnh nhân bị bỏng độ ba bao phủ chín mươi phần trăm cơ thể có thể gần như hoàn toàn thoát khỏi đau đớn chỉ bằng cách hít thở các ion phân cực âm. Hơn nữa, quá trình lành thương được tăng tốc.

Ion hóa âm thúc đẩy cảm giác an khang nói chung. Tác dụng trải dài từ việc giảm đau đầu, đau nhẹ và mệt mỏi cho đến việc làm dịu (nhưng, tiếc thay, không chữa khỏi) nỗi thống khổ kinh khủng ở các giai đoạn tiến xa của ung thư. Tập đoàn Philco đã sản xuất một thiết bị điện tử tạo ion dựa theo nguyên mẫu của Bác sĩ Kornblueh và đặt tên là

'Ionotron 8000.'

Now negative ionization is being used to strengthen tooth enamel, to resist cavities and dental decay. The American Chemway Corporation has American and European patents for its 'iontophoresis' toothbrush. It was once believed by dental experts that fluoride enters the system when sound teeth absorb fluoride ions. A new theory is that the enamel wall is *negatively* charged and therefore acts as an 'ionic sieve'. It is believed to resist the penetrating of negative ions and to facilitate the passage of positively charged ions. If so, the negatively charged fluoride ions *never* succeed in getting through the tooth enamel, and thus cannot adequately protect teeth.

Chemway's brush introduces ions of soluble salts into the body's tissues with an electric current. Their device looks like an ordinary toothbrush with two contacts of different metals. One is fixed on the neck of the toothbrush near the handle, so that it touches the lips when the teeth are being brushed. The other contact is buried under the bristles. Toothpaste with fluoride salt forms an electrolyte, and an electric current of about two volts or less is generated, which allows the fluoride ions to be absorbed.

At New York's Upstate Medical Centre, research orthopaedic surgeon Robert O. Becker (who also happens to be associate chief of staff for research at the Syracuse Veterans Administration Hospital) established long ago that the biomagnetic and electrical fields of patients suffering from wounds and broken bones jumps sharply from negative (normal) to positive (traumatic). As healing progresses, however, the biomagnetic field slowly returns to its normal negative state. More than ten years ago, Dr Becker and his colleagues were already increasing the speed of healing among test animals with the use of negative

"Ionotron 8000."

Hiện nay ion hóa âm đang được dùng để gia cố men răng, chống sâu và hư răng. Công ty Chemway của Mỹ có bằng sáng chế tại Hoa Kỳ và châu Âu cho "bàn chải đánh răng điện chuyển ion" của họ. Từng có thời các chuyên gia nha khoa tin rằng fluor đi vào cơ thể khi răng lành hấp thu ion fluor. Một lý thuyết mới cho rằng vách men răng mang điện tích *âm* và vì thế hoạt động như một "màng lọc ion". Người ta tin rằng nó cản trở sự thẩm nhập của ion âm và tạo điều kiện cho ion dương đi qua. Nếu vậy, các ion fluor mang điện âm *không bao giờ* xuyên qua được men răng, và do đó không thể bảo vệ răng một cách thích đáng.

Bàn chải của Chemway đưa các ion muối tan vào mô cơ thể bằng một dòng điện. Thiết bị của họ có hình dáng như một bàn chải đánh răng thông thường với hai tiếp điểm kim loại khác nhau. Một cái gắn ở cổ bàn chải gần tay cầm, để khi đánh răng nó chạm vào môi. Tiếp điểm còn lại nằm dưới lông bàn chải. Kem đánh răng có muối fluor tạo thành chất điện giải, và một dòng điện khoảng hai vôn hoặc ít hơn được sinh ra, cho phép ion fluor được hấp thu.

Tại Trung tâm Y khoa Upstate của New York, bác sĩ phẫu thuật chỉnh hình nghiên cứu Robert O. Becker (đồng thời là phó giám đốc phụ trách nghiên cứu tại Bệnh viện Cựu chiến binh Syracuse) đã xác lập từ lâu rằng trường từ sinh học và điện của các bệnh nhân bị vết thương và gãy xương nhảy vọt mạnh từ trạng thái âm (bình thường) sang dương (chấn thương). Tuy nhiên, khi quá trình lành thương tiến triển, trường từ sinh học dần dần trở về trạng thái âm bình thường. Hơn mười năm trước, Bác sĩ Becker và các cộng sự đã tăng tốc độ lành thương ở động vật thí nghiệm bằng kích thích điện âm.

electrical stimulation.

Regenerating Amputated Limbs—Tái sinh các chi bị cắt cụt

Becker has advanced further and faster than anyone in his field. Because of his remarkable laboratory successes, he is convinced that the application of small amounts of negative electric current to the stumps of traumatized limbs will soon enable doctors to regenerate the arms, legs, hands and feet of human amputees!

He was puzzled by the fact that higher animals lack the ability of, say, a lizard to grow a tail or a worm to regenerate the entire lower half of its body. Other creatures such as the hydra (a freshwater polyp) have long puzzled scientists by their strange ability to regrow amputated extremities.

Without resorting to long-range genetic engineering, Becker has regenerated the limbs of animals as high on the evolutionary scale as the rat. In his early experiments on opossums and frogs, he achieved partial success in regrowing amputated limbs with slightly charged negative electric current.

During fifteen years of dogged, determined work, he tried to prove that the reason man and other higher mammals cannot regenerate lost or damaged limbs is we have lost the ability to generate sufficient biomagnetic power to stimulate new limb 'buds.'

A decade ago, hardly anyone dreamed that small amounts of electrical current applied to an amputated arm or leg would stimulate the cells to grow new tissue and limb muscle, nerve and bone! Partial regeneration of amputated limbs seems awfully exotic yet it's been done many times. Transplanting nerve tissue onto the amputated limb or even injuring the tissue at the site of the amputation seems to increase the flow of electrical current which promotes regrowth.

Becker đã tiến xa và nhanh hơn bất kỳ ai trong lĩnh vực của mình. Nhờ những thành công phòng thí nghiệm đáng chú ý, ông tin chắc rằng việc áp một lượng nhỏ dòng điện âm vào các đoạn chi bị chấn thương sẽ sớm cho phép các bác sĩ tái sinh tay, chân, bàn tay và bàn chân cho người bị cắt cụt chi!

Ông bối rối trước thực tế là các loài động vật bậc cao lại thiếu khả năng, ví như thằn lằn mọc lại đuôi hoặc giun tái tạo toàn bộ nửa thân dưới. Những sinh vật khác như hydra (một loại thủy tức nước ngọt) từ lâu đã làm các nhà khoa học bối rối bởi khả năng mọc lại các phần bị cắt cụt.

Không cần viện đến công nghệ di truyền đường dài, Becker đã tái sinh chi cho những loài động vật cao đến mức chuột trong thang tiến hóa. Trong các thí nghiệm ban đầu trên thú có túi và ếch, ông đạt được thành công một phần trong việc mọc lại các chi bị cắt cụt bằng dòng điện âm nhẹ.

Suốt mười lăm năm làm việc kiên trì và quyết tâm, ông cố chứng minh rằng lý do con người và các loài thú cao cấp khác không thể tái sinh chi bị mất hoặc tổn thương là vì chúng ta đã đánh mất khả năng tạo đủ năng lượng từ sinh học để kích thích các "chồi" chi mới.

Một thập kỷ trước, hầu như chẳng ai mơ rằng một lượng nhỏ dòng điện áp vào cánh tay hay chân bị cắt cụt sẽ kích thích các tế bào mọc mô mới và cơ, thần kinh, xương của chi! Việc tái sinh một phần các chi bị cắt cụt có vẻ rất kỳ lạ, nhưng nó đã được thực hiện nhiều lần. Cấy ghép mô thần kinh lên đoạn chi bị cắt cụt hoặc thậm chí gây tổn thương mô tại vị trí cắt cụt dường như làm tăng dòng điện thúc đẩy sự mọc trở lại.

Exactly how *do* cells and tissues re-group themselves at the stump of an amputated limb? Becker thinks that the application of electrical current 'may cause cells to revert to a primitive, undifferentiated (unspecialized) state, rather like the cells of an embryo. In some not-yet-understood manner, the undifferentiated cells become specialized once more and begin building new cells of their own type such as bone, muscle, skin, and nerve.'

But where do the mysterious 'instructions' for resuming growth and specialization come from? 'They might be provided by the central nervous system,' Becker suggests, 'or by the local cells. Even hormones might help in the specialization and regeneration process. Although we're working toward the total regeneration of amputated human limbs, it could be a long time coming.'

Right now, he's more concerned with better understanding how cells and tissues repair themselves, and in new ways to stimulate them. 'This way,' he said, 'we'll be on much firmer ground when we go all-out for total regeneration. We're trying to induce certain kinds of tissue to grow just a little more instead of scarring.'

'For example, we might regrow the myocardium (part of the heart wall) of damaged hearts. In some respects this is like cloning whole organs. Let's say we suspect an individual might eventually suffer from a disease or malfunctioning heart—or other organ. By taking a tissue culture and stimulating redifferentiation with a magnetic field or electric current, we could regrow a new, healthy organ and keep it in reserve for the time when a transplant might become necessary. Such a procedure would eliminate the problem of rejection because the original heart actually belongs to the patient himself.'

'We could also remove severely damaged hip

Chính xác các tế bào và mô *thực sự* tái sắp xếp ra sao ở đầu mút của một chi bị cắt cụt? Becker cho rằng việc áp dòng điện “có thể khiến các tế bào quay về trạng thái nguyên thủy, chưa biệt hóa (không chuyên hóa), hơi giống các tế bào phôi. Bằng một cách nào đó chưa được hiểu, các tế bào chưa biệt hóa lại chuyên hóa một lần nữa và bắt đầu xây dựng các tế bào thuộc loại của chính chúng như xương, cơ, da và thần kinh.”

Nhưng “chỉ thị” bí ẩn để tiếp tục sinh trưởng và chuyên hóa ấy đến từ đâu? “Chúng có thể được cung cấp bởi hệ thần kinh trung ương,” Becker gợi ý, “hoặc bởi các tế bào tại chỗ. Ngay cả hormone cũng có thể góp phần trong tiến trình chuyên hóa và tái sinh. Dù chúng tôi đang hướng đến tái sinh trọn vẹn các chi người bị cắt cụt, điều đó có thể còn rất lâu.”

Ngay lúc này, ông quan tâm hơn đến việc hiểu sâu hơn cách các tế bào và mô tự sửa chữa, và các phương thức mới để kích thích chúng. “Bằng cách này,” ông nói, “chúng ta sẽ đứng trên nền tảng vững chắc hơn khi dốc toàn lực cho tái sinh toàn phần. Chúng tôi đang cố gắng kích thích một số loại mô mọc thêm đôi chút thay vì hình thành sẹo.

“Chẳng hạn, chúng ta có thể mọc lại cơ tim (một phần của thành tim) ở những trái tim bị tổn thương. Ở vài phương diện, điều này giống như nhân bản toàn bộ cơ quan. Chúng ta hãy nói rằng chúng ta nghi ngờ một cá nhân về sau có thể mắc bệnh tim hoặc rối loạn hoạt động tim—hay một cơ quan khác. Bằng cách lấy nuôi cấy mô và kích thích tái chuyên hóa bằng từ trường hay dòng điện, chúng ta có thể mọc lại một cơ quan mới, khỏe mạnh và giữ nó dự phòng cho lúc cần ghép. Quy trình như vậy sẽ loại bỏ vấn đề đào thải vì cơ quan gốc thực sự thuộc về chính bệnh nhân.

“Chúng ta cũng có thể lấy các khớp háng bị

joints from patients, regenerate the damaged joint tissue and then reimplant the joint. I'm trying this procedure on dogs now.'

As far back as 1960, Becker applied magnetic fields and electric currents to the human central nervous system and learned that changes in bodily and emotional rhythms could be reinforced—even changed. He also discovered that the organized (direct current) activity of the brain governed human behaviour patterns.

Despite his outstanding success, some of his concepts are - at least by currently accepted standards - awesome! The slender, genial scientist is considered by those who know him as a natural candidate for a Nobel Prize, yet he is roundly criticized because the evidence he has accumulated suggests that electromagnetic and cosmic forces influence biological and mental rhythms. This is widely criticized as being a scientific basis for astrology. Becker, however, couldn't care less about where the facts lead, as long as they're true. He proved that the biomagnetic charge (an integral part of the system) could be influenced with external force fields (magnetic and electrostatic) as well as by changing the magnetic polarization of the air we breathe.

hư hại nặng ra khỏi bệnh nhân, tái sinh mô khớp bị tổn thương rồi cấy ghép lại khớp. Tôi đang thử quy trình này trên chó."

Từ tận năm 1960, Becker đã áp dụng từ trường và dòng điện lên hệ thần kinh trung ương của người và nhận thấy các nhịp điệu cơ thể và cảm xúc có thể được củng cố—thậm chí thay đổi. Ông cũng phát hiện hoạt động có tổ chức (dòng điện một chiều) của bộ não chi phối các mô thức hành vi của con người.

Bất chấp những thành công xuất sắc, một số khái niệm của ông—ít nhất theo các chuẩn mực hiện nay—thật đáng nể! Nhà khoa học mảnh mai, cởi mở này được những người quen biết xem là ứng viên tự nhiên cho giải Nobel, thế nhưng ông bị chỉ trích nặng nề vì những bằng chứng ông tích lũy gợi ý rằng các lực điện từ và vũ trụ ảnh hưởng đến các nhịp điệu sinh học và tinh thần. Điều này bị phê phán rộng rãi như là đặt cơ sở khoa học cho chiêm tinh học. Tuy nhiên, Becker không hề bận tâm chuyện sự thật dẫn đến đâu, miễn là chúng đúng. Ông đã chứng minh điện tích từ sinh học (một phần không thể tách rời của hệ) có thể bị ảnh hưởng bởi các trường lực bên ngoài (từ và tĩnh điện) cũng như bằng cách thay đổi phân cực từ của không khí chúng ta hít thở.

Air Ionization and ESP—Ion hóa không khí và tri giác ngoại cảm

Even Russian parapsychologists report that air ionization strongly affects human ESP abilities. People can't concentrate and often lose their psychic abilities during thunderstorms—when the local geomagnetic field fluctuates. This fact prompted Dr Leonid L. Vasiliev, a physiologist and winner of the Lenin prize for his work on the effects of ionization on humans, to introduce moderately strong magnetic fields during ESP experiments. 'We surround both the sender and receiver with artificial magnetic fields both before and during ESP tests,' he said. 'It gives them extra

Ngay cả các nhà tâm linh học Nga cũng báo cáo rằng ion hóa không khí tác động mạnh lên năng lực tri giác ngoại cảm của con người. Con người không thể tập trung và thường mất năng lực ngoại cảm trong các cơn giông bão—khi địa từ trường địa phương dao động. Thực tế này đã thúc đẩy Bác sĩ Leonid L. Vasiliev, một nhà sinh lý học, người đoạt giải Lenin cho công trình về tác dụng của ion hóa lên con người, đưa các từ trường nhân tạo vừa phải vào trong những thí nghiệm ngoại cảm. "Chúng tôi bao phủ cả người phát lẫn người nhận bằng các từ trường nhân tạo trước và trong các bài kiểm

energy. The fields don't have to be strong. Weak fields work just as well.'

The same geomagnetic parameters were used by Dr Becker and his associates in 1964 to correlate the rise of admissions to psychiatric hospitals with magnetic storms, cosmic ray activity, and the earth's electrical current. The human organism *must* have regular levels of temperature and oxygen in order to survive and prosper, and there are also certain electromagnetic parameters beyond which organic life cannot adapt, survive, or function, optimally.

The American and Russian findings agree that man's central nervous system, brain, and mind depend on electrostatic charges for the organism's overall health and well-being. Serious consequences can result from insufficient negatively charged ions in the atmosphere.

Negative Electrical Differential—Chênh lệch điện âm

The human brain is essentially an electromagnetic and chemical device. Small electrical impulses applied to damaged brain areas will stimulate the nerves to activate muscles and also boost the healing process. Strong electric fields are generated when you splash water in a wash basin or take a shower. The positive charge runs down the drain, but the negative one stays in the atmosphere. This negatively ionized air probably accounts for more than seventy per cent of the after-shower 'lift' you experience. The same negative electrical differential makes trees and plants grow and thrive. Reverse its negative polarity and you can quickly kill a very large tree.

The reason city dwellers feel so refreshed and exhilarated after an outdoor holiday or vacation is largely because of the geomagnetic field. In large urban areas the earth's electromagnetic field is effectively

tra ngoại cảm," ông nói. "Nó cho họ thêm năng lượng. Trường không cần mạnh. Trường yếu cũng hiệu quả như nhau."

Chính các tham số địa từ tương tự đã được Bác sĩ Becker và các cộng sự sử dụng vào năm 1964 để liên hệ sự gia tăng nhập viện tâm thần với bão từ, hoạt động tia vũ trụ và dòng điện của Trái Đất. Cơ thể con người *phải* có mức độ nhiệt độ và oxy đều đặn để tồn tại và phát triển, và cũng có những tham số điện từ nhất định mà vượt ra ngoài đó thì sự sống hữu cơ không thể thích nghi, tồn tại hay vận hành tối ưu được.

Các phát hiện của Mỹ và Nga đồng thuận rằng hệ thần kinh trung ương, bộ não và thể trí của con người phụ thuộc vào các điện tích tĩnh điện cho sức khỏe và hạnh phúc tổng thể của cơ thể. Hậu quả nghiêm trọng có thể xảy ra khi trong khí quyển thiếu hụt ion mang điện âm.

Bộ não con người về cơ bản là một thiết bị điện từ và hóa học. Những xung điện nhỏ áp vào các vùng não bị tổn thương sẽ kích thích thần kinh hoạt hóa cơ bắp và cũng thúc đẩy quá trình lành thương. Các điện trường mạnh được tạo ra khi bạn vốc nước trong chậu rửa hay tắm vòi sen. Điện tích dương theo dòng nước xuống cống, còn điện tích âm lưu lại trong không khí. Không khí ion âm này có lẽ giải thích hơn bảy mươi phần trăm cảm giác "tươi tỉnh sau khi tắm" mà bạn trải nghiệm. Sự chênh lệch điện âm tương tự làm cây cối và thực vật phát triển xanh tốt. Đảo ngược phân cực âm ấy và bạn có thể nhanh chóng giết một cái cây rất lớn.

Lý do dân cư thành thị cảm thấy sảng khoái và phấn chấn sau kỳ nghỉ ngoài trời phần lớn là do địa từ trường. Ở các đô thị lớn, từ trường của Trái Đất bị ngăn chặn hiệu quả bởi hàng mẫu xi măng, các tòa nhà văn phòng và

barred by acres of cement, large office buildings and apartments. The structures of modern civilization (including automobiles, trucks, aircraft, and ships) form 'Faraday cages' (i.e. grounded metal boxes that neutralize the field). You feel tired and worn-out because your body *needs* a regular flow of electromagnetic energy.

Dr Crisjo Cristofv, father of the 'Cristofv effect,' invented an anti-fatigue device, a metal-enclosed can about the size of an orange, in which a solid-state device is connected to a battery. This is suspended from the ceiling on a slim probe and generates an BOO-volt per metre field.

L. F. Tangemann, in the magazine *Product Engineering*, wrote: 'Tests of pilots in high-flying reconnaissance planes, and of truck drivers on the St. Louis-Milwaukee haul showed greater alertness and less tiredness when bathed in a negative magnetic field.'

According to Cristofv, the 11-hour truck run was cut to eight hours, and the drivers felt less tired and more able to sleep restfully afterward. Tests in factories and office buildings showed similar results.

'Metal isn't the only offender,' according to Cristofv. Plastics also have an inherently high positive charge (as high as 50,000 volts per metre!), which degrades human performance and results in lowered resistance to illness and disease. He exposed cats to a positive field of this intensity; within three weeks their appetites dwindled to practically nothing, their sex drive evaporated, they became listless or sick, and even ran in terror from mice.

It was once believed that an increase in the dosage of cosmic radiation during times when the geomagnetic field was weakened was the cause of the inexplicable, wholesale and sudden extinction of entire species during the earth's prehistoric past. New

chung cư khổng lồ. Các cấu trúc của nền văn minh hiện đại (bao gồm ô tô, xe tải, máy bay và tàu thuyền) tạo thành "lồng Faraday" (tức các hộp kim loại nối đất làm trung hòa trường). Bạn thấy mệt mỏi và kiệt sức vì cơ thể *cần* một dòng chảy đều đặn của năng lượng điện từ.

Bác sĩ Crisjo Cristofv, cha đẻ của "hiệu ứng Cristofv," đã phát minh một thiết bị chống mệt mỏi, là một hộp kim loại cỡ quả cam, bên trong có một thiết bị thể rắn nối với pin. Thiết bị này treo từ trần nhà trên một que mảnh và tạo ra một trường 800 vôn trên mét.

L. F. Tangemann, trên tạp chí *Product Engineering*, viết: "Các thử nghiệm trên phi công máy bay trinh sát bay cao và tài xế xe tải trên tuyến St. Louis-Milwaukee cho thấy họ tỉnh táo hơn và ít mệt hơn khi được tắm mình trong một trường từ âm."

Theo Cristofv, hành trình xe tải 11 giờ được rút xuống còn tám giờ, và tài xế ít mệt hơn, ngủ ngon hơn sau đó. Các thử nghiệm trong nhà máy và tòa nhà văn phòng cũng cho kết quả tương tự.

"Kim loại không phải là thủ phạm duy nhất," theo Cristofv. Nhựa cũng mang điện tích dương vốn có rất cao (lên đến 50.000 vôn trên mét!), làm suy giảm hiệu suất của con người và dẫn đến sức đề kháng với bệnh tật suy yếu. Ông cho mèo tiếp xúc với một trường dương cường độ này; trong vòng ba tuần, chúng hầu như mất cảm giác thèm ăn, dục tính biến mất, trở nên uể oải hoặc ốm yếu, thậm chí chạy trốn chuột trong hoảng loạn.

Từng có thời người ta cho rằng liều bức xạ vũ trụ gia tăng trong những giai đoạn địa từ trường suy yếu là nguyên nhân gây ra sự tuyệt diệt khó hiểu, hàng loạt và đột ngột của cả loài sinh vật trong tiền sử Trái Đất. Tuy nhiên, bằng chứng mới lại chỉ ra tác động có

evidence, however, points to the *direct* harmful effect of reduced magnetism on those creatures.

hại trực tiếp của từ tính suy giảm lên những sinh vật đó.

Zero Magnetism—Từ trường bằng không

Whole continents were once plunged into conditions of zero magnetism. According to Dr Robert J. Uffen of the University of Western Ontario: 'There's clearly a causal relationship between geomagnetic reversals and the massive, sudden extinctions of whole species—many of them between 500 million and 250 million years ago.'

Toàn bộ lục địa từng bị nhấn chìm trong điều kiện từ trường bằng không. Theo Bác sĩ Robert J. Uffen của Đại học Western Ontario: “Rõ ràng có một mối quan hệ nhân quả giữa đảo cực địa từ và những vụ tuyệt diệt hàng loạt, đột ngột của cả loài—nhiều vụ trong khoảng từ 500 triệu đến 250 triệu năm trước.”

No living thing on this planet from microbes to whales - is immune to the beneficial or detrimental effects of magnetism. Evidence is increasing that any organism deprived of the earth's magnetic field for a prolonged period will eventually suffer from numerous 'mysterious' illnesses, ultimately resulting in crippling or death.

Không sinh vật nào trên hành tinh này—from vi khuẩn đến cá voi—miễn nhiễm với tác động lợi hay hại của từ tính. Ngày càng có nhiều bằng chứng rằng bất kỳ sinh thể nào bị tước đi từ trường của Trái Đất trong một thời gian dài rồi cuối cùng sẽ mắc nhiều chứng bệnh “bí ẩn,” cuối cùng dẫn đến tàn phế hoặc tử vong.

During comparatively recent periods of geological history there were numerous reversals of the magnetic *and* geographic poles. When this happens, the intensity of the geomagnetic field drops all the way to zero, then, after a long interval, builds up to normal intensity. Studies revealed that it coincided with the massive extinction of everything from microbes to giant lizards at the end of the Ordovician period (425 million years ago), the Devonian (345 million years), Triassic (180 million), and Cretaceous periods (65 million years ago).

Trong những thời kỳ địa chất tương đối gần đây đã có nhiều lần đảo cực của cả từ cực và cực địa lý. Khi đó, cường độ địa từ trường giảm xuống đến bằng không, rồi sau một thời gian dài mới phục hồi đến cường độ bình thường. Các nghiên cứu cho thấy điều này trùng khớp với các vụ tuyệt diệt hàng loạt từ vi sinh vật đến thằn lằn khổng lồ vào cuối kỷ Ordovic (425 triệu năm trước), kỷ Devon (345 triệu năm), kỷ Trias (180 triệu), và kỷ Phấn Trắng (65 triệu năm trước).

In one study made by James D. Hays of Columbia University's Lamont-Doherty Geological Observatory, it was discovered that eight species of radiolaria (microscopic marine animals) became extinct immediately after each massive magnetic reversal.

Trong một nghiên cứu do James D. Hays của Đài quan sát Địa chất Lamont-Doherty, Đại học Columbia, thực hiện, người ta phát hiện tám loài radiolaria (động vật biển hiển vi) tuyệt chủng ngay sau mỗi lần đảo cực mạnh.

During the reversal, when magnetic intensity is near zero, cosmic radiation

Trong thời kỳ đảo cực, khi cường độ từ gần bằng không, bức xạ vũ trụ vốn được địa từ

normally screened out by the earth's magnetic field bathes the surface of the planet. Early in the studies of the geomagnetic field, these radiations were believed to have produced mutations at a far greater speed and on a much wider scale than usual. 'Many species perished,' according to Dr William Ryan of the Lamont Doherty Laboratory, 'simply because they were unable to adapt.'

The trouble with this theory, according to Dr C.J. Waddington of the University of Minnesota, is that the increase in cosmic radiation as a result of the removal of the magnetic field's shielding effect was entirely too small to have killed off any living creatures, even at sea level.

'The atmosphere between the equator and polar regions is so thick,' he says, 'that it would screen out any adverse cosmic radiation dosage.' Ironically, the magnetic field is shaped in such a way that the polar regions are not shielded from radiation—even when the field's intensity is at its *maximum*! Since some of the extinction happened in Antarctica, none of the magnetic reversals could have produced a noticeable increase in radiation dosage.

The most convincing evidence of all for the killing effect of low magnetism—as opposed to increased cosmic radiation—was presented by Ian K. Crain of Australia's National University. 'This cosmic radiation theory,' he said, 'fails to explain how marine life, which is completely shielded from cosmic radiation by the density of the ocean's water, can be affected by increases of radiation in the atmosphere.'

In spite of the all-but-conclusive proof of *direct* extinction through loss of magnetism, there are hundreds of strange and exotic explanations for the mass extinction of ancient animals. One of these is: 'magnetic reversals cause *climatic change* which has a

trường chắn lại sẽ tẩm lên bề mặt hành tinh. Ở những nghiên cứu ban đầu về địa từ trường, người ta cho rằng các bức xạ này đã tạo ra đột biến với tốc độ nhanh hơn nhiều và trên quy mô rộng hơn thường lệ. "Nhiều loài đã diệt vong," theo Bác sĩ William Ryan của Phòng thí nghiệm Lamont-Doherty, "đơn giản vì chúng không thể thích nghi."

Vấn đề của lý thuyết này, theo Bác sĩ C. J. Waddington của Đại học Minnesota, là mức tăng bức xạ vũ trụ do loại bỏ hiệu ứng che chắn của từ trường là quá nhỏ để có thể giết chết sinh vật nào, ngay cả ở mực nước biển.

"Lớp khí quyển giữa xích đạo và vùng cực dày đến mức," ông nói, "nó sẽ chắn được bất cứ liều bức xạ vũ trụ bất lợi nào." Trớ trêu thay, từ trường có hình dạng theo cách mà các vùng cực không được che chắn khỏi bức xạ—*ngay cả khi cường độ trường đạt mức tối đa!* Vì một phần tuyệt diệt xảy ra ở Nam Cực, nên không lần đảo cực nào có thể tạo ra sự gia tăng đáng kể về liều bức xạ.

Bằng chứng thuyết phục nhất về tác dụng sát hại của từ lực thấp—trái với bức xạ vũ trụ tăng—được Ian K. Crain của Đại học Quốc gia Australia đưa ra. "Lý thuyết bức xạ vũ trụ này," ông nói, "không giải thích được cách mà sinh vật biển, vốn được nước biển che chắn hoàn toàn khỏi bức xạ vũ trụ nhờ mật độ của nó, lại có thể bị ảnh hưởng bởi sự tăng bức xạ trong khí quyển."

Bất chấp chứng cứ gần như mang tính kết luận về tuyệt diệt *trực tiếp* do mất từ tính, có hàng trăm lời giải thích kỳ lạ cho sự tuyệt diệt hàng loạt của động vật cổ xưa. Một trong số đó là: "đảo cực từ gây *biến đổi khí hậu* có ảnh hưởng tiêu cực tới tiến hóa bình

negative influence on normal evolution.'

Three Lamont-Doherty scientists matched changes in magnetic intensity with changes of climate that had occurred during a million-year period, and concluded that '*a cause and effect relationship exists between changes in the Earth's magnetic field and the climate.*'

Conflicting Theories—Các lý thuyết mâu thuẫn

According to William B.F. Ryan, 'The higher the magnetic intensity, the colder the climate. Magnetism *could* change the climate by providing a shield against certain types of solar radiation.' (Dr Ryan used crustaceans, fish, and other marine life as his example.)

'Not so,' retorted Australia's Ian Crain in a recent issue of the *Geological Society of America Bulletin*. 'There's an enormous lag in thermal changes of the oceans. It could take centuries for a severe drop in atmospheric temperature to affect the ocean's temperature by even a few degrees! This gives marine life excellent protection from sudden changes in climate.'

'There's a much simpler explanation for the correlation between magnetic reversals and mass extinctions of living things. *These are caused DIRECTLY by the deadly effect of drastically reduced magnetism during each reversal!* (Magnetic reversals can take anywhere from 10 years to several centuries.) Every study made on organisms living in magnetic fields of intensity *below* that of the earth are extremely consistent. Everyone of them shows enormous behavioural and physical abnormalities which are typical of life in a reduced magnetic field.'

Is it conceivable that the long-range effect of decreased—or even zero—magnetism on our astronauts could be as deadly? According to

thường."

Ba nhà khoa học Lamont–Doherty đã ghép nối những thay đổi về cường độ từ với những biến đổi khí hậu xảy ra trong một triệu năm và kết luận rằng "*tồn tại mối quan hệ nhân-quả giữa những biến đổi trong từ trường Trái Đất và khí hậu*".

Theo William B. F. Ryan, "Cường độ từ càng cao, khí hậu càng lạnh. Từ tính *có thể* thay đổi khí hậu bằng cách tạo một lá chắn chống lại một số loại bức xạ mặt trời." (Bác sĩ Ryan lấy giáp xác, cá và các sinh vật biển khác làm ví dụ.)

"Không phải vậy," Ian Crain của Australia phản bác trong một số gần đây của *Geological Society of America Bulletin*. "Độ trễ nhiệt của đại dương là rất lớn. Có thể mất hàng thế kỷ để sự sụt giảm nghiêm trọng nhiệt độ khí quyển tác động đến nhiệt độ đại dương dù chỉ vài độ! Điều này cho sinh vật biển một sự bảo vệ tuyệt vời khỏi những biến đổi khí hậu đột ngột."

"Có một lời giải thích đơn giản hơn nhiều cho mối tương quan giữa đảo cực từ và tuyệt diệt hàng loạt sinh vật. *Chúng bị gây ra TRỰC TIẾP bởi tác dụng chí tử của từ lực giảm mạnh trong mỗi lần đảo cực!* (Đảo cực từ có thể kéo dài từ 10 năm đến vài thế kỷ.) Mọi nghiên cứu trên sinh vật sống trong từ trường có cường độ *dưới* của Trái Đất đều vô cùng nhất quán. Tất cả đều cho thấy các bất thường hành vi và thể chất to lớn, vốn là điển hình của sự sống trong từ trường giảm."

Có thể hình dung được không rằng tác động dài hạn của từ lực suy giảm—thậm chí bằng không—đối với các phi hành gia của chúng

Dr Crain, who has all the available evidence to back him, the answer is an emphatic 'yes.' Colonies of bacteria kept in a low magnetic field for only 72 hours suffered a drastic reduction in their reproductive capacity. Fifteen times less than normal, in fact.

In tests of reduced magnetism on molluscs, protozoans, and flatworms, scientists observed that their ability to move around or to reproduce was markedly decreased. Birds under the same conditions became disoriented: their motor activity was badly altered and their egg-laying capacity drastically reduced. Among mice and rats, a decreased magnetic field adversely altered their enzyme activity. The longer each organism was deprived of magnetism, the less fertile it became, the more shrivelled its tissues and *the shorter its life span!*

'All things considered,' says Dr Crain, 'the long-term effects of low magnetic fields must be considered absolutely lethal to *any* organism.'

Aside from their inner-ear trouble and other physical complaints, the astronauts who have been to the moon and back could form the nucleus for a whole new science. How many of these men, for example, will have fathered children since their return from the moon? Dr Charles A. Berry, chief flight surgeon for NASA's astronauts, bitterly complained that the top brass at the Manned Spacecraft Centre in Houston silenced him 'when it came to talking about the rather serious medical problems encountered by the Apollo 15 crew.'

ta có thể chí tử như thế? Theo Bác sĩ Crain, người có trong tay mọi bằng chứng sẵn có để hậu thuẫn, câu trả lời là một “có” dứt khoát. Các quần thể vi khuẩn giữ trong từ trường thấp chỉ 72 giờ đã chịu suy giảm nghiêm trọng khả năng sinh sản—chỉ còn bằng một phần mười bình thường.

Trong các thử nghiệm từ lực giảm trên thân mềm, động vật nguyên sinh và sán dẹt, các nhà khoa học quan sát thấy khả năng di chuyển hoặc sinh sản của chúng giảm rõ rệt. Chim trong cùng điều kiện trở nên mất phương hướng: hoạt động vận động bị thay đổi tồi tệ và khả năng đẻ trứng sụt giảm mạnh. Ở chuột và chuột cống, từ trường giảm đã làm thay đổi bất lợi hoạt tính enzyme của chúng. Càng bị tước từ lực lâu, mỗi sinh vật càng kém mắn đẻ, mô teo tóp hơn và vòng đời ngắn lại!

“Tổng hòa mọi thứ,” Bác sĩ Crain nói, “tác động dài hạn của từ trường thấp phải được xem là tuyệt đối chí tử đối với *bất kỳ* sinh thể nào.”

Ngoài chứng rối loạn nội nhĩ và những phản nản thể chất khác, các phi hành gia từng lên Mặt Trăng trở về có thể tạo thành hạt nhân cho cả một ngành khoa học mới. Chẳng hạn, bao nhiêu người trong số họ đã làm cha sau khi từ Mặt Trăng trở về? Bác sĩ Charles A. Berry, bác sĩ trưởng bay của đội phi hành gia NASA, từng cay đắng phản nản rằng ban lãnh đạo cấp cao tại Trung tâm Tàu vũ trụ có người lái ở Houston đã buộc ông im lặng “khi nói đến các vấn đề y khoa khá nghiêm trọng mà tổ bay Apollo 15 gặp phải.”

It would seem incredible if NASA scientists have not fully developed and exploited Dr Cristofv's anti-fatigue magnetic field generator. According to official information, however, none of the command modules in any of the Apollo flights have used a supportive magnetic field.

As important as this is, even greater questions are posed by possibilities such as another geomagnetic reversal in the near future. Could the human race be wiped out like the dinosaurs by a wild fluctuation in the interplanetary and terrestrial field?

Horrifying enough, with a geomagnetic reversal the curtain might descend on the history of *homo sapiens* on this planet. If such a catastrophe did take place, it would be a subtle, almost unnoticed process. Without warning, all arts, scientific knowledge, engineering achievements, and the entire span of human civilization would come to an end.

Symptoms of Catastrophe—Những triệu chứng của thảm họa

The first symptoms of the catastrophe would be a gradual decrease in travel and a growing disinterest by the general population in normal activities. Next, the almost incalculable effects of changes in the human enzymal system would affect the appetites and sexual activities of increasing millions of people. Wars would grind to a halt, diplomacy would shrivel and disappear, the food supply would dwindle as the result of changes in commerce and human industry brought on by human ennui. The animal population of the land and seas would be decimated by a radical drop in reproductive and other abilities. There simply wouldn't be enough food because plants would die off without the magnetic field.

Entire forests would wither away from prolonged deprivation of the magnetic field.

Thật khó tin nếu các nhà khoa học NASA chưa phát triển và khai thác đầy đủ máy phát trường từ chống mệt mỏi của Bác sĩ Cristofv. Tuy nhiên, theo thông tin chính thức, không mô-đun chỉ huy nào trong các chuyến bay Apollo sử dụng một trường từ hỗ trợ.

Quan trọng như vậy, nhưng những câu hỏi còn lớn hơn lại được đặt ra bởi những khả thể như một lần đảo cực địa từ nữa trong tương lai gần. Liệu loài người có thể bị quét sạch như khủng long bởi một dao động dữ dội của trường liên hành tinh và trường Trái Đất?

Đủ kinh hoàng thay, với một lần đảo cực địa từ, tấm màn có thể khép lại lịch sử của *homo sapiens* trên hành tinh này. Nếu một thảm họa như vậy xảy ra, nó sẽ là một tiến trình tinh vi, hầu như không ai nhận thấy. Không lời cảnh báo, mọi nghệ thuật, tri thức khoa học, thành tựu kỹ thuật và toàn bộ nền văn minh nhân loại sẽ chấm dứt.

Những triệu chứng đầu tiên của thảm họa sẽ là sự giảm dần việc đi lại và một sự thờ ơ ngày càng tăng của dân chúng đối với các hoạt động bình thường. Kế đến, những tác động khó lường của thay đổi trong hệ enzyme của con người sẽ ảnh hưởng đến khẩu vị và hoạt động tình dục của hàng triệu người ngày càng tăng. Chiến tranh sẽ dừng lại, ngoại giao héo úa rồi biến mất, nguồn cung thực phẩm cạn kiệt do những biến đổi trong thương mại và công nghiệp gây nên bởi sự chán chường của con người. Quần thể động vật trên đất liền và biển cả sẽ bị tàn sát bởi sự sụt giảm nghiêm trọng khả năng sinh sản và các năng lực khác. Đơn giản là sẽ không có đủ thực phẩm vì thực vật sẽ chết khi không có từ trường.

Cả rừng cây sẽ héo tàn vì bị tước từ trường kéo dài. Điều này sẽ tác động đến nguồn cung

This would affect the oxygen supply in the atmosphere, thus accelerating and compounding all other negative effects on the human race. By comparison, present-day ecological problems would be insignificant. Undecomposed human and animal carcasses would cover the land as well as the surface of the oceans, because the bacteria of decay would have been among the first life forms to be affected.

'Magnetic fields,' Dr Crain pointed out, 'would operate with equal effectiveness on marine and terrestrial organisms because water doesn't act as a barrier against them. A radical drop in geomagnetic intensity would be far more deadly than any increase in cosmic ray dosage. It would have a more *lasting* lethal effect on the most complex organisms, for instance, than on lower forms such as reptiles, insects, or bacteria.'

Scientists still don't know the exact mechanisms involved in the extinction of species. 'Biomagnetic changes *could* come from electrical reactions between the geomagnetic field and the ions in living cells,' Dr Crain suggests. 'The total effect could easily be as catastrophic as the existing fossil record indicates it was.'

Could It Happen?—Liệu điều đó có thể xảy ra không?

The end of the human race is about the most dismal prospect imaginable. But what about the idea of a new species of intelligent creature existing millions of years from now? A species puzzling over the discovery of thousands of *human* instead of dinosaur fossils? Could it happen?

Possibly. It has before. But considering the time required for geomagnetism to drop to zero, we might be able to prepare for it. With a vastly expanded knowledge of solar magnetism, the interplanetary magnetic field, and terrestrial magnetic effects on life, chances are that we'd be quickly alerted to

oxy trong khí quyển, do đó tăng tốc và chôn cất tất cả các tác động tiêu cực khác lên loài người. So sánh với đó, các vấn đề sinh thái hiện nay sẽ trở nên nhỏ bé. Xác người và động vật chưa phân hủy sẽ phủ kín đất liền cũng như mặt biển, vì các vi khuẩn phân hủy sẽ nằm trong số những dạng sống đầu tiên bị ảnh hưởng.

“Các từ trường,” Bác sĩ Crain nhấn mạnh, “tác động hiệu quả ngang nhau lên sinh vật biển và trên cạn vì nước không cản trở chúng. Sự sụt giảm mạnh cường độ địa từ sẽ chí tử hơn nhiều so với bất kỳ sự gia tăng liều bức xạ vũ trụ nào. Nó sẽ có tác động chí tử *lâu dài* lên những sinh vật phức tạp nhất, chẳng hạn, hơn là lên các dạng thấp như bò sát, côn trùng hay vi khuẩn.”

Các nhà khoa học vẫn chưa biết chính xác cơ chế liên quan đến việc tuyệt diệt loài. “Những biến đổi từ sinh học *có thể* đến từ các phản ứng điện giữa địa từ trường và ion trong các tế bào sống,” Bác sĩ Crain gợi ý. “Tổng hiệu ứng rất dễ chí tử như hồ sơ hóa thạch hiện có cho thấy nó đã từng như thế.”

Sự chấm dứt của loài người là viễn cảnh u ám nhất có thể tưởng tượng. Nhưng còn ý tưởng về một loài sinh vật thông minh mới tồn tại hàng triệu năm kể từ bây giờ thì sao? Một loài đang bối rối trước việc phát hiện ra hàng ngàn hóa thạch *con người* thay vì khủng long? Liệu điều đó có thể xảy ra?

Có thể. Trước đây đã từng. Nhưng xét đến khoảng thời gian cần để địa từ giảm về bằng không, chúng ta có thể chuẩn bị cho nó. Với tri thức được mở rộng vượt bậc về từ tính Mặt Trời, trường từ liên hành tinh và tác động từ của Trái Đất lên sự sống, rất có thể chúng ta sẽ được cảnh báo nhanh chóng về bất kỳ dị

any magnetic anomaly. This is one edge the dinosaurs didn't have.

It's possible—even probable—that human ingenuity would eventually develop artificial fields. They'd be larger and more powerful than anything yet conceived—individual shields to blanket homes and factories. Entire cities, farms, and forests could be bathed in fields generated by artificial means. Huge activators might even be constructed on the ocean floors to protect marine life!

Even without this sword of Damocles hanging over our collective heads, the rewards to be gained from full-scale research in this most important science could be incalculable.

It would, in fact become the single most important thrust of collective human effort ever made.

thường từ tính nào. Đây là lợi thế mà khủng long không có.

Có thể—thậm chí có khả năng cao—trí tuệ con người tốt cuộc sẽ phát triển các trường nhân tạo. Chúng sẽ lớn hơn và mạnh hơn bất kỳ thứ gì từng được hình dung—những tấm chắn cá nhân để bao phủ nhà ở và nhà máy. Cả thành phố, nông trại và rừng cây có thể được tắm mình trong các trường được tạo ra bằng phương tiện nhân tạo. Thậm chí có thể xây những bộ hoạt hóa khổng lồ dưới đáy đại dương để bảo vệ sinh vật biển!

Ngay cả khi không có thanh gươm Damocles này treo lơ lửng trên đầu tập thể chúng ta, phần thưởng thu được từ việc nghiên cứu toàn diện trong ngành khoa học quan trọng bậc nhất này có thể là không thể tính đếm.

Thực vậy, nó sẽ trở thành mũi nhọn quan trọng nhất của nỗ lực chung của loài người từng được thực hiện.